

Bữa Sáng Ở Tiffany's

Contents

Bữa Sáng Ở Tiffany's	1
1. Chương 1: Lời Nhà Xuất Bản	1
2. Chương 2: Bộ Phim Biểu Tượng Của Phù Hoa Và Ảo Vọng Đô Thị	2
3. Chương 3	5
4. Chương 4	10
5. Chương 5	16
6. Chương 6	23
7. Chương 7	30
8. Chương 8	34
9. Chương 9	42
10. Chương 10	48
11. Chương 11	54

Bữa Sáng Ở Tiffany's



Giới thiệu

Thể loại: Kinh điển Tập Breakfast at Tiffany's: A Short Novel and Three Stories xuất bản năm 1958

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/bua-sang-o-tiffany-s>

1. Chương 1: Lời Nhà Xuất Bản

*Chương này có nội dung ảnh, nếu bạn không thấy nội dung chương, vui lòng bật hiện hình ảnh để đọc.

Điện ảnh từ khi ra đời đã sớm chứng tỏ được sức ảnh hưởng với xã hội. Gây dựng một lối sống, tạo nên làn sóng thời trang, đấu tranh với những điều bất công hay chấp cánh những khát vọng cho con người, điện ảnh có tất cả. Nên điện ảnh thế giới suốt hơn một thế kỷ qua sở dĩ chinh phục đông đảo con người không

biên giới là nhờ sức hấp dẫn của những kịch bản hay, những câu thoại để đời và những tình huống truyện đặc sắc.

Cuốn sách mà bạn cầm trên tay nằm trong bộ sách truyện có liên quan đến phim, gồm những truyện gốc hoặc kịch bản của những bộ phim tình cảm nổi tiếng của thế giới. Loạt sách này giúp bạn đọc và những người yêu điện ảnh khám phá kỹ hơn về công việc xây dựng nội dung phim, bên cạnh những bài phê bình điện ảnh giá trị. Bạn đọc sẽ thấy lại không khí màn bạc của một thời hoàng kim, với nhiều hình ảnh đẹp và thông tin về bộ phim, những vẻ đẹp hoa lệ của các minh tinh cùng những biến hóa kỳ tài của các đạo diễn bậc thầy. Những bạn đọc truyền thống cũng tiếp xúc được với những tác phẩm có phẩm chất văn chương, với tình huống và lời thoại đặc sắc.

Để độc giả có thêm cảm xúc và sự kết nối với tác phẩm điện ảnh, sách có các hình ảnh từ phim để minh họa. Các hình ảnh được khai thác từ sách gốc và bổ sung từ các nguồn mở trong các trang mạng về điện ảnh.

Những kịch bản và truyện gốc là xuất phát điểm quan trọng của các tác phẩm điện ảnh, chúng đã đứng được độc lập, trở thành một hình thức văn chương riêng, cung cấp cho chúng ta một không gian tư duy mới, một cách giải mã phim ảnh mới. Đó cũng là những kỷ niệm về những thời khắc hạnh phúc, lãng mạn và bay bổng của chúng ta, những thiên đường điện ảnh mà chúng ta may mắn có được giữa cuộc đời này.

TRUMAN CAPOTE sinh ngày 30 tháng 9 năm 1924, tại New Orleans. Tiểu thuyết đầu tay của ông *Other Voices, Other Rooms* xuất bản lần đầu năm 1948 đã thành công trên toàn thế giới, đưa tác giả của nó vào vị trí nổi bật trong thế hệ các nhà văn Mỹ thời hậu chiến. Ông đã giữ vững vị thế này với các tuyển tập truyện ngắn (*A Tree of Night* và những truyện khác), tiểu thuyết, truyện vừa (*The Grass Harp* và *Breakfast At Tiffany's*), một số sách du lịch hay nhất thời đó (*Local Color*), các bài báo và phóng sự đăng trên *The New Yorker* (*The Duke And His Domain* và *The Muses Are Heard*), một thiên tuyệt bút về tội phạm (*In Cold Blood*), vài hồi ký ngắn về thời thơ ấu của mình ở miền Nam (*A Christmas Memory*, *The Thanksgiving Visitor* và *One Christmas*), hai vở kịch (*The Grass Harp* và *House Of Flowers*) và hai bộ phim (*Beat The Devil* và *The Innocents*). Ít nhất 20 phim điện ảnh và kịch truyền hình đã được dựng theo tiểu thuyết, truyện ngắn và kịch bản của ông.

Capote đã hai lần đoạt giải O. Henry dành cho truyện ngắn và là thành viên của Viện Văn học Nghệ thuật Quốc gia. Ông mất tháng 8 năm 1984, không lâu sau sinh nhật lần thứ 60 của mình.

2. Chương 2: Bộ Phim Biểu Tượng Của Phù Hoa Và Ảo Vọng Đô Thị

*Chương này có nội dung ảnh, nếu bạn không thấy nội dung chương, vui lòng bật hiện hình ảnh để đọc.

Truman Capote ở New York năm 1959

Từ bước ngoặt của nhà văn...

Tập *Breakfast at Tiffany's: A Short Novel and Three Stories* xuất bản năm 1958 gồm truyện vừa cùng tên và 3 truyện ngắn “Nhà hoa,” “Cây đàn guitar kim cương” và “Ký ức Giáng sinh.” Nhân vật chính của Bữa sáng ở Tiffany’s, Holly Nhẹ Dạ[1], đã trở thành một trong những sáng tạo nổi tiếng nhất của Truman Capote. Lối văn của cuốn sách đã khiến nhà văn Norman Mailer gọi Capote là “nhà văn hoàn hảo nhất của thế hệ tôi. Ông viết nên những câu văn hay nhất, đẹp đến từng con chữ, từng nhịp điệu.”

[1] Nguyên văn: Holly Golightly. Trong truyện, họ của một số nhân vật mang ý nghĩa biểu tượng, ví dụ Wildwood nghĩa là Rừng Hoang.

Bữa sáng ở Tiffany’s là một bước ngoặt trong đời văn của Capote, như ông đã nói với Roy Newquist (*Counterpoint*, 1964):

Tôi nghĩ mình có hai sự nghiệp. Một là sự nghiệp nảy nở sớm, một kẻ trẻ người non dạ đã xuất bản một loạt sách khá là đáng chú ý. Tôi thậm chí vẫn có thể đọc lại ngay lúc này và đánh giá chúng đầy ưu ái, dấu đó là việc của một người lạ... Sự nghiệp thứ hai của tôi, tôi nghĩ nó thực sự bắt đầu với Bữa sáng ở Tiffany’s. Nó hàm chứa một quan điểm khác, một lối viết khác ở một đẳng cấp khác. Thực tế thì, lối viết là một sự phát

triển từ cách này sang cách khác - một sự cắt tỉa và thanh lọc để thành một kiểu văn êm ả hơn, rõ ràng hơn. Tôi không thấy nó gợi liên tưởng, trong nhiều góc độ, bằng tác phẩm khác, hay thậm chí so với hồi đầu, mà giờ đây khó khăn hơn nhiều để làm được. Nhưng tôi chưa đạt tới được điều tôi muốn làm hay gần nơi tôi muốn tới. Có lẽ cuốn sách mới này gần đạt được với điều tôi muốn, ít nhất là về mặt định hướng.

Tiffany's ở đây cụ thể là cửa hiệu của hãng kim hoàn và trang sức cao cấp hạng nhất nước Mỹ, nằm ở khu thượng lưu Manhattan, thành phố New York. Thực tế cửa hiệu sang trọng này không bán đồ ăn, nhưng qua cách nói của nhân vật Holly trong truyện của Truman Capote, ăn sáng ở Tiffany's mang hàm nghĩa về một cuộc sống phù hoa, đẳng cấp. Mặt khác, khái niệm không có thực ấy cũng gợi ý nghĩa về một ảo vọng hào huyền.

... đến bộ phim biểu tượng

Bữa sáng ở Tiffany's là một bộ phim lãng mạn tình cảm hài năm 1961 với cặp diễn viên chính Audrey Hepburn và George Peppard. Bộ phim với kịch bản của George Axelrod, được đạo diễn Blake Edwards và hãng Paramount Pictures dựa khá lỏng lẻo theo cốt truyện của Truman Capote.

Cách thể hiện của Hepburn trong vai Holly Nhẹ Dạ như một cô gái ưa tiệc tùng ngây thơ, lập dị thường được coi như vai diễn đáng nhớ và đóng đinh phong cách của nữ diễn viên này. Bản thân Hepburn cũng coi đây là một trong những vai thách thức nhất của mình khi phải đóng vai một cô gái hướng ngoại. Màn thể hiện ca khúc "Moon River" [Sông Trăng] của Hepburn đã giúp nhạc sĩ Henry Mancini và tác giả phần lời Johnny Mercer giành giải Oscar Ca khúc hay nhất.

Bộ phim đã nhận được một giải Oscar nữa cho Nhạc phim hay nhất, cùng với đề cử cho Nữ diễn viên chính xuất sắc nhất, Chỉ đạo nghệ thuật và Kịch bản chuyển thể.

Viện phim Mỹ (AFI) đã xếp Bữa sáng ở Tiffany's thứ 61 trong số 100 phim lãng mạn hay nhất và "Moon River" thứ 4 trong số 100 bài hát trong phim hay nhất nhân 100 năm điện ảnh Mỹ. Tuy vậy, ảnh hưởng của phim lớn hơn nhiều do đặc tính thời trang và sự độc đáo của nhân vật Holly, vốn có liên quan đến giá trị văn học của tác phẩm gốc.

Sự chỉnh sửa mang màu sắc Hollywood

Trong phim, những sự thay đổi được làm để vừa với khuôn khổ của màn bạc và để đáp ứng yêu cầu về hình ảnh của các nhà làm phim. Giọng điệu và ngôn ngữ trong truyện đã được làm trầm xuống trong phim. Nhiều chủ đề gây sốc và vài cảnh chính trong truyện bị lược bớt khi lên màn ảnh. Nhiều cảnh và vật dụng mới được tạo thêm, chẳng hạn chiếc nhẫn ở cửa hiệu Tiffany's dùng làm điểm nhấn cho quan hệ giữa hai nhân vật chính.

Sự thay đổi đáng chú ý là ở nhân vật nhà văn. Nhân vật nhà văn trong phim xuất hiện muộn hơn, có cái tên Paul Varjak từ Roma tới New York. Để có tiền, anh ta làm tình nhân của một quý bà giàu có hơn tuổi. Trong khi đó, nhân vật người pha chế rượu Joe Bell trong truyện đã bị bỏ đi. Đường như các nhà làm phim tạo ra sự tương đồng về hoàn cảnh của cặp nhân vật chính để họ đến với nhau bằng tình yêu kiểu Hollywood, thay vì quan hệ tình cảm rất đặc biệt kiểu Truman Capote.

Bộ phim thay đổi cái kết buồn bã tiếc nuối của truyện sang một kết cục vui vẻ thuần túy của Hollywood: Paul và Holly đến với nhau, thay vì Holly đi đâu đó sang Châu Phi. Mặc dù vậy, với vai diễn đáng nhớ của Audrey Hepburn và chủ đề trung tâm của câu chuyện tình lãng mạn giữa Holly và Paul, bộ phim được coi như một sự bổ sung ấn tượng cho câu chuyện gốc của Capote.

Trong quá trình chuẩn bị, Capote vốn đã bán quyền làm phim cho hãng Paramount, muốn Marilyn Monroe đóng Holly Nhẹ Dạ. Nhà báo Barry Paris đã dẫn lại câu nói của Capote: "Marilyn luôn là lựa chọn đầu tiên của tôi trong vai Holly Nhẹ Dạ." Lúc này, tác giả kịch bản Axelrod được thuê để "cắt gọt kịch bản cho Monroe". Khi đạo diễn, nhà sản xuất quyền lực Lee Strasberg khuyên Monroe rằng đóng vai một cô gái điểm có thể gây hại cho hình ảnh của cô, cô liền từ chối.

Hầu hết cảnh ngoại của phim được quay ở thành phố New York, ngoài trừ cảnh lối thoát hiểm và cảnh ngộ ở kết phim trong mưa khi Holly đẩy con mèo ra khỏi xe và sau đó Paul và Holly đi tìm nó. Mọi cảnh nội khác, trừ những phân đoạn trong cửa hàng của hãng Tiffany, được quay trong trường quay của hãng Paramount ở Hollywood.

Người ta đồn đại rằng, việc quay được chuỗi cảnh mở đầu phim tại địa điểm Holly nhìn chăm chăm vào cửa sổ trưng bày của hiệu Tiffany's là cả một kỳ công của đạo diễn Blake Edwards. Mặc dù về ý tưởng thì đơn giản, nhưng việc điều khiển được đám đông, việc Hepburn ghét ăn bánh ngọt, và một tai nạn giật điện suýt chết của một thành viên đoàn làm phim được nhắc đến như những yếu tố làm cho cảnh quay là một thách thức.

Trong phỏng vấn nhân dịp ra mắt đĩa DVD kỷ niệm 45 năm ra đời phim, đạo diễn Edwards nói rằng chuỗi cảnh đó được quay khá nhanh nhờ vào cơ hội may mắn khi xe cộ bắt ngờ yên tĩnh mặc dù địa điểm quay ở ngay trung tâm Manhattan.

Nhạc sĩ Henry Mancini đã kể:

“Tôi mất khá lâu để hình dung Holly Nhẹ Dạ là người như thế nào. Một đêm về sáng, tôi vẫn cố thử viết. Tôi không uống nhiều, nhưng cứ nhấp ít rượu. Và rồi bài hát ra đời. Tôi viết ‘Moon River’ chỉ khoảng nửa tiếng.”

Bài hát được viết để phù hợp với quãng giọng hạn chế của Hepburn, dựa theo những bài hát cô đã thể hiện trong bộ phim Funny Face [Khuôn mặt vui vẻ] năm 1957. Trong DVD kỷ niệm của bộ phim, đồng sản xuất Richard Shepherd nói rằng sau một buổi chiếu thử ở San Francisco, Martin Rankin, nhà đồng sản xuất của hãng Paramount, muốn thay “Moon River” bằng âm nhạc của người khác: “Marty [Juwon, đồng sản xuất] và tôi đều nói: ‘hãy bước qua xác chúng tôi.’” Theo Mancini và Edwards, một nhà điều hành hãng phim ghét bài hát và nhất quyết đòi cắt khỏi phim. Hepburn, người thể hiện, đáp lại đề xuất đó bằng cách đứng dậy và nói, “Hãy bước qua xác tôi ấy!”

Hepburn trong vai Holly, với tẩu thuốc dài quá cỡ trên tay, được xem như một trong những biểu tượng đáng nhớ nhất của điện ảnh Mỹ thế kỷ 20. Ba bộ váy mà nhà thiết kế Givenchy dành cho Hepburn trên phim đã trở thành những bộ trang phục gây ảnh hưởng nhất trong lịch sử thế kỷ 20, đặc biệt là bộ váy đen mặc ở đầu phim.

Sự tán thưởng của truyền thông

Tạp chí Time nhận xét rằng “trong nửa tiếng đầu, Holly của Hollywood do Audrey Hepburn đóng không khác nhiều với của Capote. Cô vẫn là một Holly vui vẻ, một cô dâu trẻ con đến từ Tulip, Texas, đứa bé 15 tuổi đã chạy đến Hollywood tìm thứ gì đó sành điệu hơn trong cuộc đời - như giấy chắt hạn.” Gần nửa thế kỷ sau, Time bình luận về ảnh hưởng quan trọng của việc đóng Holly Nhẹ Dạ đối với Hepburn:

Bữa sáng ở Tiffany's đã đặt Hepburn vào khuôn mẫu Hollywood những năm 1960 của cô. Holly Nhẹ Dạ, từ một cô gái tỉnh lẻ miền Nam biến thành một kẻ lừa đảo Manhattan, là chị em họ người Mỹ hư hỏng của Eliza Doolittle, cô gái nhà quê nước Anh biến thành Quý bà Thanh lịch của tôi[1]. Holly cũng trở thành hình mẫu cho những người phụ nữ Hepburn đóng trong Charade [Câu đố], Paris when It Sizzles [Parts khi lửa gần rơm] và How to Steal a Million [Làm sao đánh cắp triệu đô]: những người điên trong phim hành động hài. Và Hepburn cũng dọn đường cho khán giả gặp những mối lo âu đời thường bình dân mà các nhân vật của cô sẽ khắc họa sau này trong The Children's Hour [Giờ khắc của trẻ con], Two for the Road [Hai người trên đường] và Wait Until Dark [Đợi khi tối trời].

[1] Tức nhân vật trong My Fair Lady (1964), dựng từ vở nhạc kịch Broadway, dựa theo vở kịch Pygmalion (1912) của văn hào Anh Bernard Shaw.

Tờ New York Times gọi bộ phim là một “chuyến du ngoạn khó tin nhưng đầy đam mê vào thế giới không tưởng tạo nên từ sự pha trộn của những câu nói hài hước, lãng mạn và chua cay, cùng những khu phố Bờ Đông Manhattan hào nhoáng được tô màu sắc đáng yêu nhất”; khi bình luận về những màn trình diễn, tờ báo nhận xét Holly Nhẹ Dạ là “đáng ngờ vô cùng. Nhưng dưới dáng vẻ của Hepburn, cô là một đứa trẻ bơ vơ ngộ nghĩnh sẽ trở nên đáng tin và đáng ngưỡng mộ khi nhìn thấy”.

Trang mạng bình phim nổi tiếng Rotten Tomatoes đánh giá phim 88% Hay với lời nhận xét: “Mặc dù có vài sự lỗi thời tệ hại, nhưng Blake Edwards đã đạt tới sự hài hước nhất của mình trong tác phẩm kinh điển có tính biểu tượng này, và Audrey Hepburn đã hoàn toàn lấp lánh màn ảnh.”

3. Chương 3

Tôi thường bị cuốn hút bởi những nơi mình từng sống, ngôi nhà và vùng lân cận. Ví dụ như khu nhà xây đá nâu đường 70 Đông, nơi vào những năm đầu chiến tranh, tôi đã có căn hộ đầu tiên của mình ở New York. Đây là một căn phòng chật ních đồ đạc kiểu cổ, một cái sofa và mấy chiếc ghế tựa bọc nhung đỏ rực, làm ta ngứa ngáy nghĩ đến những hôm nóng nực ngồi trên tàu. Tường nhà trát vữa, có màu như bã thuốc lá khạc ra. Khắp nơi, kể cả trong toilet, treo những bức tranh thành Rome đồ nát, loang lổ vết ố thời gian. Cửa sổ duy nhất trông ra lối thoát hiểm. Nhưng dẫu sao, tôi vẫn hân hoan mỗi khi lục túi thấy chìa khóa căn hộ ấy; dù tối tăm thế nào thì nó vẫn là chỗ ở đầu tiên của riêng tôi, ở đó có tất cả, sách vở, cái hũ cắm bút chì để vót, mọi thứ tôi cần - tôi cứ tưởng thế, để trở thành nhà văn như tôi muốn.

Hồi đó, chẳng bao giờ tôi nghĩ đến chuyện viết về Holly Nhẹ Dạ, và cả đến bây giờ cũng thế, nếu không có cuộc nói chuyện với Joe Bell gợi lên mọi ký ức về cô.

Holly Nhẹ Dạ ở trọ tại khu nhà đá nâu đó; cô sống ở căn hộ dưới phòng tôi. Joe Bell mở một quán bar ngay góc đường Lexington; đến giờ vẫn vậy. Cả Holly và tôi thường tới đó 6, 7 lần trong ngày, không phải để uống, mà thường là để gọi điện thoại, thời chiến tranh, điện thoại riêng hiếm có lắm. Hơn nữa, Joe Bell chịu khó làm bồ câu đưa thư, mà trong trường hợp của Holly thì rất tiện, vì cô cực kỳ lười thư từ.

Tất nhiên, chuyện đã lâu lắm rồi, tính đến tuần trước thì tôi không gặp Joe Bell đã bảy năm. Thỉnh thoảng chúng tôi cũng liên hệ, đôi lần đi ngang qua khu này tôi có tạt vào bar, nhưng thực ra chúng tôi chẳng phải bạn bè thân thiết gì, trừ mỗi chuyện cả hai đều chơi với Holly Nhẹ Dạ. Joe Bell khó tính, chính anh ta cũng thừa nhận thế, bảo là vì sống độc thân và bị chứng ợ chua. Ai mà biết Joe cũng phải xếp anh ta thuộc loại khó bắt chuyện. Không thể cạy mồm Joe nếu không chia sẻ được những thứ anh ta gắn bó, trong đó có Holly và ngoài ra là: môn khúc côn cầu trên băng, lũ chó săn giống Weimaraner, Các cô gái Chủ nhật của chúng ta (một bộ phim dài tập mà anh ta theo dõi suốt mười lăm năm), Gilbert và Sullivan[1] - anh ta nói có họ hàng với một trong hai người mà tôi không nhớ là ai.

[1] Hai tác giả phần lời ca và nhạc của 14 vở opera hài thời kỳ Victoria cuối thế kỷ 19 ở Anh.

Và thế là, chiều thứ Ba tuần trước, khi điện thoại reo, nghe “Joe Bell đây” tôi biết ngay thế nào cũng về chuyện Holly. Nhưng anh ta không nói thế, chỉ bảo: “Cậu có thể chạy đến đây ngay được không? Quan trọng đây” có vẻ gì kích động trong cái giọng uôm uôm của anh ta.

Tôi bắt taxi trong trận mưa tháng Mười như trút nước, và trên đường đi tôi còn nghĩ có khi cô ấy sẽ ở đó, tôi sẽ gặp lại Holly.

Nhưng chẳng có ma nào ngoài chủ nhà. So với các bar khác trên đường Lexington thì quán của Joe Bell khá vắng vẻ. Không đèn neon cũng chẳng có tivi. Hai tấm gương cũ kỹ phản chiếu thời tiết bên ngoài; và sau quầy bar, ở hộc tường, xung quanh là ảnh các ngôi sao khúc côn cầu, luôn có một bát hoa tươi lớn Joe Bell tự tay cắm với sự chăm chút rất cẩn thận. Khi tôi bước vào, anh ta đang cắm hoa.

“Lê ra,” anh ta vừa nói vừa cắm một nhánh layon sâu xuống bát, “lê ra tôi chẳng gọi cậu đến nếu không vì muốn nghe ý kiến của cậu. Đặc biệt lắm. Một chuyện rất lạ lùng đã xảy ra.”

“Anh nghe gì về Holly à?”

Anh ta mân mê một chiếc lá, vẻ như không biết trả lời sao. Người nhỏ, đầu khá đẹp với mái tóc bạc xơ xác, anh ta có gương mặt xương xương, vạc từng nét, hợp với khổ người phải cao hơn nhiều; da anh ta lúc nào cũng như bị cháy nắng: lúc này thậm chí càng đỏ hơn. “Cũng không hẳn là tôi nghe tin gì của cô ấy. Ý tôi là, tôi không biết. Vì thế mà tôi muốn nghe ý kiến của cậu. Để tôi làm cho cậu một ly. Có thứ mới đây. Người ta gọi đó là Thiên thần Trắng,” anh ta nói, trộn một phần rưỡi vodka, một phần rưỡi gin, không bỏ thêm rượu cóc-tai. Trong khi tôi uống món đó, Joe Bell đứng ngậm một viên kẹo Tums chống ợ chua và căng óc nghĩ xem phải kể gì cho tôi. Và rồi: “Cậu còn nhớ ông I.Y. Yunioshi không? Cái tay người Nhật ấy.”

“Ở California chứ gì” tôi đáp, nhớ ngay ra ông Yunioshi. Ông ta là người chụp hình cho một tạp chí ảnh, và khi quen tôi thì ông ta sống ở căn hộ tầng cao nhất của khu nhà đá nâu.

“Đừng làm tôi rối trí. Tôi chỉ hỏi là cậu có biết tôi đang nói về ai không? Ok. Đem qua chính cái ông I.Y. Yunioshi đã lượn qua đây. Tôi không gặp ông ta có lẽ đến hơn hai năm rồi. Thế cậu nghĩ ông ta ở đâu trong hai năm đó?”

“Châu Phi.”

Joe Bell ngừng nhai kẹo Tums, mắt nheo lại. “Làm sao cậu biết?”

“Tôi đọc trên tờ Winchell.” Đúng thế thật.

Anh ta chạy đến mở máy đếm tiền, lôi ra một cái phong bì đựng giấy tờ. “Thử xem cậu đã thấy cái này trên tờ Winchell chưa.”

Trong phong bì có ba bức ảnh, tựa tựa giống nhau mặc dù được chụp từ những góc hơi khác: một người đàn ông Phi châu cao, thanh tú, quần xà rồng vải thô in hoa, môi nở nụ cười ngượng ngùng nhưng vẫn có vẻ tự đắc, tay nâng một bức tượng gỗ khá kỳ quặc, tạc hình đầu một cô gái tóc mượt và ngắn như con trai, đôi mắt gỗ trơn tuột của cô quá to và xệch trên khuôn mặt thon thon, cái miệng rộng, cường điệu nhưng không phải kiểu như hề. Nhìn thoáng qua nó có vẻ là một bức điêu khắc rất thô sơ; nhưng lại không phải, vì nó giống hệt Holly Nhẹ Dạ, ít nhất thì cũng tựa như thế khi nhìn trong bóng tối.

“Nó làm cậu nghĩ đến cái gì?” Joe Bell hỏi, hài lòng với vẻ bối rối của tôi.

“Trông giống cô ấy.”

“Nghe này, anh bạn,” anh ta đập tay lên quầy bar, “đó chính là cô ấy. Chắc như bấp vậy. Tay Nhật này nhận ra ngay khi vừa nhìn thấy cô ấy.”

“Ông ta gặp cô ấy ư? Ở Phi châu?”

“Ồ. Chỉ là bức tượng ở đó thôi. Nhưng nó cũng có nghĩa như thế. Cậu đọc ghi chú mà xem,” anh ta nói, lật lại một bức ảnh. Mặt sau của nó ghi: Khắc gỗ, Bộ lạc S, Tribe, Tococul, East Anglia, Ngày Giáng sinh, 1956.

Anh ta nói, “tay Nhật kể thế này,” và câu chuyện là: Vào ngày Giáng sinh, ông Yunioshi vác máy ảnh qua Tococul, một cái làng giữa đồng không mông quạnh, chẳng có gì để xem ngoài mấy túp lều đắp bằng bùn, khi nhảy trong vườn và ó dậu trên nóc nhà. Ông ta quyết định đi luôn, nhưng rồi chợt thấy một thổ dân ngồi chồm hổm giữa cửa tạc hình bọ khỉ trên một cái ba-toong. Ông Yunioshi thấy khá ấn tượng nên hỏi xem các tác phẩm khác của anh ta. Trong số đó, ông ta thấy bức tượng đầu cô gái: và, như kể với Joe Bell, ông ta ngỡ mình đang nằm mơ. Nhưng khi ông ta đòi mua thì anh chàng thổ dân khum tay quanh cửa quý của mình (có lẽ là một cử chỉ tế nhị, kiểu như vỗ đầu ai đó) rồi bảo không. Nửa cân muối và mười đô; rồi tăng lên cả cân muối và hai mươi đô; kèm thêm cái đồng hồ đeo tay, không gì lung lạc được anh ta. Ông Yunioshi rất cuộc đành cố tìm hiểu xem bức tượng đó được làm như thế nào. Ông cũng mất chỗ muối và cái đồng hồ để nghe được câu chuyện bằng thổ ngữ châu Phi xen với thứ tiếng Anh lỏm khỏm và ra hiệu bằng tay. Có vẻ như mùa xuân năm ấy, một nhóm ba người da trắng đã cưỡi ngựa ra khỏi rừng. Một phụ nữ trẻ và hai người đàn ông. Hai người đàn ông mất đồ rực vì sốt, bị buộc phải nằm run cầm cập trong một cái lều biệt lập, trong khi người phụ nữ trẻ chợt khoái anh chàng khắc gỗ và nằm chung chiếu với anh ta.

“Tôi không tin chuyện đó “ Joe dẫn đo bảo. “Tôi biết cái kiểu của cô ấy, nhưng tôi không nghĩ là cô ấy đi xa đến mức đó.”

“Rồi sao nữa?”

“Chẳng sao cả,” anh ta nhún vai. “Cô ấy đến thế nào thì đi như thế, trên lưng ngựa.”

“Một mình hay với hai ông kia?”

Joe Bell chớp mắt. “Với hai gã kia, chắc thế. Rồi tay Nhật dò hỏi về cô ấy khắp cả nước đó. Nhưng chẳng ai thấy cô ấy đâu cả.” Và như cảm thấy sự thất vọng của tôi truyền sang, anh ta cố vớt vát. “Phải thừa nhận một điều, đó là thông tin chắc chắn duy nhất trong vòng, tôi không biết là” - anh ta đếm ngón tay, nó không đủ - “bao nhiêu năm. Tôi chỉ hi vọng một điều là cô ấy giàu. Chắc cô ấy phải giàu. Chỉ có người giàu mới đi chơi bởi khắp châu Phi như thế”

“Có lẽ cô ấy chưa từng đặt chân đến châu Phi,” tôi đáp, bụng bảo dạ như thế; nhưng tôi vẫn có thể hình dung ra Holly ở đó, đây là nơi cô dám tới lắm. Và cái đầu tượng: tôi nhìn lại bức ảnh lần nữa.

“Bạn biết hay nhỉ, thế cô ấy đang ở đâu?”

“Đã chết. Hay ở nhà thương điên. Hay đã lấy chồng. Tôi chắc cô ấy đã kết hôn, yên ổn và có khi ở ngay thành phố này cũng nên.”

Anh ta ngẫm nghĩ giây lát. “Không,” anh ta thốt lên, lắc lắc đầu. “Tại sao ư. Nếu cô ấy ở thành phố này thì tôi đã gặp rồi. Một người đàn ông thích đi dạo như tôi, suốt mười đến mười hai năm nay bước dọc các phố và trong chùng ấy năm chỉ để mắt tìm kiếm một người, mà không ai giống cô ấy cả, thế thì hẳn là cô ấy không ở đây chứ? Tôi thường hay bắt gặp chút bóng dáng của cô ấy, một cặp mông tròn nhỏ, hay cô gái nào đó gầy gầy, bước nhanh và thẳng.” Anh ta ngừng lời, có lẽ để ý thấy tôi đang nhìn anh chăm chú.

“Bạn nghĩ tôi mất trí à?”

“Chỉ là tôi không biết anh lại yêu cô ấy. Không có vẻ như thế.”

Tôi tiếc là mình đã nói ra; nó làm Joe lúng túng. Anh ta vợ mấy tấm ảnh rồi nhét lại vào phong bì. Tôi liếc nhìn đồng hồ. Tôi chẳng biết đi đâu, nhưng có lẽ nên rút khỏi chỗ này.

“Khoan đã,” anh ta tóm lấy cổ tay tôi. “Chắc chắn là tôi yêu cô ấy. Nhưng không phải là tôi muốn chạm vào cô ấy.” Anh ta nói thêm, không cười: “Không phải tôi không nghĩ đến chuyện đó. Ngay cả ở tuổi này, ngày 10 tháng Giêng này tôi sẽ tròn 67 tuổi. Đó là một sự thật lạ lùng - nhưng, càng già, tôi càng bị ám ảnh bởi chuyện đó nhiều hơn. Hồi còn trẻ ranh tôi cũng không nghĩ về nó nhiều như bây giờ. Có lẽ càng già, càng khó thực hiện thì nó càng đeo đẳng trong đầu mình, trở thành một gánh nặng. Mỗi khi tôi đọc báo về một lão già làm chuyện ô nhục, tôi biết là vì gánh nặng đó. Nhưng” - anh ta tự rót cho mình một ly whisky và uống cạn - “Tôi không bao giờ hạ thấp mình. Và tôi thề, không bao giờ ý nghĩ đó về Holly thoáng qua óc tôi. Ta có thể yêu một người không theo cách đó. Ta xem người ấy như người lạ, như bạn.”

Hai người đàn ông bước vào quán, có lẽ đến lúc nên rút lui. Joe Bell đưa tôi ra cửa. Anh ta tóm tay tôi lần nữa. “Bạn có tin chuyện đó không?”

“Rằng anh không muốn chạm vào cô ấy ư?”

“Ý tôi là về châu Phi ấy.”

Lúc đó tôi không thể nhớ nổi câu chuyện, chỉ nhớ hình ảnh cô nàng cười ngựa ra đi. “Dù sao thì cô ấy cũng đi mất rồi.”

“Phải,” anh ta nói, mở cửa ra. “Đi mất rồi.”

Bên ngoài, mưa đã tạnh, chỉ còn một chút sương mù trong không trung, nên tôi rẽ ở khúc quanh và bước dọc con phố có tòa nhà đá nâu. Phố đó có hàng cây vào mùa hè tỏa bóng mát xuống vỉa hè; nhưng giờ thì lá vàng và rụng gần hết, mưa làm chúng trơn trượt dưới gót giày. Tòa nhà đá nâu nằm ở giữa đoạn phố, gần một nhà thờ có cái đồng hồ tháp chuông màu xanh mỗi giờ lại rung lên. Nó đã được sửa mới từ thời của tôi; một cái cửa màu đen đẹp để thay thế lớp kính mờ cũ và cửa sổ lắp thêm cánh chớp màu xám trang nhã. Tôi không nhớ còn ai sống ở đó, trừ Madam Sapphia Spanella, một bà có giọng khàn khàn chiều chiều vẫn đi trượt patanh ở Công viên Trung Tâm. Tôi biết bà vẫn ở đó vì đã treo lên mấy bậc cầu thang nhòm vào hòm thư. Đó là một trong những hòm thư gây cho tôi ấn tượng đầu tiên về Holly Nhẹ Dạ.

Sống trong ngôi nhà đó chừng một tuần thì tôi để ý thấy hòm thư của căn hộ số 2 có gắn tấm biển rất gây tò mò ở chỗ để tên. Nó được in rất điệu: Cô Nhẹ Dạ Nghi Hề; và ở góc dưới, Du Lịch. Nó đeo bám lấy tôi như một giai điệu: Cô Nhẹ Dạ Nghi Hề Đi Du Lịch.

Một đêm, phải quá mười hai giờ, tôi choàng tỉnh bởi tiếng ông Yunioshi gọi vọng xuống cầu thang. Vì ông ta ở tầng trên cùng nên tiếng ông ta truyền khắp tòa nhà, giận dữ và nghiêm khắc. “Cô Nhẹ Dạ! Tôi phản đối!”

Tiếng trả lời từ tít phía dưới cầu thang nghe trẻ trung non nớt và rất dễ thương. “Ồi, anh yêu, em xin lỗi. Em đánh mất cái chìa khóa chết tiệt ấy rồi.”

“Cô không thể cứ nhấn chuông phòng tôi mãi thế. Cô làm ơn làm phúc tự đánh lấy chìa khóa cho mình đi.”

“Nhưng em làm mất hết rồi.”

“Tôi làm việc, tôi phải ngủ.” Ông Yunioshi gào lên. “Còn cô thì cứ nhè chuông nhà tôi mà nhấn...”

“Ôi, xin đừng giận mà, anh yêu bé nhỏ: em sẽ không làm thế nữa” - giọng nữ đến gần hơn, cô ta đang lên cầu thang - “Em có thể để anh chụp những bức ảnh mà mình nói chuyện ấy.”

Lúc đó tôi mò ra khỏi giường và mở hé cánh cửa chừng vài phân. Tôi có thể nghe thấy ông Yunioshi im lặng, nói là nghe, vì có tiếng thở phập phồng rõ mồn một.

“Khi nào?” ông ta hỏi.

Cô gái cười. “Một lúc nào đó,” cô đáp giọng bôi ra nhõng nhẽo.

“Lúc nào cũng được,” ông ta nói và đóng cửa lại.

Tôi bước ra sảnh, nhòai người qua lan can, vừa đủ để nhìn thoáng thấy. Cô gái vẫn còn đó, đang đến chỗ đầu cầu thang, mái tóc cô kiểu con trai, nhiều màu sắc, từng vệt hung hung xen những món tóc sáng trắng và vàng óng, bắt ánh đèn ở sảnh. Đó là một đêm ấm áp, gần như mùa hè, và cô mặc một chiếc váy đen mỏng, đi sandal đen, đeo chuỗi ngọc. Với dáng mỏng manh thanh lịch, cô có vẻ lạnh mạnh của ngũ cốc cho bữa sáng, sạch tinh như xà phòng và chanh, hai vệt hồng ửng lên trên má. Miệng cô rộng, mũi hếch. Một cặp kính râm che mắt. Đó là một gương mặt nửa trẻ con, nửa đàn bà. Tôi đoán cô khoảng từ 16 đến 30 tuổi; và hóa ra hai tháng nữa cô mới tròn mười chín.

Cô không đi một mình. Có một gã đàn ông theo sau cô. Bàn tay nung núc của gã bám lấy hông cô có vẻ không đang hoang, kiểu mất dạy, khó coi. Gã lùn và đồ con, rậm nắng nhân tạo, vuốt sáp thơm, mặc một bộ vest sọc chìm rất hợp, với bông cẩm chương đỏ cài cầu thả nơi ve áo. Khi họ đến cửa phòng cô, cô lục ví tìm chìa khóa, chẳng buồn để ý đến cặp môi dày của gã đang hít hà gáy mình. Rốt cuộc cô cũng tìm thấy chìa khóa, mở cửa phòng, rồi thân ái quay sang gã: “Chúa phù hộ anh yêu - anh thật tử tế tiễn em về tận nhà.”

“Này, bé ơi!” gã thốt lên trước khi cánh cửa đóng lại trước mũi.

“Gi cơ, anh Harry?”

“Harry là thằng khác. Anh là Sid. Sid Arbuck. Em thích anh mà.”

“Em ngưỡng mộ anh, anh Arbuck. Thôi ngủ ngon nhé anh Arbuck.”

Arbuck trợn mắt nhìn cánh cửa đóng sập lại, không tin nổi. “Này, bé ơi, cho anh vào. Em thích anh mà, bé ơi. Anh là người dễ thương. Chẳng phải anh đã trả tiền cho cả năm người bạn em mà anh chưa gặp bao giờ? Thế thì em phải thích anh chứ? Em thích anh mà, bé cưng.”

Gã gõ nhẹ lên cánh cửa, rồi mạnh dần; cuối cùng, gã lùi lại vài bước, gập người thấp xuống như thể định tấn công. Nhưng thay vì thế, gã lao xuống cầu thang, đâm tay vào tường. Ngay khi gã vừa tới chân cầu thang, cửa phòng cô gái bật mở và cô thò đầu ra.

“Ô, anh Arbuck...”

Gã quay lại, mặt bóng lên nụ cười phớn phở: cô gái chỉ đùa thôi.

“Lần sau nếu có em gái nào xin anh xu lẻ để đi vệ sinh,” cô nói vọng xuống, không đùa chút nào, “em khuyên anh đừng có cho người ta hai mươi xu!”

images

Cô giữ lời hứa với ông Yunioshi; hoặc tôi đoán cô không nhấn chuông nhà ông ta nữa, vì những ngày sau đó, cô bắt đầu nhấn chuông nhà tôi, đôi khi vào lúc hai, ba hoặc bốn giờ sáng: chẳng chút áy náy là đã dựng cổ tôi ra khỏi giường lúc mấy giờ để nhấn nút mở cửa cầu thang cho cô. Vì tôi có ít bạn bè và chẳng ai đến vào giờ ấy nên tôi luôn biết chắc đây là cô. Nhưng lần đầu tiên chuyện đó xảy ra, tôi đã nhảy bổ ra khỏi cửa, tưởng có điện tín báo tin dữ; và cô Nhẹ Dạ gọi với lên: “Xin lỗi anh yêu - em quên chìa khóa.”

Tất nhiên chúng tôi chẳng bao giờ gặp nhau. Mặc dù chúng tôi thường chạm mặt ở cầu thang hoặc trên phố, nhưng cố có vẻ như không nhìn thấy tôi. Bao giờ cô cũng đeo cặp kính râm, ăn mặc chải chuốt, trang

phục giản dị nhưng rất có gu, chỉ màu xanh và màu xám, không có gì rực rỡ nhưng lại khiến chính cô tỏa sáng. Người ta có thể nghĩ cô là người mẫu ảnh, hoặc một nữ diễn viên trẻ, mặc dù qua giờ giấc của cô thì rành rành là cô chẳng có lúc nào để làm hai việc đó.

Thỉnh thoảng tôi tình cờ gặp cô bên ngoài khu này. Một lần, người họ hàng đưa tôi đến quán “21”, ở đó, bên một cái bàn rộng mênh mông, ngồi giữa bốn người đàn ông, không phải Anh Arbuck nhưng đều có vẻ tựa tựa thế, cô Nhẹ Dạ đang lười biếng, điềm nhiên chải tóc, và vẻ mặt cô, cái ngáp kín đáo khó nhận thấy làm tôi đâm cụt hứng trước bữa tối ở một chốn sang trọng như vậy. Một đêm khác, vào giữa mùa hè, cái nóng nực trong phòng buộc tôi nhào ra phố. Tôi đi bộ từ Đại lộ Ba đến phố 51, nơi có một tiệm đồ cổ bày ở cửa sổ món đồ tôi rất thích: một cái cung điện - lồng chim kiểu tháp chuông nhà thờ Hồi giáo với những phòng nhỏ bằng tre như đang mời gọi bọn vẹt lăm điều vào. Nhưng giá của nó tới ba trăm năm mươi đô. Trên đường về nhà, tôi để ý thấy một đám đông lái xe taxi tùm tùm trước saloon P. J. Clarke, họ có vẻ bị lôi cuốn bởi một nhóm sĩ quan người Úc hân hoan và say mèm, đang rống lên bài “Waltzing Matilda.” Vừa hát, họ vừa thay phiên nhảy xoay vòng với một cô gái trên đám sỏi dưới mái hiên; và cô gái, chắc chắn là Cô Nhẹ Dạ, bay lướt trong tay họ nhẹ như một tấm khăn quàng.

images

Nhưng cho dù Cô Nhẹ Dạ tiếp tục lờ đi sự tồn tại của tôi, trừ phi cần mở cửa, thì qua mùa hè đó, tôi trở thành một “chuyên gia” về cô. Quan sát thùng rác ngoài cửa phòng cô, tôi phát hiện ra cô thường xuyên đọc báo khổ nhỏ, quảng cáo du lịch và bản đồ chiêm tinh; cô hút một loại thuốc lá kỳ dị tên là Picayunes, chỉ cần ăn pho mát không kem và bánh mì sấy khô; và mái tóc lăm màu sắc của cô là tự chế ra. Cũng thùng rác tổ rằng cô hay nhận những bức thư của lính kèm theo kiện hàng. Thư luôn luôn bị xé nhỏ như miếng đánh dấu sách. Thỉnh thoảng tôi lại phải phải đi một mẫu thư như thế khi đi ngang. Nhớ đến, nhớ em, mưa và hãy viết thư, khôn kiếp và đáng nguyên rủa là những từ trở đi trở lại nhiều nhất trên những mẫu giấy đó; ngoài ra còn cô đơn và yêu nữa.

Cô cũng nuôi một con mèo và chơi guitar. Vào những ngày nắng gắt, cô gọi đầu rồi ngồi với con mèo tam thể trên lối thoát hiểm, gảy guitair trong khi hong tóc cho khô. Mỗi khi nghe tiếng đàn, tôi lại lặng lẽ đến bên cửa sổ. cô chơi rất hay, đôi khi còn hát nữa. Hát bằng giọng khàn của cậu con trai đang vỡ tiếng. Cô biết tất cả các bài hát trong những show nổi tiếng, Cole Porter và Kurt Weill; cô đặc biệt ưa thích các bài hát trong vở nhạc kịch Oklahoma! mới ra trong mùa hè đó và phổ biến khắp nơi. Nhưng có những lúc cô chơi bản nhạc khiến ta băn khoăn không biết cô học nó từ đâu, và thật ra cô đến từ đâu? Những giai điệu lằng lằng, vừa thô thấp, vừa dịu dàng với ca từ mang hương vị của rừng thông và thảo nguyên. Có câu: không muốn ngủ, không muốn chết, chỉ muốn lãng du qua những cánh đồng trời; và bài này có vẻ cô ưa nhất vì cô cứ hát mãi, khi tóc đã khô lâu rồi, khi mặt trời đã lặn và những ô cửa sổ sáng lên trong màn đêm.

Nhưng mỗi quen biết của chúng tôi chẳng tiến triển chút nào cho đến tận tháng Chín, vào một buổi tối khi cái lạnh se se đầu tiên của mùa thu luôn về. Tôi đi xem phim về nhà, chui vào giường với một chai whisky ngô và tác phẩm mới nhất của Simenon: hoàn toàn thư giãn đúng ý tôi, cho nên tôi không thể hiểu nổi vì sao mình lại có cảm giác bất an, và nó cứ tăng dần đến lúc tôi nghe tiếng tim mình đập thình thịch. Đây là một cảm giác tôi có đọc đâu đó, được người ta viết ra, nhưng bản thân tôi chưa bao giờ trải qua. Cảm giác bị theo dõi. Hoặc có ai đó trong phòng. Và rồi: có tiếng gõ càn cạch lên cửa sổ, một bóng xám ma quái lướt qua: tôi phun ngụm rượu ra. Phải mất một lúc tôi mới dám ra mở cửa sổ, và hỏi Cô Nhẹ Dạ muốn gì.

images

“Em gặp phải một gã kinh khủng ở dưới nhà,” cô đáp, bước từ lối thoát hiểm vào phòng. “Ý em là lúc không say thì hẳn ta cũng tử tế, nhưng khi hẳn nốc vang vào, ôi Chúa ơi, thành quái vật! Em sợ nhất là đàn ông cần.” Cô trật chiếc váy vải flanel khỏi vai để chỉ cho tôi xem bị đàn ông cần thì làm sao. Cô chỉ mặc mỗi chiếc váy đó trên người. “Em xin lỗi nếu em làm anh sợ. Nhưng con thú rầy rà quá làm em phải trốn qua cửa sổ. Chắc hẳn nghĩ em vẫn còn trong phòng tắm, mặc xác hẳn nghĩ gì, quý tha ma bắt hẳn đi, hẳn sẽ mệt rồi lăn ra ngủ, Chúa ơi, lẽ ra hẳn phải thế rồi, 8 ly Martini trước bữa tối và chỗ vang đủ tắm cho cả con voi. Nghe này, anh có thể quăng em ra ngoài nếu muốn. Em thật trơ tráo đột nhập vào chỗ anh như thế này. Nhưng lối thoát hiểm kia lạnh cóng. Và trông anh thật ảm áp. Cứ như anh Fred anh trai em vậy. Bọn em từng ngủ bốn đứa chung nhau trên giường, và anh ấy là người duy nhất chịu để cho em ôm trong đêm lạnh giá. À mà anh có phiền nếu em gọi anh là Fred không?” Giờ thì cô đã vào hẳn trong phòng, ngừng

lại ở đây và nhìn tôi chăm chăm. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy cô không đeo kính râm, chắc nó là bắt buộc vì không có kính, mắt cô bị lác như mắt thợ kim hoàn. Đôi mắt to, pha màu xanh biếc, một chút xanh lục và điểm những đốm nâu: đầy màu sắc, giống như tóc cô; và cũng như tóc cô, nó tỏa ánh sáng ấm áp. “Em chắc anh nghĩ em thật trơ tráo. Hay trềs fou[2]. Hay đại loại như thế.”

[2] Tiếng Pháp: điên rồ.

4. Chương 4

BỮA SÁNG Ở TIFFANY'S (tt)

images

“Không hề.”

Cô có vẻ thất vọng. “Có, anh nghĩ thế mà. Ai cũng nghĩ thế. Em chẳng giận đâu. Thế cũng tốt.”

Cô ngồi xuống một trong mấy chiếc ghế tựa bọc nhung đỏ ọp ẹp, co đôi chân vào, và liếc nhìn quanh phòng, mắt cô nhú lại mỗi lúc một rõ. “Làm sao anh chịu đựng nổi chỗ này? Một cái phòng khủng khiếp.”

“Ồ, rồi cũng quen cả thôi,” tôi đáp, bản thân hơi khó chịu vì thực ra tôi tự hào về chỗ này.

“Em không thể. Em chẳng bao giờ quen dần với cái gì cả. Ai mà quen nổi thì chết đi cho rồi.” Đôi mắt khinh khi của cô quan sát căn phòng lần nữa. “Anh làm cái gì ở đây suốt ngày?”

Tôi ra hiệu về phía cái bàn chất đầy sách vở và giấy tờ. “Viết lách.”

“Em cứ tưởng nhà văn thường già khụ. Tất nhiên Saroyan thì không già. Em gặp anh ta ở một bữa tiệc, thực sự là anh ta không già tẹo nào cả. Thật ra” cô mơ màng, “nếu anh ta chịu khó cạo râu thật kỹ... à mà Hemingway có già không nhỉ?”

“Khoảng hơn bốn mươi, chắc thế.”

“Cũng không tệ lắm. Em chẳng bao giờ hứng thú với đàn ông dưới bốn mươi hai tuổi. Em biết một con bé gốc cứ bảo là em phải đi gặp bác sĩ tâm thần; nó nói em bị ám ảnh về bố. Đúng là dở hơi. Em chỉ đơn giản là luyện cho mình phải thích đàn ông lớn tuổi, và đó là điều khôn ngoan nhất mà em từng làm đấy. W. Somerset Maugham bao nhiêu tuổi nhỉ?”

“Tôi không rõ lắm. Khoảng sáu mươi gì đấy.”

“Cũng không tệ. Em chưa bao giờ lên giường với một nhà văn cả. Không, đợi đã: anh có biết Benny Shacklett không?” Cô sững người khi tôi lắc đầu. “Buồn cười thật. Ông ta viết đủ thứ cho radio mà. Nhưng dở hơi lắm. Nói cho em nghe đi, anh là nhà văn xịn à?”

“Còn tùy xem cô định nghĩa xịn là thế nào.”

“Ồ thì, anh yêu, đã có ai mua tác phẩm anh viết chưa?”

“Chưa.”

“Em sẽ giúp anh” cô nói. “Em có thể đấy. Nghĩ đến tất cả những người em quen và họ lại quen những người khác. Em sẽ giúp anh vì trông anh giống anh Fred của em. Chỉ có nhỏ hơn thôi. Em không gặp anh ấy từ năm em mười bốn tuổi, lúc em đi khỏi nhà, anh ấy đã cao hơn một mét tám. Em có ông anh khác cũng còi như anh. Fred cao thế là vì ăn nhiều bơ lạc. Ai cũng cười anh ấy gốc vì ních quá nhiều bơ lạc; anh ấy chẳng quan tâm đến cái gì khác trên đời ngoài ngựa và bơ lạc. Nhưng anh ấy không gốc đâu, chỉ hiền, lơ đãng và cực kỳ chậm chạp thôi; anh ấy bị đúp lớp Tám ba năm liền, lúc em trốn đi ấy. Tội nghiệp Fred. Em không biết trong quân đội người ta có cho ăn bơ lạc thoải mái không? Nhắc đến làm em thấy đói quá.” Tôi vừa chỉ vào bát táo, vừa hỏi tại sao và như thế nào mà cô lại bỏ nhà đi khi còn nhỏ thế. Cô nhìn tôi

trừng trừng, xoa xoa mũi như thể bị ngứa: một cử chỉ hay lặp lại, tôi nhận ra đây là dấu hiệu khi cô bị xâm phạm. Cô rất cảnh giác với những người có cái thú trơ trẽn là tọc mạch chuyện riêng tư, cũng như với bất kỳ cái gì đại loại như một câu hỏi trực diện hay nài ép. Cô cắn một miếng táo rồi nói: “Kể em nghe anh đã viết gì đi. Câu chuyện ấy.”

“Gay nhỉ. Đây không phải là loại truyện có thể kể lại được.”

“Quá bẩn thỉu à?”

“Có lẽ lúc nào đó tôi sẽ để cô đọc vậy.”

“Táo phải đi với whisky mới hợp. Rót cho em một ly đi anh yêu. Rồi anh có thể tự đọc cho em một truyện.”

Rất hiếm tác giả, đặc biệt là những người chưa bao giờ được in, có thể cưỡng lại lời đề nghị đọc tác phẩm của mình lên. Tôi làm cho mỗi người một ly rượu và ngồi xuống ghế đối diện, bắt đầu đọc cô nghe, giọng tôi hơi run, pha trộn giữa lo sợ và phấn khích: đây là một truyện mới tôi vừa viết xong hôm trước, chưa đủ thời gian để kịp thấy những sai sót dở dẩn. Nó là về hai người đàn bà sống cùng nhà, chung thầy cô giáo, một người, khi người kia đính hôn, đã tung ra thư nặc danh gây scandal để ngăn cản đám cưới. Khi đọc truyện, mỗi lần liếc sang Holly, tim tôi thất lại. Cô bồn chồn cựa quậy. Cô xé toạc các đầu mẫu thuốc lá trong cái gạt tàn, ngơ ngẩn ngắm móng tay như thể đang muốn kiểm cái giữa; tệ hơn nữa, khi dường như tôi bắt được sự chú ý của cô thì té ra nó chỉ là ánh thần thờ trong mắt như thể cô đang băn khoăn không biết có nên mua đôi giày mà mình đã thấy ở một gian bày hàng nào đó.

“Đã hết chưa ạ?” cô hỏi, choàng tỉnh. Cô lúng búng nói thêm. “Tất nhiên là em thích người đồng tính. Họ chẳng làm em sợ tí nào đâu. Nhưng truyện về đồng tính làm em chán chết đi được. Đơn giản là em không thể tưởng tượng mình giống họ được. Thật đấy anh yêu,” cô hỏi, vì thấy tôi hoang mang ra mặt, “nếu đây không phải truyện về cặp đồng tính nữ thì nó là về cái quái gì cơ chứ?” Nhưng đọc truyện đã què lăm rồi, tôi chẳng hơi đâu làm mọi chuyện tôi tệ hơn bằng cách giải thích về nó nữa. Sự rỗng tuếch được phơi bày ra đây buộc tôi phải xếp cô vào dạng chân dài óc ngắn và vô cảm.

“Nhân tiện,” cô bảo, “anh có quen một chị đồng tính dễ thương nào không? Em đang tìm người chung phòng. Nào nào, đừng có cười. Em vốn bừa bãi, mà lại không đủ tiền thuê ôsin; và thật sự là các chị les chăm sóc nhà cửa thì tuyệt vời, họ thích làm mọi việc, mình chẳng bao giờ phải sờ đến cái chổi, ăn đồ đông lạnh hay ra tiệm giặt là cả. Hồi ở Hollywood em có chị bạn cùng phòng, đóng trong phim Miền Tây ấy, người ta gọi chị ấy là Cao Bồi Già; nhưng em phải công nhận chị ấy còn hơn đàn ông trong nhà. Có lẽ mọi người cứ tưởng em cũng có một tí máu đồng tính trong người. Và tất nhiên là em có thật đấy. Ai chẳng có tí ti. Thế thì đã sao? Nó chẳng bao giờ làm đàn ông mất hứng, mà thực tế còn kích thích họ thêm. Cứ nhìn vào chị Cao Bồi Già mà xem, lấy chồng hai lần rồi. Thường thì đàn les chỉ cưới một lần để lấy tiếng thôi. Kiểu như để sau này được đóng dấu xác nhận là Bà Quái Gì Đó ấy. Không thể tin được!” Cô nhìn chằm chằm vào cái đồng hồ báo thức trên bàn. “Chẳng nhẽ đã bốn rưỡi rồi!”

Khung cửa sổ đã chuyển màu xanh. Làn gió sớm lùa qua rèm. “Hôm nay là thứ mấy nhỉ?”

“Thứ Năm.”

“Thứ Năm,” cô đứng bật dậy. “Chúa ơi” cô thốt lên rồi lại ngồi xuống rên rỉ. “Đã man quá.”

Tôi mệt đến mức hết cả tò mò. Tôi nằm dài xuống giường, nhắm mắt lại. Nhưng rồi vẫn không dừng lại được: “Thứ Năm thì làm sao mà đã man?”

“Chẳng có gì cả. Mỗi tội là em không bao giờ nhớ nổi. Anh biết không, thứ Năm thì em phải dậy lúc tám giờ bốn năm phút. Bọn họ rất nguyên tắc về giờ giấc đến thăm, nếu có mặt ở đây lúc mười giờ thì em còn một tiếng trước khi mấy gã tội nghiệp đó ăn trưa. Anh thử tưởng tượng xem, ăn trưa lúc mười một giờ. Kể ra đến đây lúc hai giờ chiều cũng được, mà em thích thế hơn nhiều, nhưng anh ấy cứ muốn em đến vào buổi sáng cơ, bảo là nó làm anh ấy vui cả ngày. Em đành phải thức vậy,” cô nói, véo má mình đến khi đỏ lên, “chẳng có thời gian để ngủ nữa, em trông như bị ho lao, em sẽ xuống cấp như một cái nhà trọ, thật chẳng công bằng tí nào: con gái không thể đến Sing Sing^[3] với gương mặt xanh xao được.”

[3] Sing Sing: tên một nhà tù ở New York, nằm bên bờ sông Hudson.

“Chắc thế.” Tôi đã nguôi giận cô vì cái truyện của mình; cô lại lôi cuốn tôi.

“Ai đến thăm cũng cố làm mình trông đẹp nhất, mà cái cách đàn bà diện đồ đẹp nhất của mình nó thật dịu dàng, ngọt ngào phát điên lên được, ý em là cả bà già lẫn người thật nghèo cũng vậy, họ cố hết sức để trông dễ thương và có mùi dễ chịu, và em yêu họ vì thế. Em yêu cả bọn trẻ con nữa, nhất là các bé da màu. Ý em là bọn trẻ mà các bà vợ mang theo ấy. Lẽ ra thấy trẻ con ở chỗ đó cũng chẳng hay ho gì, nhưng mà cách tụi nhỏ tóc cài nơ; giày chúng sáng bóng, làm mình nghĩ sẽ có kem đây; và đôi khi phòng tắm nuôi giống như một buổi tiệc ấy. Ít nhất thì nó cũng không giống trong phim: anh biết không, những lời thăm thì cay độc qua lưới sắt. Không có lưới sắt nào cả, chỉ có một quầy ngăn giữa mình và họ, và bọn trẻ con có thể đứng lên đó để được ôm ấp; chỉ việc ngả người tới là có thể hôn ai đó được rồi. Điều em thích nhất là họ rất vui sướng khi gặp nhau, có bao nhiêu điều để dành để nói ra, ngây ngô cũng được, họ cứ cười và nắm tay nhau. Sau đấy thì khác,” cô kể. “Em thấy họ trên tàu. Họ ngồi lặng lẽ nhìn sông trôi.” Cô kéo một sợi tóc xuống khoe miệng và nhăm nhăm nó, tư lự. “Em cứ làm anh phải thức. Anh ngủ đi.”

“Không sao, tôi thích nghe mà.”

“Em biết. Nhưng vì thế mà em muốn anh đi ngủ đi. Nếu cứ đà này, em sẽ kể với anh về Sally. Em chẳng biết như thế có phải là chơi gian không.” Cô lặng lẽ nhai tóc mình. “Họ chẳng bao giờ bảo em đừng kể với ai. Bao nhiêu là chuyện. Buồn cười lắm. Có khi anh có thể đưa nó vào trong truyện với tên khác và các thứ linh tinh. Nghe này, anh Fred,” cô nói, với lấy một quả táo nữa, “anh phải làm dấu thánh giá ở chỗ tim anh và hôn khuỷu tay đi-”

Chắc chỉ có dân xiếc uốn dẻo mới hôn nổi khuỷu tay mình; cô đành phải chấp nhận một cử chỉ na ná thế.

“Thôi được” cô tuyên bố với cái miệng đầy táo, “có lẽ anh đã đọc về anh ấy trên báo. Tên anh ấy là Sally Cà Chua, em nói tiếng Yiddish[4] còn giỏi hơn anh ta nói tiếng Anh; nhưng anh ấy là một ông già rất đáng yêu, sùng đạo kinh khủng. Trông anh ấy giống sư lắm nếu không có răng vàng; anh ấy bảo anh ấy cầu nguyện cho em mỗi ngày đấy. Tất nhiên anh ấy chưa bao giờ là người yêu của em cả; cho đến nay thì em chỉ biết anh ấy từ khi anh ấy ngồi tù. Nhưng giờ thì em ngưỡng mộ anh ấy, suốt bảy tháng nay, thứ Năm nào em cũng đi gặp anh này và em nghĩ mình vẫn đi ngay cả nếu anh ấy không trả tiền em. Quả này xộp quá,” cô nói, ném chỗ táo còn lại ra ngoài cửa sổ. “À mà em đã nhìn thấy Sally trước đó. Anh ấy từng đến bar của Joe Bell, cái quán ở góc đường ấy: chẳng bao giờ nói chuyện với ai, chỉ đứng đó, kiểu như mấy ông sống ở khách sạn ấy. Nhưng buồn cười ghê cơ, bây giờ nhớ lại em mới biết anh ấy đã để ý đến mình, vì ngay sau khi họ tổng anh ấy vào đấy (Joe Bell đã cho tôi xem bức ảnh trên báo. Tổng tiền. Mafia. Vì các tội trạng đó ông ta bị kết án năm năm tù) thì một luật sư gửi điện tín cho em. Rằng em phải lập tức liên hệ với anh ấy vì quyền lợi của mình.”

[4] Yiddish: tiếng Đức cổ của người Do Thái ở Trung và Đông Âu.

“Cô tưởng ai đó để lại cho mình triệu đô sao?”

“Không hề. Em biết ngay là Bergdorf chỉ cố thu thập thông tin thôi. Nhưng em cứ vào cuộc và đến gặp luật sư (mà em cũng không chắc ông ta là luật sư thật không, vì chẳng thấy có văn phòng, chỉ dùng dịch vụ trả lời, và luôn luôn gặp em ở tiệm Thiên Đường Hamburg: vì ông ta mập ú nên có thể chén cả mười cái bánh hamburger, hai bát gia vị và nguyên một cái bánh trứng vị chanh). Ông ta hỏi liệu em có muốn giúp vui cho một ông già cô đơn và mỗi tuần nhận một trăm đô không. Em bảo ông ta, này anh yêu, anh hiểu nhầm về Cô Nhẹ Dạ rồi, em không phải là y tá kiêm làm trò mèo. Em cũng chẳng thèm món tiền thưởng đó; có thể kiếm thể trên đường tới nhà vệ sinh: bất kỳ quý ông lịch lãm nào cũng sẵn sàng tặng cô em năm mươi đô phí vệ sinh và em thường xin thêm tiền taxi năm mươi đô nữa. Nhưng rồi ông ta bảo em khách hàng là Sally Cà Chua. Ông ta nói Sally già tội nghiệp đã ngưỡng mộ em từ xa lâu lắm rồi, cho nên đó sẽ là quyết định sáng suốt nếu em đến gặp anh ấy tuần một lần. Ôi, em không thể nói không được: nó quá là lãng mạn.”

“Tôi không biết. Nghe có vẻ không ổn lắm”

Cô mỉm cười. “Anh nghĩ em nói dối à?”

“Ít nhất thì người ta cũng không để bất kỳ ai được phép thăm tù nhân.”

“Ô, đúng thế. Thật sự là họ bày trò nhặng xị chán mớ đời. Em giả vờ làm cháu anh ấy.”

“Dễ thế sao? Nói chuyện một giờ anh ta tặng cô một trăm đô?”

“Không phải anh ấy, mà là luật sư của anh ấy. Ông O’Shaughnessy gửi tiền mặt cho em ngay khi em để lại một bản báo cáo thời tiết.”

“Tôi nghĩ cô có thể gặp rắc rối đấy,” tôi nói, tắt đèn; chẳng cần nữa vì ánh bình minh đã ulla vào phòng và lũ chim bồ câu gù ầm ỉ trên lối thoát hiểm.

“Sao lại thế?” cô hỏi nghiêm túc.

“Sách luật phải có quy định gì đó về tội mạo danh. Vì cô có phải cháu ông ta đâu. Còn bản báo cáo thời tiết thì sao?”

Cô vỗ vỗ miệng nén cái ngáp. “Có gì đâu. Chỉ là một tin nhắn em gửi lại chỗ dịch vụ trả lời để ông O’Shaughnessy biết chắc là em đã đến đấy. Sally bảo em phải nói gì, kiểu như là, ồ ‘có bão ở Cuba’ và ‘tuyệt rơi ở Palermo’. Đừng lo, anh yêu,” cô nói, nhích về phía cái giường, “em đã tự lo cho bản thân từ lâu rồi.” Ánh sớm mai dường như khúc xạ qua người cô: khi kéo cái chăn đến tận cằm tôi, cô lung linh, trong veo như một em bé; rồi cô nằm xuống bên tôi. “Anh có phiền không? Em chỉ muốn nghỉ một lúc thôi. Anh đừng nói gì nữa nhé. Ngủ đi.”

Tôi giả vờ ngủ, tôi thở mạnh và đều. Chuông trên tháp nhà thờ bên cạnh đổ nửa tiếng, rồi một tiếng. Vào lúc sáu giờ, cô đặt tay lên cánh tay tôi, một cái chạm mong manh như sợ làm tôi thức giấc. “Anh Fred tội nghiệp,” cô thì thầm, tưởng như cô nói với tôi, nhưng không phải. “Anh đang ở đâu, Fred? Trời thì lạnh rồi. Có tuyết trong gió đấy.” Cầm cô gác lên vai tôi, nặng nề, âm ỉ nước.

“Sao cô khóc thế?”

Cô bật lùi lại, ngồi lên. “Ôi, Chúa ơi,” cô đáp, bắt đầu đi về phía cửa sổ và lối thoát hiểm. “Mình ghét những kẻ tọc mạch thế.”

Hôm sau, ngày thứ Sáu, tôi về nhà đã thấy ngoài cửa có một giỏ quà lớn hiệu Charles & Co. với tám thiệp: Cô Nhẹ Dạ Nghỉ Hè, Đi Du Lịch; và phía sau là mấy dòng viết tay nét chữ trẻ con, vụng về kỳ quặc: Chúc may mắn anh Fred thân yêu. Xin lỗi anh về đêm qua. Anh cứ như một thiên thần trong mọi chuyện. Ngàn lần âu yếm - Holly. TB. Em sẽ không làm phiền anh nữa đâu. Tôi trả lời, Cứ làm nhé, không phiền đâu và để mẫu giấy ở cửa nhà cô với một bó violet tôi mua được từ xe hàng rong. Nhưng hóa ra cô giữ đúng lời hứa; tôi không thấy hay nghe gì về cô nữa, tôi đi đến kết luận là thậm chí cô đã đánh riêng một cái chìa khóa cầu thang. Ít nhất thì cô không bao giờ nhấn chuông nhà tôi nữa. Tôi đâm nhớ nó; và ngày lại ngày, tôi bắt đầu cảm thấy dâng lên nỗi giận hờn vô cớ với cô, như thể tôi đã bị người bạn thân nhất bỏ rơi. Một nỗi cô đơn xáo động len vào đời tôi, nhưng nó không khiến tôi mong nhớ bạn bè quen biết cũ: chỉ giống như một đợt ăn kiêng nhạt thêch không đường, không muối. Đến thứ Tư, những ý nghĩ về Holly, về Sing Sing và Sally Cà Chua, về cái thế giới mà đàn ông xòe ra hơn năm mươi đô làm phí đi vệ sinh, trở nên nung nấu đến mức tôi không thể làm ăn gì. Đêm đó, tôi để lại một tin nhắn trong hòm thư của cô: Mai là thứ Năm. Sáng hôm sau, tôi nhận được mẫu giấy thứ hai nét nguệch ngoạc trẻ con: Chúa phù hộ anh vì đã nhắc em. Tối mai khoảng 6 giờ anh ghé vào uống gì được không?

Tôi đợi đến sáu giờ mười, rồi buộc mình đợi thêm năm phút nữa.

Một sinh vật ra mở cửa. Gã tỏa mùi xì gà và nước hoa Knize. Giày của gã có đóng thêm đế; không có mấy phân thêm vào này, người ta có thể gọi gã là Tí Hon. Cái đầu hơi lồm đồm tàn nhang của gã to như đầu chú lợn: gắn vào đó là đôi tai nhọn hoắt đúng của yêu tinh. Gã có đôi mắt người Tàu, tàn nhẫn và hơi lồi ra. Từng túm lông thò ra từ tai và lỗ mũi; hàm dưới của gã lởm chởm râu bạc và cái bắt tay gần như lông lá.

“Con bé đang tắm” gã nói, chỉ điều xì gà về phía tiếng nước chảy róc rách từ một phòng khác. Phòng chúng tôi đang đứng (đứng vì chẳng có cái gì để ngồi lên) có vẻ như mới được dọn vào; ngửi còn ngửi thấy mùi sơn ướt. Đồ đạc duy nhất là vali và các thùng đồ chưa mở. Mấy cái thùng được dùng làm bàn. Một cái để ly martini trộn; cái khác để đèn, một cái điện thoại Liberty; con mèo tam thể của Holly và một bát hoa hồng vàng. Giá sách choáng hết một bức tường, phô ra một nửa là sách văn học. Tôi thấy gần gũi với căn phòng ngay lập tức, thích cái vẻ tàu nhanh của nó.

Người đàn ông hắng giọng. “Cậu có hẹn à?”

Gã thấy cái gật đầu của tôi có vẻ không chắc chắn lắm. Đôi mắt lạnh lùng của gã quét lên tôi cái nhìn thăm dò sắc sảo. “Rất nhiều nhân vật không mời mà đến đây. Cậu biết con bé lâu chưa?”

“Không lâu lắm.”

“Tức là cậu quen con bé chưa lâu.”

“Tôi sống ở tầng trên.”

Cậu trả lời có vẻ đủ lí do làm gã dịu xuống. “Phòng cậu cũng thế chứ?”

“Nhỏ hơn rất nhiều.”

Gã búng tàn thuốc xuống sàn. “Đây là một cái ổ chuột. Không thể tin nổi. Nhưng con bé không biết cách sống ngay cả khi nó có tiền.” Giọng gã có nhịp điệu gần xóc, khô lạnh như máy đánh chữ. “Thế,” gã bảo, “cậu có nghĩ con bé như thế hay không?”

“Như thế nào ạ?”

“Rõm đời.”

“Tôi không nghĩ thế.”

“Cậu nhầm rồi. Con bé rõm đời lắm. Nhưng mặt khác cậu nói cũng đúng. Nó không hẳn là rõm mà là rõm thật. Nó tin vào tất cả những thứ vớ vẩn mà nó tin. Nói thế nào nó cũng không nghe. Tôi đã cố đến chảy cả nước mắt. Benny Polan, được kính trọng ở khắp nơi, Benny Polan cũng cố gắng lắm. Benny đã định cưới con bé, nó không chịu, Benny tiêu tốn hàng ngàn đô gửi nó đến các bác sĩ tâm thần. Thậm chí cả người nổi tiếng nhất, chỉ nói được tiếng Đức, và ông ta cũng bó tay. Không thể nào khuyên bảo nó từ bỏ” – gã xiết nắm đấm như muốn nghiền nát cái gì đó vô hình – “những ý tưởng đó được. Thử mà xem. Bảo nó kể với cậu những thứ nó tin. Lưu ý cậu rằng,” gã nói, “tôi thích con bé. Ai cũng ra vẻ thế, nhưng rất nhiều người không thật. Tôi thì có. Tôi thật lòng thích con bé. Vì tôi rất nhạy cảm. Phải nhạy cảm thì mới biết quý nó: có cái nét của nhà thơ. Nhưng tôi nói thật với cậu điều này. Cậu có thể đặt cược cả khối óc mình cho con bé, đổi lại nó sẽ đưa cậu một đĩa đầy phân ngựa. Ví dụ như - hôm nay cậu sẽ thấy con bé là người thế nào. Nó đúng là loại con gái mà cậu sẽ đọc thấy tàn đời ở đâu đó sau khi uống hết một chai Seconal[5]. Tôi từng thấy chuyện đấy xảy ra nhiều lần hơn số ngón chân của cậu: và bọn trẻ đó thậm chí còn chưa điên đâu. Con bé mới là điên.”

[5] Seconal: tên một loại dược phẩm dùng để giảm đau và chống co giật.

“Nhưng cô ấy trẻ. Và còn cả một tuổi thanh xuân phía trước.”

“Nếu cậu định nói là tương lai thì lại càng nhầm nữa. Vài năm trước đây, ở vùng Bờ Biển, có lần nó đã có thể khác đi. Con bé đã làm được vài thứ gây chú ý, lẽ ra nó có thể nổi như cồn. Nhưng một khi đã bỏ mất một cơ hội như vậy thì không trở lại được. Cứ hỏi Luise Rainer mà xem. Rainer là một ngôi sao. Chắc chắn Holly không phải sao; nó chưa bao giờ ra khỏi đám vô danh. Nhưng đó là trước phim Câu chuyện của bác sĩ Wassell. Lúc đó nó đã có thể thực sự nổi lên. Tôi biết, vì tôi chính là người đã đẩy con bé lên.” Gã chỉ điều xì gà vào miệng. “O.J. Berman.”

Gã tưởng tôi nhận ra ngay, và tôi cũng chẳng mất gì nếu tán dương gã tí chút, nhưng thật sự là tôi chưa bao giờ nghe về O.J. Berman. Hóa ra gã là một ông bầu cho các diễn viên Hollywood.

“Tôi là người đầu tiên nhìn ra con bé. Ở Santa Anita. Ngày nào nó cũng lượn lờ quanh một cung đường. Tôi để ý: hoàn toàn nghề nghiệp thôi. Tôi phát hiện ra con bé là khách quen của một gã vận động viên, nó sống với thằng tép riu đó. Tôi bảo gã vận động viên Thôi đi nếu không muốn cảnh sát tệ nạn sờ gáy: con bé mới mười lăm. Nhưng về phong cách: con bé khá ổn, nó có cái gì đó. Ngay cả khi nó đeo cặp kính dày cộp chừng này; thậm chí khi nó mở miệng và ta không biết nó là một kẻ man rợ, nhà quê hay cái giống gì nữa. Tôi vẫn không biết. Mà chắc không ai biết được nó từ đâu ra. Nó là một đứa nói dối kinh hoàng, có lẽ chính nó cũng không biết mình là ai nữa. Nhưng mất chừng một năm thì chúng tôi chuốt được cái giọng của nó. Bằng cách dạy nó tiếng Pháp: sau khi nó bắt chước được tiếng Pháp rồi thì chẳng bao lâu sau cũng bắt chước được tiếng Anh. Chúng tôi tập cho nó theo mẫu của Margaret Sullavan, nhưng nó thể hiện được vài nét riêng, mọi người để ý, cả những nhân vật quan trọng, và đỉnh nhất là Benny Polan, một người rất đáng

kính, Benny muốn cưới nó. Một ông bầu còn muốn gì hơn thế? Rồi bùm! Câu chuyện của bác sĩ Wassell. Cậu có thể thấy cảnh tượng đó không? Cecil B. DeMille. Gary Cooper[6]. Chúa ơi. Tôi chết mất, tất cả đã dẫu vào đây: họ sắp mời nó thử vai cô y tá của bác sĩ Wassell. Ít nhất thì cũng là một trong các cô y tá của bác sĩ đó. Rồi, bùm! Điện thoại reo” Gã nhấc một cái điện thoại tưởng tượng lên, gi vào tai. “Nó nói, Holly đây, Tôi bảo, cưng ơi, sao giọng em nghe xa xôi vậy, nó nói em đang ở New York, tôi hỏi em làm cái quái gì mà bắt gi ở tận New York trong khi hôm nay là Chủ nhật, và ngày mai em phải thử vai? Nó đáp em ở New York vì em chưa bao giờ đến New York. Tôi bảo nhấc đít lên máy bay và về đây ngay, nó nói nó không muốn thế. Tôi hỏi vì có gì hả đồ ngốc? Con bé đáp anh cứ muốn chuyện phải tốt đẹp, còn em không muốn, tôi bảo được, thế thì cô muốn cái quái gì, và nó trả lời, em sẽ báo cho anh đầu tiên khi nào em phát hiện ra. Cậu hiểu ý tôi chứ: một đĩa đầy phân ngựa.”

[6] Cecil B. DeMille, Gary Cooper: tên một đạo diễn và một ngôi sao màn bạc của Hollywood.

Con mèo tam thể nhảy ra khỏi cái thùng của nó, dụi dụi vào chân gã. Gã nhấc con mèo lên mũi giày rồi hất tung lên đầy cảm tức, nhưng không phải vì con mèo mà vì nỗi căm ghét trong lòng.

“Đây là cái nó muốn à?” gã thốt lên, giang tay ra. “Hàng đồng khách không mời? Sống bằng tiền boa. Đàn đúm với một lũ ăn hại. Hay là nó có thể cưới Rusty Trawler? Cậu phải gắn huân chương cho nó vì thành tích đó?”

Gã ngừng lại, nhìn trừng trừng.

“Xin lỗi, tôi không biết ông ta.”

“Cậu không biết Rusty Trawler, cậu chẳng hiểu bao nhiêu về con bé. Nhầm cửa rồi,” gã nói, tặc lưỡi trong cái đầu vĩ đại. “tôi đã hi vọng cậu có chút ảnh hưởng nào. Có thể trao đổi với con bé trước khi quá muộn.”

“Nhưng mà theo ông thì nó đã lỡ rồi mà.”

Gã thở ra một vòng khói, chờ nó tan đi rồi mỉm cười, nụ cười làm khuôn mặt gã thay đổi, có vẻ dịu dàng. “Tôi có thể làm nó nổi lên trở lại. Tôi đã bảo với cậu rằng” gã nói, bây giờ nghe rất thật, “tôi thương con bé thật lòng.”

“Anh đang tung scandal nào đấy, O.J.?” Holly lao vào phòng, quần hồ hững một cái khăn tắm quanh người, đôi bàn chân ướt rượt rỏ nước thành vệt trên sàn.

“Như mọi khi thôi. Rằng em bị điên.”

“Fred biết điều đó rồi”

“Nhưng em thì chưa.”

“Châm cho em liều thuốc đi, anh yêu” cô nói, lột cái mũ tắm ra, lắc lắc mái tóc. “Em không bảo anh đâu, O.J. Anh là đồ thô lỗ. Lúc nào cũng hút thâm cả môi.”

Cô túm lấy con mèo, hất nó lên vai mình. Nó đáp xuống đó thảng bẳng như một con chim, móng nó làm tóc cô xới lên tựa chỉ rối; và mặc dù mấy trò dễ thương đó, nó vẫn là một con mèo dữ tợn với bộ mặt sát nhân của cướp biển; một mắt chột nhờ nhờ, con mắt kia lấp lóe mờ mờ đen tối.

“O.J. là một kẻ thô lỗ” cô bảo tôi, đón liều thuốc tôi vừa châm. “Nhưng anh ấy biết cả tỉ số phân. Số của David O. Selznickla gì hả anh O.J.”

“Thôi đi.”

“Em không đùa đâu, anh yêu. Em muốn anh gọi điện cho ông ta, và bảo với ông ta rằng Fred là một thiên tài. Anh ấy viết hàng đồng những truyện tuyệt vời nhất. Nào, anh đừng đồ mặt, Fred: anh có tự nhận mình là thiên tài đâu, em nói đấy chứ. Thối nào, O.J. Anh sẽ làm gì để Fred trở nên giàu có?”

“Nếu em để anh sắp xếp chuyện đó với Fred.”

“Hãy nhớ rằng” cô nói, rời khỏi chúng tôi, “Em là bầu của anh ấy. Một điều khác nữa: nếu em gào lên, cứ việc khóa mồm em lại. Và nếu ai gõ cửa, cứ để họ vào”

5. Chương 5

BỮA SÁNG Ở TIFFANY'S (tt)

Một đám người đã gõ cửa thật. Trong vòng mười lăm phút sau, căn hộ biến thành một bữa tiệc toàn đực rửa, vài người còn mặc quân phục. Tôi đếm thấy hai sĩ quan hải quân, một đại tá không quân; nhưng nhìn lướt qua thì họ lọt thỏm trong đám đầu bạc mới tới. Ngoài khoản là đều già, bọn họ chẳng có gì chung, hình như hoàn toàn xa lạ với nhau; quả thực, mỗi một bộ mặt khi vừa bước vào đều cố giấu vẻ hoang mang khi nhìn thấy những người khác ở đó. Như thể nữ chủ nhân đã phát giấy mời khi vòng vèo qua đủ các quán bar, mà có lẽ sự thật là thế. Sau phút sượng sùng ban đầu, đám khách hòa vào nhau không cần nhần, đặc biệt là O.J. Berman, say sưa túm chặt lấy bạn mới để tránh phải thảo luận về tương lai của tôi ở Hollywood. Tôi bị bỏ lại đơn độc với cái giá sách; trong đó hơn một nửa là về ngựa, còn lại là về bóng chày. Tôi vờ quan tâm đến cuốn Ngựa và cách nhận biết, kiểm cái cơ hợp lý được ở một mình, tránh đám bạn của Holly.

Chẳng mấy chốc trong đám có một người nổi bật lên. Ông ta là một cậu-bé-trung-niên vẫn còn vẻ phúng phính trẻ con, dù tay thợ may tài ba đã gần như ngụy trang được bộ mông nục nịch nhìn chỉ muốn phát. Ngỡ như người ông ta không có xương; gương mặt là một hình tròn xoay với những đường nét nhỏ nhỏ, xinh xinh, có vẻ trong trắng, nguyên vẹn: cứ như vừa sinh ra thì bị nổ phồng lên, làn da không một vết nhăn như quả bóng thổi căng, và cái miệng như thể sẵn sàng khóc toáng, hờn giận, một kiểu nhăn nhó làm nũng dễ thương. Nhưng về bề ngoài không phải là thứ làm ông ta trở nên khác biệt, những đứa trẻ không chịu già không hiểm đến mức đó. Điều đáng nói là cách cư xử của ông ta trong suốt bữa tiệc giống như một con bạch tuộc đầy sức sống, ông ta lắc rượu martini, bắt chuyện làm quen, điều khiển cái máy quay đĩa. Hầu hết mọi hoạt động của ông ta đều được khéo léo điều khiển bởi nữ chủ nhân: Rusty, anh làm hộ em; Rusty, làm ơn giúp em. Nếu ông ta yêu Holly thì rõ ràng sự ghen tuông của ông đã được kiềm chế. Một người đàn ông ghen tuông có lẽ sẽ mất kiểm soát khi nhìn cô lả lướt trong căn phòng, tay ôm con mèo nhưng tay kia tự do chỉnh cái cà vạt, nhặt mẩu xơ vải ở ve áo, hay đánh bóng cái huân chương mà viên đại tá Không quân đang đeo.

Tên ông ta là Rutherford (“Rusty”) Trawler. Năm 1908, ông mất cả cha lẫn mẹ, bố ông là nạn nhân của một kẻ vô chính phủ, còn bà mẹ chết vì sốc, hai cái tang biến Rusty thành đứa trẻ mồ côi triệu phú và nổi tiếng ở tuổi lên năm. Từ đó đến giờ, do hậu quả của những cơn thịnh nộ chồng chất, ông ta là nguồn đề tài thường trực cho tờ Sunday, khi còn là một học sinh, ông ta đã khiến người bảo hộ của mình bị bắt vì tội ấu dâm. Sau đó, hôn nhân và li dị khiến ông ta luôn xuất hiện trên báo lá cải chủ nhật. Bà vợ đầu của ông tặng toàn bộ số tiền li dị và cả bản thân bà cho đối thủ của Đức Cha Thần Thánh[7]. Bà vợ thứ hai không được nhắc tới, nhưng bà thứ ba đã kiện ông ta ở Bang New York với một cặp đầy ắp những chứng từ về tài sản. Ông ta chủ động ly dị bà vợ cuối cùng, lí do chính nêu ra là vì bà ta bắt đầu một cuộc nổi loạn trên du thuyền của ông ta, cuộc nổi loạn này dẫn đến kết quả là ông ta được trả một khoản tiền trên vùng đảo Dry Tortugas. Dù từ đó trở lại đời độc thân, nhưng trước chiến tranh, ông ta đã cầu hôn Unity Mitford, ít nhất thì nghe đồn rằng ông ta đã gửi một bức điện tín xuyên đại dương xin cưới bà ta nếu Hitler không cưới. Đây là lí do vì sao tờ Winchell luôn luôn gọi ông ta là một kẻ theo phe Đức Quốc xã; và thực tế là ông ta có dự vài cuộc mít tinh ở Yorkville.

[7] Father Divine (1876-1965), tên thật là Reverend Major Jealous Divine, là một lãnh tụ tinh thần người Mỹ gốc Phi, tự nhận mình là Chúa và có ảnh hưởng khá lớn trong cộng đồng da màu.

Tôi không được nghe kể về những chuyện này. Tôi đọc chúng trong tập Hướng dẫn bóng chày lấy từ giá sách của Holly, cô dùng nó như sổ tay. Nhét giữa các trang là những bài viết trên tờ Sunday, cùng với những mẩu cắt ra từ mục tin lá cải. Rusty Trawler và Holly Nhẹ Dạ sánh vai trong lễ ra mắt “Một nét của thần Vệ nữ”. Holly đến từ phía sau bắt gặp tôi đang đọc: Cô Nghỉ Hè Nhẹ Dạ, thuộc nhóm Nhẹ Dạ Boston, biến mỗi ngày thành kỳ nghỉ hè cho cục vàng 24 karat Rusty Trawler.

“Anh ngưỡng mộ danh tiếng của em, hay chỉ là fan của môn bóng chày thôi?” cô hỏi, chỉnh lại cái kính râm khi liếc nhìn qua vai tôi. Tôi đáp, “Báo cáo thời tiết tuần này thì thế nào?”

Cô nháy mắt với tôi, nhưng không vui vẻ gì: một cú nháy mắt cảnh cáo, “Em mê ngựa lắm, nhưng em ghét bóng chày,” cô nói, thông điệp ngầm qua giọng cô ý rằng tôi nên quên chuyện cô từng nói về Sally Cà Chua đi. “Em ghét tiếng ồn của nó trên đài, nhưng em phải nghe, nó là một phần em phải nghiên cứu. Có quá ít người có thể bàn luận về chuyện này. Nếu một người đàn ông không thích ngựa thì chắc chắn anh ta phải thích bóng chày, và nếu anh ta không thích cả hai thứ đó thì, ôi, em gặp rắc rối rồi, vì anh ta cũng không thích gái đâu. Anh và O.J. đi tới đâu rồi?”

“Chúng tôi chia tay tâm đầu ý hợp.”

“Anh ấy là cơ hội cho anh đấy, tin em đi.”

“Tôi tin cô. Nhưng cái mà tôi đưa ra có gây ấn tượng như một cơ hội cho ông ấy không?”

Cô khẳng khái. “Anh ra đấy và làm anh ấy tin là trông mình không tức cười chút nào. Anh ấy thật sự có thể giúp anh đấy, Fred.”

“Tôi hiểu là cô chẳng đánh giá nó cao lắm.” Cô ngó ra cho đến khi tôi nói tiếp: “Cái phim Câu chuyện của bác sĩ Wassell ấy.”

“Anh ta vẫn lải nhải chuyện đó à?” cô hỏi, thả một cái nhìn trêu mếu xuyên qua căn phòng tới Berman. “Nhưng anh ta có lý đấy, em nên cảm thấy ân hận. Không phải vì họ sẽ trao vai cho em hay vì em có thể diễn tốt: không có chuyện đấy đâu. Nếu có ân hận thì chắc là vì em đã để anh ta mơ tưởng, trong khi em không hề mơ mộng chút nào. Em chỉ đi mời chài đàn ông để tiến thân thôi: em biết thừa là mình sẽ chẳng bao giờ thành ngôi sao màn bạc cả. Nó quá cực nhọc; và với người thông minh thì nó quá ê chề. Mặc cảm của em không đủ thấp: trở thành một ngôi sao và có cái tôi cực kỳ to là hai chuyện liên quan với nhau; thật ra cần thiết phải xóa sạch cái tôi của mình. Không phải em không thích nổi tiếng và giàu có đâu. Đây là kế hoạch của em, một ngày nào đó, em sẽ xoay ra cách để thành như thế; nhưng nếu nó xảy ra, thì em thích vẫn giữ được cái tôi đó. Em muốn em vẫn là em khi tỉnh giấc vào một buổi sáng đẹp trời và ăn sáng tại nhà hàng Tiffany’s. Anh cần một ly,” cô nói, nhìn thấy tay tôi trống không. “Rusty! Anh mang cho bạn em cái gì uống đi.”

Cô vẫn ôm chặt con mèo. “Đồ lười nhác tội nghiệp này” cô nói, gãi gãi đầu nó, “đồ lười tội nghiệp chẳng có tên. Nó không có tên cũng hơi bất tiện. Nhưng em không có quyền đặt tên cho nó: nó phải đợi đến khi có chủ cơ. Một hôm bọn em vớ phải nhau ở bờ sông, chẳng ai thuộc về ai cả: nó độc lập và em cũng thế. Em chẳng muốn sở hữu cái gì cho đến khi biết rằng mình đã tìm thấy một nơi mà em và các thứ thuộc về nhau. Em chưa biết cái chỗ đó là ở đâu. Nhưng em biết nó phải như thế nào.” Cô mỉm cười, thả con mèo xuống sàn. “Nó giống như tiệm Tiffany’s,” cô nói. “Không phải là em ghét nữ trang đâu. Kim cương thì có đấy. Nhưng U40 đeo kim cương thì ngứa mắt lắm; và thậm chí mạo hiểm nữa. Nó chỉ hợp với những bà già thôi. Maria Ouspenskaya. Nhấn nheo, xương sườn, tóc bạc trắng và kim cương: em không thể đợi đến lúc đó được. Nhưng em mê mẩn quán Tiffany’s không phải vì thế. Anh có biết những ngày báo động đỏ không?”

images

“Giống như buồn chán phải không?”

“Không,” cô đáp chậm rãi. “Không, buồn chán là khi người ta béo ra hoặc vì mưa dai dẳng quá. Người ta buồn, thể thối. Nhưng báo động đỏ thì kinh khủng lắm. Minh sợ hãi đến toát mồ hôi nhưng lại không biết đang sợ cái gì. Chỉ biết một điều gì đen tối sắp xảy ra, nhưng lại không biết nó là cái gì. Anh có cảm giác đó bao giờ chưa?”

“Thường xuyên lắm. Có người gọi nó là Bất an.”

“Phải rồi. Bất an. Em đã dùng cả aspirin. Rusty cho là em nên hút cần sa, và em đã hút một thời gian, nhưng nó chỉ làm em cười khúc khích. Em phát hiện ra cách tốt nhất là chui vào một cái taxi và đến tiệm Tiffany’s. Sự yên tĩnh và vẻ kiêu hãnh của nó làm em dịu xuống ngay tức khắc; không chuyện gì tồi tệ có thể xảy ra với em ở đó, giữa những người đàn ông lịch thiệp mặc vest đẹp đẽ, có mùi dễ chịu của ví da cá sấu và bạc. Nếu có thể tìm được một chỗ nào đó ngoài đời làm em thấy giống như tiệm Tiffany’s, em sẽ mua đồ đạc và đặt tên cho con mèo này. Em đã nghĩ có thể là sau chiến tranh, em và Fred-” cô đẩy cặp kính râm lên, đôi mắt với những màu sắc khác nhau, xám, xanh lam và xanh lục ánh lên vẻ sắc sảo, lo xa.

“Một lần em đã đến Mexico. Đây là một đất nước tuyệt vời để nuôi ngựa. Em thấy một nơi gần biển. Fred rất giỏi về ngựa.”

Rusty Trawler mang tới một ly martini, đưa nó cho tôi mà không nhìn tôi. “Anh đói rồi,” ông ta thông báo, giọng nói trẻ con cũng như toàn bộ con người ông ta toát lên vẻ yếu đuối, vùi vĩnh của một đứa bé hư, như trách cứ Holly. “Bây rưỡi rồi, và anh đói quá. Em biết bác sĩ nói gì rồi đấy.”

“Vâng, Rusty. Em biết bác sĩ nói gì.”

“Ừ, thế thì chấm dứt đi. Chúng mình đi.”

“Em muốn anh cư xử cho đúng, Rusty.” Cô nói nhẹ nhàng, nhưng âm sắc có sự rắn đẽ của cô bảo mẫu dọa phạt khiến mặt ông ta đỏ lên kỳ cục, không biết vì hài lòng hay biết ơn.

“Em chẳng yêu anh” ông ta phụng phịu, như thể chỉ có hai người với nhau.

“Không ai yêu đứa hư cả.”

Rõ ràng cô đã nói điều ông ta muốn nghe; nó có vẻ vừa xoa dịu, lại vừa khích động ông ta. Ông ta vẫn tiếp tục, như thể đó là một nghi thức: “Em có yêu anh không?”

Cô phát cho ông ta một cái. “Anh cứ phục vụ xong đi đã, Rusty. Và khi nào em xong thì chúng ta sẽ đi ăn bất cứ nơi nào anh muốn.”

“Khu phố Tàu nhé?”

“Nhưng không được ăn sườn chua ngọt đâu đấy. Anh biết bác sĩ nói gì rồi.”

Khi ông ta trở lại làm bổn phận của mình với dáng điệu phục phịch thỏa mãn, tôi không nhận được phải nhắc cô rằng cô chưa trả lời câu hỏi của ông ta. “Cô có yêu ông ấy không?”

“Em đã bảo anh rồi: người ta có thể ép mình yêu bất kỳ ai. Hơn nữa anh ấy lại có một tuổi thơ tồi tệ.”

“Nó đã tệ như vậy sao ông ta còn bám lấy nó?”

“Anh động não đi. Anh không thấy là Rusty cảm thấy quần tã yên ổn hơn là làm người lớn à? Đây là thực sự là một chọn lựa, chỉ có điều anh ấy cực kỳ nhạy cảm về chuyện đó. Anh ấy định đâm em bằng con dao phết bơ vì em bảo anh ấy phải trưởng thành lên, đối mặt với vấn đề, ổn định cuộc sống và chơi trò gia đình với một bác lái xe tải hiền từ làm bố. Trong khi chờ đợi thì em nắm anh ấy trong tay; thế cũng ổn, vì anh ấy vô hại, anh ấy tưởng con gái là búp bê, theo nghĩa đen ấy.”

“Ồn Chúa.”

“Ôi, nếu đàn ông nào mà cũng thế thì em khó lòng mà cảm ơn Chúa được.”

“Ý tôi là cảm ơn Chúa vì cô sẽ không lấy ông Trawler.”

Cô nhún vai. “Tệ hơn nữa, em không giả vờ là không biết anh ấy giàu. Ngay cả đất ở Mexico cũng không phải rẻ. Bây giờ,” cô nói, đẩy tôi về phía trước, “anh hãy tóm lấy O.J. đi.”

Tôi do dự, trong đầu tìm có để trì hoãn. Rồi tôi nhớ ra: “Sao lại là Đi Du Lịch?”

“Trên danh thiếp của em á?” cô hỏi, chẳng ăn nhập gì. “Anh nghĩ nó buồn cười à?”

“Không buồn cười. Chỉ gọi tò mò thôi.”

Cô nhún vai. “Rốt cuộc thì làm sao em biết ngày mai mình sống ở đâu? Vì vậy em bảo họ viết là Đi Du Lịch. Dù sao thì đặt làm mớ danh thiếp ấy cũng phí tiền. Mỗi cái là em cảm thấy mình phải mua cho họ một chút gì. Họ là ở tiệm Tiffany’s đấy.” Cô với lấy ly martini mà tôi chưa hề động đến; Cô uống hai ngụm hết sạch rồi cầm tay tôi. “Đừng có đánh trống lảng nữa. Anh phải ra kết bạn với O.J.”

Một sự cố đột nhiên xảy ra chỗ cửa vào. Một cô gái trẻ ào vào như cơn lốc cuốn theo đầy khăn quàng và leng keng những vàng. “H-H-Holly” cô ta vừa tiến lên vừa chỉ chỉ ngón tay, “đồ ăn m-m-mảnh tồi tệ nhé. Tích trữ tất cả chỗ đ-đ-đàn ông m-m-mê hôn này!”

Cô ta khoảng hơn một mét tám, cao hơn hầu hết đàn ông ở đó. Bọn họ thẳng lưng lên, thót bụng lại, thi nhau độ dáng trước chiều cao thống trị của cô.

Holly hỏi, “Chị làm gì ở đây thế?” môi cô mím một đường căng buồn bực.

“Sao thế, kh-kh-không làm gì cả, cưng à. Chị làm việc với Yunioshi ở tầng trên. Sao giọng em bực tức thế cưng?” Cô ta nở nụ cười với khắp lượt. “Các ch-ch-chàng của em không phiền nếu chị xen vào buổi t-t-tiệc của em chứ?”

Rusty Trawler cười khúc khích. Ông ta nắn bóp cánh tay cô ta, như thể ngưỡng mộ các cơ bắp đó, rồi hỏi liệu cô có uống chút gì không.

“Chắc chắn rồi” cô ta đáp, “cho em xin một ly whisky ngô.”

Holly đáp luôn, “Không có đâu.” Thế là viên đại tá Không quân gợi ý sẽ ra ngoài mua một chai.

“Ồ, em nói luôn là không cần phải làm t-t-to chuyện đâu. Em uống nước đá quí còn được nữa. Holly, cưng ơi” cô ta hích nhẹ Holly, “em không phải lo cho chị đâu. Chị có thể tự giới thiệu được mà.” Cô ta khom người về phía O.J. Berman, ông ta đang mờ mắt vì khao khát, giống như nhiều gã lùn khác trước một phụ nữ cao lớn. “Em là Mag R-r-rừng Hoang, từ Rừng H-h-hoang[8] ở Arkansas. Một xứ sở của núi đồi”

[8] Chơi chữ: Wildwood nghĩa là Rừng hoang.

Như một điệu nhảy; Berman biểu diễn vài cú đưa chân điệu nghệ để ngăn các đối thủ khác xen vào. Ông ta vắn mắt người đẹp vào tay một đối thủ nhảy điệu cadri, người nuốt từng câu đùa ngọng nghịu của cô ta như bồ câu được quăng cho bắp rang bơ. Đây là một chiến công có thể hiểu được. Cô ta thành công dù xấu xí, nhiều khi xấu còn dễ dụ hơn cả cái đẹp thật sự, chỉ vì nó có sự tương phản. Trong trường hợp này, đối nghịch với sự chải chuốt cầu kỳ và gu thẩm mỹ chọn lọc đến từng chi tiết, mẹo ghi điểm là cường điệu các khiếm khuyết lên. Cô ta khiến đám đàn ông vinh dự bằng cách ngưỡng mộ họ một cách trơ trẽn. Gót giày cao ngất ngêu khiến mắt cá chân cô ta run rẩy không vững; thân hình đẹp lép đến mức cô ta có thể ra biển chỉ với cái quần bơi; tóc được túm ngược về phía sau càng làm phô ra khuôn mặt xương xẩu kiểu người mẩu dói ăn. Thậm chí cái tật nói lắp, chắc chắn là tự nhiên nhưng vẫn có chút cố ý cũng được biến thành lợi thế. Nó là một cú ghi điểm bậc thầy, biến sự vô vị của cô ta thành một cái gì độc đáo, và hơn nữa, nó khiến đàn ông lắng nghe cô ta với cảm giác muốn che chở, bất chấp chiều cao và sự trâng tráo của cô ta. Ví dụ Berman đã chồm lên như bị thuy vào lưng khi cô ta hỏi “Ai chỉ cho em nhà v-v-vệ sinh ở đâu với?”; và để cho trọn vẹn, ông ta đề nghị dắt tay cô ta đến tận nơi.

“Không cần đâu,” Holly nói. “Cô ấy đã đến đây rồi. Cô ấy biết nó ở đâu.” Cô đang đổ các gạt tàn, sau khi Mag Rừng Hoang đi khỏi, cô đổ thêm cái nữa và nói như thở dài: “Thật đáng buồn.” Cô ngừng đủ lâu để tính xem bao nhiêu người đang tỏ ra thất vọng; khá là đông. “Và cũng thật khó hiểu. Cứ tưởng là nó lộ rõ hơn cơ. Nhưng có trời biết, cô ấy trông khỏe mạnh. Cũng gọi là sạch sẽ. Đây là điểm đặc biệt nhất đấy. Anh có thấy” cô hỏi với vẻ quan tâm nhưng không với riêng người nào, “Anh có thể nói là cô ấy trông sạch sẽ không?”

Vài người ho, một số khác nuốt nước bọt. Viên sĩ quan Hải quân đang cầm cái ly của Mag Rừng Hoang vội đặt nó xuống.

“Nhưng mà” Holly nói, “em nghe nói rất nhiều cô ở miền Nam cùng bị vấn đề như thế.” Cô rùng mình duyên dáng rồi đi vào bếp lấy thêm đá.

Mag Rừng Hoang không hiểu nổi vì sao sự hâm mộ đột nhiên mất sạch khi mình quay lại, các cuộc trò chuyện cô ta gợi lên cứ như củ ối, sậm sịt không cháy lên được. Càng không tha thứ nổi là mọi người bỏ đi mà không thèm hỏi số điện thoại của cô ta. Viên đại tá Không quân chuồn luôn khi cô vừa quay đi, đây đúng là giọt nước làm tràn ly: trước đó ông ta đã mời cô đi ăn tối. Đột nhiên, cô ta không thấy gì nữa. Rồi rượu vào mắt khôn, cô ta bắt đầu ve vãn không giấu giếm. Tự nhận mình là tiếp viên sa đọa ở Hollywood. Rủ rê đánh nhau với một ông tuổi ngũ tuần. Bảo với Berman rằng Hitler có lý. Cô ta mua vui cho Rusty Trawler bằng cách kéo tay ông ta vào một góc. “Anh có biết điều gì sắp xảy đến với anh không?” cô ta hỏi, không lấp bắp một chút nào. “Em sẽ bắt anh ra vườn thú và quăng làm môi cho con bò Tây Tạng.” Trông ông ta có vẻ khá thích thú, nhưng cô ta làm ông thất vọng khi lại trượt xuống sàn rồi cứ ngồi đó lầu bầu.

“Chị phiền hà quá đấy. Đứng lên đi,” Holly vừa nói vừa nói gắng tay. Những người còn lại của buổi tiệc đang đợi ở cửa, và khi kẻ gây rối không chịu nhúc nhích, Holly liếc sang tôi xin lỗi. “Anh giúp em với, Fred dễ thương. Cho cô ta vào taxi. Cô ta sống ở khu Winslow.”

“Không. Ở Barbizon chứ. Khối 4-5700. Cứ hỏi Mag Rừng Hoang.”

“Anh là thiên thần, Fred.”

Họ bỏ đi. Viễn cảnh phải nhét cái rừng Amazon này vào xe taxi làm tôi quên cả nỗi oán giận. Nhưng cô ta đã tự giải quyết vấn đề.

Lấy sức đứng dậy; cô ta nhìn xuống tôi với vẻ lắc lư ngạo nghễ, “Đi nào Cò ơi. Tóm lấy quả bóng may mắn,” rồi ngã vật xuống như một cây sồi bị đốn tận gốc. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là chạy đi gọi bác sĩ. Nhưng xem mạch cô ta vẫn ổn và hơi thở bình thường. Cô ta chỉ ngủ thiếp đi thôi. Sau khi kiểm cái gối kê đầu cho cô ta, tôi để kệ cô ở ngủ.

Chiều hôm sau, tôi va vào Holly ở cầu thang. “Anh” cô nói, vội vã lướt qua với một gói thuốc của dược sĩ. “Chị ấy sắp bị viêm phổi rồi đấy. Say khướt đến nổi thế. Lại còn thêm cả hoảng loạn nữa.” Tôi đoán rằng Mag Rừng Hoang vẫn còn ở trong nhà cô, nhưng cô không cho tôi có dịp tìm hiểu sự thông cảm đáng ngạc nhiên của mình. Đến cuối tuần thì sự bí hiểm lại càng đậm đặc hơn nữa. Đầu tiên là một ông Mỹ Latinh gõ nhầm cửa phòng tôi, hỏi thăm cô Rừng Hoang. Phải mất một lúc mới giải thích được sự nhầm lẫn này vì phát âm của đôi bên có vẻ không thể hiểu nổi đối với nhau, nhưng đến khi hiểu được thì tôi đâm khoái. Cái đầu tóc nâu và thân hình bò mộng của ông ta kết hợp với nhau ăn khớp, hoàn hảo, như một quả táo, một trái cam, thứ gì đó mà tạo hóa đã sinh ra đúng phải như thế. Trang điểm thêm vào đó là một bộ vest Ấng Lê, nước hoa thơm mát và tính bên lên chẳng Latinh chút nào. Sự kiện thứ hai trong ngày đó cũng liên quan tới ông ta. Khoảng chiều muộn, tôi nhìn thấy ông ta trong lúc ra ngoài ăn tối. Ông ta vừa đi taxi tới; người lái xe đỡ ông ta lão đảo đi vào tòa nhà với một đồng vali. Điều đó khiến tôi lại có cái để nhai đi nhai lại: đến Chủ nhật thì hàm tôi đâm ra ê ẩm.

Rồi bức tranh trở nên vừa rõ ràng, lại vừa tối mờ hơn. Chủ nhật là một ngày nắng gắt, mặt trời chói chang, cửa sổ nhà tôi mở toang, và tôi nghe tiếng người nói ở lối thoát hiểm. Holly và Mag đang trùm chần ngả ngón ở đó, con mèo nằm giữa. Tóc họ vừa mới gội, vẫn còn rũ xuống. Cả hai đều bận rộn, Holly đánh móng chân, còn Mag đan một chiếc áo len. Mag đang nói.

“Nếu em hỏi thì chị nghĩ rằng em m-m-may mắn đấy. Ít nhất có một điểm em có thể nói về Rusty. Anh ta là người Mỹ.”

“Đáng ca ngợi quá nhỉ.”

“Cùng ơi. Đang chiến tranh mà.”

“Và khi nó qua rồi thì cũng tàn đời trai.”

“Chị không nghĩ thế đâu. Chị t-t-tự hào về đất nước mình. Đàn ông trong gia đình chị là những chiến binh tuyệt vời. Có tượng của Cha Rừng Hoang chính giữa trung tâm Wildwood đấy.”

“Fred cũng là lính,” Holly nói. “Nhưng em chẳng tin là anh ấy sẽ được dựng tượng: với cái mũi gí vào thành cốc, trông ai cũng dễ ngó ngẩn lăm. Dù sao thì anh ấy là Fred khác. Fred anh của em cơ.”

“Em gọi người r-r-ruột th-th-thhật của mình là ngó ngẩn ư?”

“Nếu anh ấy đúng là như thế.”

“Hừ, nói thế thật là vô duyên. Một chàng trai chiến đấu cho chị, em và tất cả chúng ta.”

“Cái gì đây: tập hợp lòng yêu nước à?”

“Chị chỉ muốn em biết chị đứng về phe nào. Chị thích đùa, nhưng bên trong là một người ngh-ngh-nghiêm túc. Tự hào là người Mỹ. Chính vì thế mà chị tiếc cho José.” Cô ta đặt kim đan xuống. “Em nghĩ anh ấy đẹp trai kinh khủng, đúng không?” Holly hừm một tiếng, lấy cái bàn chải sơn của mình đập đập ria con mèo. “Nếu chị có thể làm quen với ý tưởng c-c-cưới một gã người Brazil. Và biến mình thành người B-B-Brazil. Cứ như phải vượt qua đại vực vậy. Gần mười nghìn cây số và không hiểu tiếng-”

“Thì đến Berlitz học.”

“Sao họ lại dạy tiếng B-B-Bồ Đào Nha làm quái gì? Ai mà nói cái tiếng ấy chứ. Không, khả năng duy nhất của chị là làm José quên chính trị đi và trở thành người Mỹ. Thật vô ích với một gã đàn ông muốn là t-t-tổng thống Brazil.” Cô ta thở dài, nhặt kim đan lên,

“Chị phải yêu phát điên lên. Em thấy bọn chị với nhau rồi đấy. Em có nghĩ chị yêu điên cuồng không?”

“Ồ. Thế anh ấy có cần không?”

Mag tuột mất một mũi kim. “Cẩn á?”

“Cẩn chị. Ở trên giường.”

“Sao cơ, không. Anh ấy phải cần à?” Rồi cô ta nói thêm, nghiêm túc. “Nhưng anh ấy có cười.”

“Tốt. Đây là thái độ đúng đấy. Em thích đàn ông biết nhận ra sự hài hước; hầu hết bọn họ chỉ biết mỗi việc hít vào thở ra thôi.” Mag thôi không phàn nàn nữa; cô ta xem nhận xét trên như lời khen ngợi mình. “Ừ. Chị chắc thế.”

“Ok. Anh ấy không cần. Anh ấy cười. Còn gì nữa không?”

Mag đếm mũi bị tuột và bắt đầu đan lại nhoay nhoáy.

“Em nói là-”

“Chị có nghe. Và không phải là chị không muốn kể cho em đâu. Nhưng khó mà nhớ nổi. Chị không đ-đ-để ý đến mấy thứ đó. Không giống như em. Nó cứ trượt ra khỏi đầu chị như một giấc mơ ấy. Chị chắc th-th-thái độ đó cũng bình thường thôi.”

“Nó có thể là bình thường, chị thân mến ơi; nhưng em thích tự nhiên hơn.” Holly hơi ngừng tay giữa lúc đang sơn đỏ hết đám ria còn lại của mèo. “Nghe này. Nếu chị không nhớ nổi, thì cứ để đèn sáng nhé.”

“Làm ơn hiểu cho chị, Holly. Chị là một người rất, rất truyền thống”

“Ồ, vớ vẩn thật. Ngắm nhìn một người đàn ông mình thích thì có gì sai trái nào? Đàn ông đẹp chứ, rất nhiều người đẹp, José chẳng hạn, và nếu chị thậm chí không muốn nhìn anh ấy, thì thôi, em chắc anh ấy sẽ mất hứng như đĩa mì nguội ngắt cho xem.”

“Không. Vì chị không phải là đĩa m-m-mì nguội. Chị là người tình cảm ấm áp. Đây là cá tính của chị.”

“Ừ thì chị tình cảm. Nhưng nếu em là đàn ông thì lên giường, em vẫn thích mang theo cái bình nước nóng hơn. Nó có thể sờ thấy được.”

“José chẳng kêu ca gì đâu” cô ta nói, mãn nguyện, cặp kim đan lóe sáng trong ánh nắng. “Hơn nữa, chị yêu anh ấy. Em có để ý là chị đã đan mười đôi tất kẻ trong vòng chưa tới ba tháng không? Và đây là cái áo len thứ hai.” Cô ta căng cái áo len ra rồi quăng nó sang bên. “Chẳng biết để làm gì nữa. Áo len ở Brazil. Lẽ ra chị phải làm cái mũ chống n-n-nắng.”

Holly nằm xuống, ngáp dài. “Cũng phải có mùa đông chứ?”

“Có mưa, chị biết thế. Nóng. Mưa. R-r-rừng rậm”

“Nóng. Rừng rậm à. Thực ra em thích thế.”

“Giá chị là em.”

“Ừ” Holly nói với vẻ mơ màng không phải vì buồn ngủ. “Giá em là chị.”

Sáng thứ Hai, khi tôi xuống nhà lấy thư, tấm biển trên hòm thư của Holly đã thay đổi, thêm một cái tên: Cô Nhẹ Dạ và Cô Rừng Hoang giờ đi du lịch cùng nhau. Lẽ ra tôi đã để tâm đến nó lâu hơn nếu không có một cái thư trong hòm thư của chính tôi. Đây là thư từ tạp chí của một trường đại học nhỏ mà tôi đã gửi truyện ngắn của mình tới. Họ thích nó, và mặc dù tôi phải hiểu rằng họ không có tiền trả nhuận bút, nhưng họ muốn xuất bản. Xuất bản: có nghĩa là in. Không lời nào tả xiết nỗi choáng ngợp phấn khích của tôi. Tôi phải kể cho ai đó: và nhảy hai bậc cầu thang một, tôi đập cửa nhà Holly.

Tôi không dám dùng lời để kể về tin đó; khi cô ra mở cửa, mắt nhắm mắt mở vì ngại ngùng, tôi giúi lá thư vào tay cô. Phải mất thời gian lâu như đọc cả sáu chục trang giấy, cô mới đưa lại nó cho tôi. “Em sẽ không cho họ in nếu không trả tiền,” cô đáp, ngáp dài. Có lẽ về mặt tôi giải thích rằng cô đã hiểu sai ý, tôi không cần khuyên bảo mà là chúc mừng kia: miệng cô nhếch lên biến cái ngáp thành một nụ cười. “Ồ, em hiểu rồi. Thật tuyệt vời. Nào, anh vào đi” cô nói. “Mình sẽ pha một bình cà phê và ăn mừng. Không. Em sẽ thay đồ và đưa anh đi ăn trưa.”

Phòng ngủ của cô cũng hệt như phòng khách: nó gọi nhớ không khí cấm trại: thùng và vali, mọi thứ đều được gói ghém và sẵn sàng lên đường, giống như hành lý của một tên tội phạm thấy mình bị luật pháp truy đuổi sát gót. Trong phòng khách không có lấy một đồ đạc thông thường, nhưng trong phòng ngủ chính là một cái giường cỡ to gấp đôi và khá bóng bẩy: gỗ màu vàng bọc satinh.

Cô để cửa phòng tắm mở toang rồi nói chuyện vọng ra giữa lúc giặt nước và đánh răng, hầu hết toàn những cái không thể hiểu được, nhưng đại để là: cô cho rằng tôi đã biết Mag Rừng Hoang đã dọn vào đây, như thế thật tiện phải không? Vì nếu định kiếm bạn chung phòng mà không phải dân đồng tính, thì ưu tiên thứ nhì là một ả thật ngu, như Mag, thế thì có thể trút gánh nặng thuê nhà lên ả và bắt mang đồ đi giặt.

Rõ ràng Holly có vấn đề với chuyện giặt giũ; căn phòng rải bừa bãi, như phòng tập thể thao của con gái.

“- và anh biết không, chị ấy là người mẫu khá thành công đấy: tuyệt không? Nhưng có cái hay là,” cô nói, vừa lò cò ra khỏi phòng tắm, vừa chỉnh lại một cái tất. “Cứ tưởng phải giữ chị ấy khỏi quấy rầy em cả ngày. Nhưng hóa ra cũng chẳng khó mấy vì có anh chàng đó. Chị ấy dính hôn rồi. Một anh chàng cũng được phết. Mặc dù có lệch nhau một tí về chiều cao: em chắc chị ấy cao hơn chừng ba chục phân. Quái, đâu mất-” cô quỳ xuống lục lọi dưới gầm giường. Sau khi thấy cái muốn tìm, là một đôi giày da thuộc loại hiếm, cô còn phải kiểm áo khoác, thắt lưng, và thật đáng để tìm hiểu, làm thế nào, từ mấy thứ linh tinh như vậy, cô tạo ra hiệu ứng sau cùng: đài các, điềm tĩnh không chệch vào đâu được, như thể cô được hộ tống bởi các nữ tì của nữ hoàng Cleopatra. Cô nói “Anh nghe này,” và đỡ cằm tôi lên, “Em rất mừng vì cái truyện ấy. Thật sự đấy.”

Ngày thứ Hai, tháng Mười năm 1943 ấy. Một ngày tuyệt đẹp vô tư lự. Bắt đầu là rượu cóc-tai Manhattan ở quán của Joe Bell; rồi khi anh ta nghe tin vui của tôi, lại cóc-tai pha sâm-banh cho cả nhà. Sau đó, chúng tôi lang thang đến Đại lộ Năm, nơi có một cuộc diễu binh. Cờ bay trong gió, tiếng dậm chân và quân nhạc, có vẻ như không liên quan gì tới chiến tranh mà là để tôn vinh danh tiếng của tôi.

Chúng tôi ăn trưa tại một quán tự phục vụ ở công viên. Sau đó, tránh đi qua vườn thú (Holly nói cô không chịu nổi phải nhìn bất cứ cái gì trong cũi), chúng tôi cười đùa, chạy và hát dọc con đường dẫn về cái nhà thuyền bằng gỗ cũ kỹ, bây giờ không còn nữa. Lá cây bông bênh trên hồ; bên bờ, người coi công viên đang quạt lửa đốt lá, và khói, như tín hiệu của người da đỏ, là vết nhòe duy nhất trong không gian xao động. Tháng Tư chẳng bao giờ có ý nghĩa lắm gì với tôi; mùa thu mới là mùa khởi đầu, thanh xuân; tôi cảm thấy thế khi ngồi với Holly trên lan can hành lang nhà thuyền. Tôi nghĩ về tương lai, kể về quá khứ. Vì Holly muốn biết về thời thơ ấu của tôi.

images

Cô cũng nói về tuổi thơ mình, nhưng nó mù mờ, không tên, không rõ nơi nào, một hồi ức theo trường phái ấn tượng, mặc dù ấn tượng gây ra ngược lại với cái mọi người chờ đợi, vì cô toàn kể về những lạc thú như bơi, mùa hè, cây thông Nô-en, những người anh em xinh xắn, tiệc tùng: nói tóm lại là sung sướng mà với một đứa trẻ bỏ nhà đi như cô thì không bao giờ có được.

Hay là, tôi hỏi, chuyện cô đã bỏ đi sống tự lập từ năm mười bốn tuổi là không đúng sự thật? Cô day day mũi. “Thật mà. Những chuyện khác thì không. Nhưng thật ra là, anh yêu, anh đã biến tuổi thơ anh thành bi kịch quá mà em không thích đùa làm gì.”

Cô nhảy khỏi lan can.”Dù sao, nó làm em nhớ ra: em phải gửi cho Fred một ít bơ lạc.” Phần còn lại của buổi chiều hôm ấy, chúng tôi chạy đông chạy tây, moi bằng được từ những người bán tạp phẩm trở lại những hộp bơ lạc vốn rất khan hiếm trong thời chiến; đến tối mịt thì chúng tôi gom được nửa tá, vết sạch từ một tiệm bán đồ ăn sẵn ở Đại lộ Ba. Nó gần cửa hàng đồ cổ có bày cái lồng chim kiểu cung điện, vì thế tôi đưa cô đến xem, cô thích thú với sự quái lạ đó: “Nhưng dù sao, nó vẫn là một cái lồng”

Đi ngang tiệm Woolworth, cô tóm lấy cánh tay tôi: “Mình ăn trộm cái gì đi” cô nói, kéo tôi vào trong cửa hàng, nơi ngay lập tức gây cho ta cảm giác như đang bị theo dõi. “Thôi nào. Đừng có nhát như cây thế.” Cô quan sát một cái quầy chõng chất những quả bí đỏ bằng giấy và mặt nạ Halloween. Bà bán hàng bận bịu với một nhóm các bà xơ đang thử mặt nạ. Holly nhặt lấy một cái mặt nạ, đeo vào mặt mình; cô chọn một cái khác đeo cho tôi; rồi cô nắm tay tôi và hai đứa đi ra. Đơn giản như thế đấy. Ra đến ngoài, chúng tôi chạy qua khoảng vài quãng phố, tôi nghĩ để làm cho nó có vẻ gay cấn hơn, nhưng cũng vì, như tôi khám phá ra, hưng phấn khi ăn trộm thành công. Tôi tự hỏi không biết cô có hay ăn trộm không. “Em đã từng thế đấy” cô bảo. “Ý em là em buộc phải thế. Nếu em muốn có cái gì. Nhưng thỉnh thoảng em vẫn còn làm đấy, kiểu như cho vui thôi.”

Chúng tôi đeo mặt nạ suốt trên đường về nhà.

6. Chương 6

BỮA SÁNG Ở TIFFANY'S (tt)

Tôi nhớ mình đã nhiều ngày lang thang với Holly; và sự thật là, ở những khoảnh khắc kỳ quặc nhất, chúng tôi phát hiện nhiều điều thú vị về nhau; nhưng nhìn chung cả thì ký ức nhạt nhòa. Vì vào cuối tháng đó, tôi tìm được việc: để được cái gì ư? Càng ít việc càng sướng, nhưng nó lại cần thiết và kéo dài từ chín giờ sáng đến năm giờ chiều. Điều đó làm giờ giấc của Holly và tôi cực kỳ chệnh nhau.

Chỉ trừ vào thứ Năm, ngày cô phải đến nhà tù Sing Sing, hoặc những buổi hiếm hoi cô cưỡi ngựa ngoài công viên, còn khi tôi về nhà thì Holly chưa dậy. Đôi khi tôi dừng chân, uống cùng cô ly cà phê tỉnh ngủ trong khi cô thay quần áo đi chơi tối. Cô lúc nào cũng sắp sửa đi; không hẳn với Rusty Trawler mà thường là với Mag Rừng Hoang cùng với anh chàng điển trai người Brazil, tên là José Ybarra Jaegar, mẹ anh ta người Đức. Bộ tứ tấu này cứ bị phò, mà căn bản là do Ybarra Jaegar, người có vẻ chẳng ăn nhập vào nhóm, như cây viôlông giữa ban nhạc Jazz vậy. Thông minh, ưa nhìn, anh ta rất nghiêm túc với công việc của mình, hình như liên quan với chính quyền, chắc là quan trọng, và khiến anh ta phải đến Washington vài ngày trong tuần. Chẳng hiểu làm sao mà anh ta chịu được đêm này qua đêm khác ở La Rue, El Morocco, nghe Rừng Hoang lấp bắp và nhìn mãi vào khuôn mặt bé bự của Rusty? Có lẽ, giống như hầu hết những người ngoại quốc, anh ta mất khả năng phân biệt người để chọn ra đẳng cấp phù hợp với mình, như anh ta có thể làm thế ở quê nhà; vì thế mà tất cả dân Mỹ đều được xếp chung một rọ và cách kết bạn của anh ta thật bình đẳng về màu da và chủng tộc. Điều đó lí giải khá nhiều; phần còn lại là do sự quả quyết của Holly.

images

Một buổi chiều muộn, trong khi đợi xe bus tuyến Đại lộ Năm, tôi để ý thấy một cái taxi dừng ngang đường cho một cô gái chạy lên thư viện công cộng phố 42. Cô ta biến mất sau cánh cửa trước khi tôi kịp nhận ra, cũng dễ hiểu thôi, vì Holly và thư viện chẳng ăn nhập mấy với nhau. Trí tò mò thôi thúc tôi đi qua hai con sừ tử[9], vừa đi vừa dẫn đo liệu nên nhận là mình đi theo cô, hay vờ như tình cờ. Cuối cùng tôi chẳng theo cách nào cả mà giấu mình cách cô vài bàn trong phòng đọc lớn, nơi cô đeo kính râm ngồi sau cái pháo đài văn học mà cô đã lỏ về từ chỗ thủ thư. Cô lướt hết cuốn này đến cuốn khác, thỉnh thoảng dừng ở một trang, ngẩn ra như thể nó bị in ngược. Cô lăm lăm cái bút chì trên trang giấy - có vẻ chẳng có gì thu hút được cô, nhưng thỉnh thoảng, như thể suy nghĩ lung lăm, cô khó nhọc viết vài dòng. Nhìn cô, tôi nhớ đến Mildred Grossman, một đứa con gái chuyên học gạo ở trường. Mildred với mái tóc nhờn dầu và cặp kính lem nhem, những ngón tay vấy bẩn vì mỡ ếch và bụng cà phê cho nhóm biểu tình, cặp mắt trơ trọi của cô ta chỉ hướng về phía các vì sao để ước lượng khối lượng hóa chất của nó. Mildred và Holly khác nhau một trời một vực, nhưng trong đầu tôi, họ cứ gọi nhớ đến cặp thuyền đôi của người Xiêm, và ý tưởng liên hệ hai người với nhau là như thế này: người bình thường biến đổi khá thường xuyên, cứ vài năm thì cơ thể con người lại phải trải qua một cuộc đại tu, dù muốn hay không thì đấy là thay đổi tự nhiên nên có. Nhưng có hai kẻ không thể. Đó là điểm chung giữa Mildred Grossman và Holly Nhẹ Dạ. Họ sẽ không bao giờ thay đổi bởi cá tính đã được định hình quá sớm; giống như bị giàu lên đột ngột đâm ra mất cân bằng: một người

thì quá mức thực tế, còn kẻ kia lại thuần túy lãng mạn. Tôi hình dung họ trong một nhà hàng tương lai, Mildred sẽ vẫn nghiền ngẫm thực đơn để xem giá trị dinh dưỡng, còn Holly sẽ ngón ngấu mọi thứ ở đó. Sẽ không bao giờ khác đi. Họ sẽ đi suốt cuộc đời và ra khỏi nó cũng với bước đi quả quyết, đáng ghi chú bên lề trái của sách đời. Suy ngẫm sâu sắc này làm tôi quên bém mắt mình đang ở đâu, đến mức giật mình thấy mình đang lơ vờ trong thư viện và sững sốt bất gặp Holly ở đó. Lúc đấy tầm sau bảy giờ, cô đã tô lại son, ăn diện theo cách cô nghĩ là thích hợp với thư viện, tức là thêm khăn choàng, đeo hoa tai, giống như phong cách thuộc địa. Khi cô đi rồi, tôi đến cái bàn còn để lại những cuốn sách của cô: Phương Nam theo cánh chim báo bão. Những con đường nhỏ của Brazil. Ý kiến chính trị của Mỹ Latinh. Và đại loại như thế.

[9] Hai tượng sư tử gác ở cửa vào thư viện.

images

Cảnh đọc sách trong thư viện trên phim đã được thay đổi so với truyện.

Vào đêm Giáng sinh, cô và Mag tổ chức một bữa tiệc. Holly nhờ tôi đến sớm để giúp trang hoàng cây thông. Tôi vẫn không biết làm sao mà họ tha được cái cây vào căn phòng. Cành cao nhất chọc trần, những cành thấp thì xòe kín từ tường này sang tường kia; nhìn tổng thể thì nó khá giống cây Nô-en khổng lồ ở Rockefeller Plaza. Đúng hơn nó cần chính Rockefeller[10] trang hoàng vì ngọn đồ trang trí và dây kim tuyến cứ như tuyết tan vèo vèo. Holly đề xuất là cô sẽ đến Woolworth ăn trộm vài quả bóng; cô làm thật: và cái cây cuối cùng trông khá đẹp mắt. Chúng tôi uống mừng thành quả của mình, rồi Holly nói: “Vào phòng ngủ mà xem. Có quà cho anh đó.”

[10] Rockefeller: tỉ phú dầu lửa ở Mỹ.

Tôi cũng có quà cho cô: một gói nhỏ trong túi tôi, nó có vẻ càng nhỏ tí hơn khi tôi nhìn thấy, gói vuông vức trên giường và gắn ruy băng đỏ: chiếc lồng chim tuyệt đẹp.

“Nhưng mà, Holly! Nó khủng khiếp quá!”

“Em đồng ý; nhưng em tưởng anh thích nó mà.”

“Số tiền ấy! Những ba trăm năm mươi đô!”

Cô nhún vai. “Thêm vài lần đi vệ sinh thôi mà. Nhưng anh phải hứa với em nhé. Hứa là đừng bao giờ nhốt một sinh vật sống nào vào trong đó.”

Tôi bắt đầu hôn cô, nhưng cô chìa tay ra. “Đưa cho em nào” cô nói, vỗ vào chỗ cộm lên trong túi tôi.

“Anh sợ là nó không nhiều nhận gì” mà thế thật: một cái huy hiệu Thánh Christopher. Nhưng ít nhất thì nó mua từ nhà hàng Tiffany’s.

Holly là một cô gái chẳng biết giữ gìn cái gì, chắc hẳn đến giờ, cô đã đánh mất cái huy hiệu, quên trong vali hay ngăn kéo khách sạn ở đâu đó. Nhưng chiếc lồng chim thì tôi vẫn giữ. Tôi đã tha lời nó đến New Orleans, Nantucket, khắp nơi ở châu Âu, Maroc, Tây Ấn. Nhưng tôi ít khi nhớ rằng chính Holly tặng nó cho mình, vì đến lúc tôi cố tình quên: chúng tôi đã chia tay rất tồi tệ, và trong số những thứ quay cuồng giữa cơn bão thịnh nộ của chúng tôi có chiếc lồng chim, O.J. Berman và truyện ngắn của tôi, tôi đã tặng một bản cho Holly khi nó được đăng trên tờ báo của trường đại học.

Đôi khi vào tháng Hai, Holly đi nghỉ đông với Rusty, Mag và Jose Ybarra Jaegar. Vụ cãi cọ giữa chúng tôi xảy ra ít lâu sau khi cô trở về. Rám nắng đen sẫm đi, mái tóc cháy nắng trông gớm chết, cô có một kỳ nghỉ tuyệt vời: “Ôi, đầu tiên bọn em ở Key West, và Rusty phát cáu với mấy người lái thuyền, hay là ngược lại, dù sao thì anh ấy cũng sẽ phải đeo miếng bó xương suốt đời. Mag thân yêu thì cũng phải vào bệnh viện. Bông nắng cấp độ một. Thật kinh khủng: tất cả những vết phỏng rộp và sả[11]. Bọn em không thể chịu nổi cái mùi của chị ấy. Thế là José và em để họ ở bệnh viện và đi Havana. Anh ấy bảo cứ đợi đến khi em thấy Rio đã; nhưng em thì em chẳng muốn tốn tiền ở đấy nữa. Bọn em có một người hướng dẫn không thể cưỡng lại được, người châu Phi lai một ít Tàu, mặc dù em không khoái lắm cả hai, nhưng sự kết hợp thì thật mê hồn: thế là em để anh ta đụng chạm tí ti dưới gầm bàn, vì nói thật ra, em không thấy anh ấy tầm thường tí nào; nhưng rồi một đêm anh ta đưa bọn em đi xem một bộ phim lãng mạn, và anh có thể đoán được không? Anh ấy hiện ra trên màn hình. Tất nhiên khi bọn em trở về Key West, Mag tin chắc là em đã

ngủ với José suốt thời gian đó. Rusty cũng thế: nhưng anh ấy chẳng quan trọng chuyện đó, chỉ muốn nghe kể chi tiết thôi. Thật ra, mọi thứ khá căng thẳng cho đến khi em dốc bầu tâm sự với Mag.”

[11] Kem bôi chống nắng có mùi sả.

Chúng tôi ngồi ở phòng ngoài, bây giờ đã sắp đến tháng Ba, nhưng cây thông Nô-en khổng lồ vẫn còn đó, choán gần hết chỗ, nó đã ngả sang màu nâu, mất hết mùi, những quả bóng treo trên cây nhả nhúm lại như vú bò già. Một đồ vật đáng chú ý đã được đưa thêm vào phòng: một chiếc võng nhà binh; và Holly nằm dài trên đó dưới một cái đèn mặt trời, cố giữ lại vẻ nhiệt đới của mình.

“Và em thuyết phục được cô ấy chứ?”

“Rằng em đã không ngủ với José á? Chúa ơi, vâng. Em chỉ nói đơn giản - nhưng anh biết đấy, theo kiểu tự thú đầy đau đớn - rằng em là đồng tính nữ.”

“Cô ấy không thể tin chuyện đó được.”

“Sao mà không tin. Thế anh nghĩ vì sao chị ấy lại đi mua cái võng nhà binh này? Cứ để đấy cho em: trong vụ gây sốc thì em là đỉnh đấy. Anh yêu, xoa tí dầu vào lưng cho em đi nào.” Trong khi phục vụ cô, cô nói: “O.J. Berman đang ở đây đấy, anh nghe này, em đưa cho anh ấy truyện của anh đăng trên tạp chí. Anh ấy có vẻ khá ấn tượng. Anh ấy nghĩ có lẽ anh đáng được nâng đỡ. Nhưng anh ấy bảo anh đang đi sai đường. Người da đen và trẻ con thì ai quan tâm.”

“Chắc không phải ngài Berman rồi.”

“Ồ, em đồng ý với anh ấy. Em đọc truyện đó hai lần. Bọn nhóc hỗn xược và dân da đen. Những chiếc lá run rẩy. Toàn mô tả. Chẳng có ý nghĩa gì.”

Tay tôi đang xoa dầu trên da cô chỉ muốn nổi loạn: nhấc lên và phát xuống mông cô. “Cho tôi ví dụ đi,” tôi nhẹ nhàng nói, “cái gì là có ý nghĩa. Theo cách hiểu của cô.”

“Đời gió hú,” cô đáp không chần chừ.

Thôi thúc của tay tôi trở nên khó mà kiểm soát nổi.

“Nhưng thế thật không công bằng. Cô đang nói đến tác phẩm của một thiên tài.”

“Thật thế à? Cathy ngọt ngào hoang dại vậy. Chúa ơi, em đã khóc hàng xô. Em xem nó mười lần.”

Tôi đáp, “Ồ,” nhẹ hết cả người, “ồ” với chuyển giọng cao lên đầy miệt thị, “cái phim ấy đấy.”

Cơ bắp cô cứng lại, chạm vào cô như sờ tảng đá ấm lên dưới ánh mặt trời. “Ai cũng có thể nghĩ mình hơn người khác,” cô nói. “Nhưng theo phép thông thường thì anh phải có gì để chứng minh trước khi lên mặt đấy.”

“Tôi không so sánh mình với cô. Hay Berman. Vì thế tôi không nghĩ mình hơn ai cả. Chúng ta muốn những thứ khác nhau”

“Anh không muốn kiếm tiền à?”

“Tôi chưa có kế hoạch làm điều đó.”

“Đấy là cái vẻ trong truyện của anh đấy. Anh viết như thể không biết kết thúc thế nào. Được, em nói để anh biết: tốt hơn là anh nên kiếm tiền đi. Anh có một trí tưởng tượng xa xỉ. Sẽ không có nhiều người mua cái lồng chim của anh đâu.”

“Tiếc thật đấy.”

“Anh sẽ tiếc nếu anh đánh em. Một phút trước anh muốn thế chứ gì: em có thể cảm thấy thế từ tay anh; và bây giờ anh cũng muốn đánh nữa.”

Tôi muốn thế kinh khủng; tay tôi run, tim tôi đập thành thạch khi đóng nắp chai dầu. “Ồ, không, tôi sẽ không tiếc đâu. Tôi chỉ tiếc cô đã phí tiền vì tôi: Rusty Trawler đã phải cực nhọc để kiếm ra nó.” Cô ngồi bật dậy trên chiếc võng nhà binh, gương mặt, bộ ngực trần của cô xanh lên lạnh lẽo trong ánh đèn mặt trời nhân tạo. “Mất bốn giây để đi từ đây ra cửa. Em cho anh hai giây.”

Tôi đi thẳng lên gác, lấy cái lồng chim mang xuống và để nó trước cửa phòng cô. Thế là xong. Hoặc tôi tưởng thế, cho đến sáng hôm sau khi đi làm, tôi thấy cái lồng đặt trên nắp thùng rác chờ người dọn rác vứt đi. Khá ngượng ngập, tôi giải cứu nó, mang nó trở về phòng mình, một thỏa hiệp không làm nhụt đi quyết tâm loại hẳn Holly Nhẹ Dạ ra khỏi đời tôi. Tôi kết luận cô là một kẻ “phô trương thô lỗ”, “phí thời gian”, “giả dối hoàn toàn” không bao giờ nên nói chuyện với cô nữa.

Và tôi đã làm thế. Trong một thời gian khá lâu. Chúng tôi đi ngang qua nhau ở cầu thang, mắt nhìn xuống. Nếu cô bước vào quán Joe Bell, tôi bỏ ra. Rồi một lần, bà Sapphia Spanella, một người đam mê trượt băng và có giọng nữ cao, sống ở tầng một, làm một kiến nghị trưng cầu ý kiến của cư dân tòa nhà đá nâu để đuổi Cô Nhẹ Dạ: theo lời bà Spanella, cô “đáng phê phán về đạo đức”, “thủ phạm của những vụ tụ tập hàng đêm gây nguy hiểm về an ninh và sự trong sạch của cả khu.” Mặc dù từ chối ký vào đó, thâm tâm tôi thấy bà Spanella có lí do để phàn nàn. Nhưng vụ kiến nghị của bà không thành công, và cuối tháng Tư đầu tháng Năm, qua cửa sổ mở, đêm xuân ấm áp trở nên khủng khiếp với âm thanh tiệc tùng ồn ã tiếng máy quay đĩa mở lớn, tiếng cười say rượu martini vọng ra từ căn hộ số 2.

Chẳng có gì lạ nếu bắt gặp khách gọi cửa nhà Holly đủ các hạng người đáng ngờ và khá là tương phản nhau; nhưng một chiều muộn mùa xuân, khi băng ngang tiền sảnh của khu nhà đá nâu, tôi để ý thấy một người đàn ông trông rất kỳ lạ, đang thăm dò hòm thư của cô. Ông ta trạc năm mươi tuổi, gương mặt từng trải, cứng cỏi, cặp mắt xám đau buồn. Ông ta đội một chiếc mũ xám cũ kỹ, đầy vết mồ hôi, và bộ vest mùa hè rẻ tiền, màu xanh lơ lợt, rộng thùng thình trên thân hình gầy khẳng khiu; giày ông ta mới tinh, màu nâu. Ông ta có vẻ không định nhấn chuông của Holly. Chậm chạp, như thể đọc chữ Braille của người mù, ông ta cứ miết ngón tay lên cái tên chạm nổi của cô.

Tối hôm đó, trên đường đi ăn tối, tôi lại nhìn thấy người đàn ông. Ông ta đang đứng bên kia đường, tựa vào một cái cây và dăm dăm nhìn lên cửa sổ nhà Holly. Những dự cảm xấu vụt qua trong đầu tôi. Ông ta là thám tử ư? Hay một nhân vật đầu trộm đuôi cướp trong giới bạn bè của cô ở Sing Sing, Sally Cà Chua? Tình huống này làm sống lại tình cảm dịu dàng mà tôi có với Holly: chỉ có thể mới hợp lý để cắt ngang mối oán ghét lâu dài giữa chúng tôi, báo cho cô biết rằng cô đang bị theo dõi. Khi bước tới góc phố, theo hướng đông đến quán Thiên Đường Hamburg nằm giữa đường 79 và Madison, tôi có thể cảm thấy người đàn ông đang chú ý đến mình. Ngay sau đó, không cần quay đầu lại, tôi biết ông ta đi theo mình. Vì tôi nghe tiếng ông ta huyết sáo. Không phải bất kỳ điệu hát thông thường nào, mà chính là giai điệu rên rỉ của thảo nguyên mà đôi khi Holly chơi trên cây đàn guitar của cô: Không muốn ngủ, không muốn chết, Chỉ muốn lãng du qua những cánh đồng trời. Tiếng huyết sáo tiếp tục dọc theo Đại lộ Park rồi đến Madison. Một lần đứng chờ tín hiệu đèn giao thông, tôi quan sát ông ta qua khe cửa khi ông ta dừng lại nựng nịu một con chó xù. “Bà có con vật xinh quá,” ông ta nói với người chủ bằng cái giọng lè nhè, khàn khàn, nhà quê.

Thiên Đường Hamburg vắng teo. Dù sao, ông ta cũng chiếm một ghế ngay sau tôi, ở bên cái quầy dài. Ông ta có mùi mồ hôi và thuốc lá. Gọi một tách cà phê, nhưng khi người ta mang đến thì ông ta lại không đụng tới. Thay vào đó, ông ta nhai một cái tằm và quan sát tôi trong cái gương treo tường đối diện với chúng tôi.

“Xin lỗi,” tôi hỏi, đối thoại với ông ta qua cái gương, “nhưng ông muốn gì?”

Câu hỏi không làm ông ta ngại ngùng; có vẻ như ông ta dăm nhẹ nhõm khi được hỏi tới. “Con trai ạ,” ông ta đáp, “ta muốn có bạn thôi.”

Ông ta rút ví ra. Nó nhàu nhò như da tay ông ta, gần như tã tơi thành nhiều mảnh; và tấm ảnh mờ, rạn, dễ rách mà ông ta đưa cho tôi cũng thế. Có bảy người trong bức ảnh, đứng tùm vào nhau trên cái hành lang sắp sập của một ngôi nhà gỗ ẩm đăm, tất cả đều là trẻ con, trừ một người đàn ông, chính là ông ta, đang ôm ngang hông một bé gái tóc vàng bụ bẫm, tay con bé che mắt vì chói nắng.

“Tôi đây” ông ta nói, chỉ vào mình. “Đây là cô ấy...” ông ta đập tay lên đứa con gái bụ bẫm. “Và đứa đứng chỗ này,” ông ta nói thêm, chỉ vào một cậu bé gầy khẳng khiu, tóc màu sáng, “là Fred, anh cô ấy.”

Tôi nhìn vào “cô ấy” lần nữa: và, phải rồi, giờ thì tôi nhận ra nét nhang nhác trẻ thơ của Holly ở đứa bé mắt lác, má bầu bĩnh này. Ngay lúc đó, tôi cũng hiểu người đàn ông là ai.

“Bác là bố của Holly.”

Ông ta chớp mắt, sững sờ. “Tên cô ấy không phải là Holly. Cô ấy là Lulamae Bames. Từng là như thế” ông

ta nói, di chuyển cái tấm trong miệng; “cho đến khi cô ấy lấy tôi. Tôi là chồng cô ấy. Doc Nhẹ Dạ. Tôi là bác sĩ chuyên về ngựa, gia súc. Cũng làm ruộng nữa. Gần Tulip, Texas. Này con trai, sao cậu lại cười?”

Không phải là cười thật, mà vì căng thẳng. Tôi nuốt một ngụm nước và bị sặc. Ông ta vỗ vỗ lưng tôi. “Đây không phải chuyện cười đâu, con trai ạ. Tôi mệt mỏi rồi. Tôi đã mất năm năm đi tìm vợ mình. Ngay khi nhận được thư của Fred nói cô ấy ở đâu, tôi đã mua vé xe khách liên tỉnh. Lulamae thuộc về gia đình với chồng và nữ trẻ của cô ấy.”

“Lũ trẻ ư?”

“Chúng nó nà nữ trẻ của cô ấy” ông ta đáp, gần như gào lên. Ý ông ta là về bốn gương mặt non nớt khác trong bức ảnh, hai đứa con gái đi chân đất và hai đứa con trai nữa. Phải rồi, chắc ông ta bị loạn trí. “Nhưng Holly không thể là mẹ của bọn trẻ này được. Chúng còn lớn hơn cả cô ấy. To cao hơn.”

“Này, con trai,” ông ta nói giọng giảng giải, “tôi không bảo chúng nó nà con đẻ của cô ấy. Người mẹ yêu quý của chúng, người đàn bà thân yêu, Chúa cứu rỗi linh hồn cô ấy, đã mất vào ngày mừng 4 tháng Bảy, ngày lễ Độc Lập năm 1936. Năm hạn hán. Khi tôi cưới Lulamae là vào tháng Mười Hai năm 1938, cô ấy gần mười bốn tuổi. Có thể một người bình thường ở tuổi mười bốn sẽ chưa biết nghĩ. Nhưng cậu xem Lulamae, cô ấy là một người đàn bà khác thường. Cô ấy hiểu rõ ràng mình đang làm gì khi hứa trở thành vợ tôi và là mẹ của nữ con tôi. Cô ấy hoàn toàn làm tan vỡ trái tim chúng tôi khi trốn khỏi nhà như thế.” Ông ta nhấp ngụm cà phê nguội của mình, và nhìn sang tôi với vẻ dò hỏi nôn nóng. “Giờ thì, con trai, cậu còn nghi ngờ tôi nữa không? Cậu có tin điều tôi nói không?”

Tôi tin. Không phải sự thật mới là lạ; hơn nữa, nó ăn khớp với mô tả của O.J. Berman về Holly khi ông ta mới gặp cô ở California: “không biết nó là một kẻ man rợ, nhà quê hay cái giống gì nữa.” Không thể trách Berman đã không đoán ra cô là một bà vợ nhí đến từ Tulip, Texas.

“Hoàn toàn làm tan vỡ trái tim chúng tôi khi trốn khỏi nhà như thế” ông bác sĩ ngựa nhắc lại. “Cô ấy không có lí do gì. Mấy đứa con gái cô ấy đã làm hết việc nhà. Lulamae có thể sống rất thư thả: làm dáng trước gương và chải tóc. Nào bò, nào vườn, nào gà, lợn của nhà chúng tôi: con trai ạ, cô ấy chắc chắn đã vớ bẫm. Trong khi đó, thằng anh cô ấy lớn phổng lên như người khổng lồ. Trông khác hẳn với lúc anh em cô ấy đến chỗ chúng tôi. Chính nà Nellie, con gái lớn của tôi, chính nó đã đưa họ vào nhà. Một buổi sáng, nó đến tìm tôi, mách: ‘Bố ơi, con khóa hai đứa trẻ hự trong nhà bếp. Con bắt được chúng nó bển ngoài, ăn trộm sữa và trứng gà tây,’” Đây nà Lulamae và Fred. Chà, cậu chẳng bao giờ nhìn thấy cái gì tội nghiệp hơn. Xương sườn chọc ra khắp nơi, chân cẳng thì tong teo đứng chằng vững, răng cở lung lay nhai không nổi cháo nữa. Câu chuyện là: mẹ chúng nó chết vì lao phổi, rồi bố cũng thế - và nữ trẻ, cả đám lóc nhóc bị tống đến ở với những kẻ bần tiện khác nhau. Lulamae và anh cô ấy cũng thế, cả hai sống với mấy người ti tiện, nhẩn tằm, cách Tulip một trăm dặm về phía đông. Cô ấy có lí do chính đáng để trốn khỏi cái nhà ấy. Nhưng không có lí do gì để đi khỏi nhà này. Đây nà nhà cô ấy.” Ông ta chống khuỷu tay xuống quầy, ngón tay bưng kín mắt, thở dài. “Cô ấy phổng phao lên thành một phụ nữ thật xinh đẹp. Hoạt bát nữa. Nói như khướu. Bất cứ để tài nào cô ấy cũng nói được cái gì đấy khôn ngoan: hơn cả radio. Điều đầu tiên cậu nên biết, tôi không phải dạng người bẻ lá tìm hoa. Tôi thuần hóa con quạ của cô ấy, dạy nó gọi tên cô ấy. Tôi hướng dẫn cô ấy chơi đàn guitar. Chỉ cần nhìn cô ấy cũng làm tôi rưng rưng nước mắt. Cái đêm cầu hôn, tôi đã khóc như trẻ con. Cô ấy bảo: ‘Sao anh khóc hử Doc? Vì chúng mình sắp cưới nhau à? Em chưa được cưới bao giờ,’” Chà, tôi đã phải cười phá lên, ôm, ghì xiết lấy cô ấy: chưa được cưới bao giờ à!” Ông ta nghẹn ngào, nhai cái tấm một lúc. “Chớ nói với tôi rằng cô ấy đã không hạnh phúc!” ông ta nói, đầy thách thức. “Cả nhà tôi cưng chiều cô ấy. Cô ấy không phải động một ngón tay, trừ núc ăn miếng bánh. Trừ núc chải đầu hay ra ngoài để mua các loại tạp chí. Chúng tôi phải trả cả trăm đô la để rước đồng tạp chí đó về nhà. Nếu cậu hỏi tôi, thì chuyện từ đấy mà ra. Ngắm những bức hình phô trương. Đọc các thứ mơ mộng. Cái đó làm cô ấy bắt đầu bước xuống đường. Mỗi ngày cô ấy đi xa hơn một chút: một dặm, rồi về nhà. Hai dặm, rồi về nhà. Một hôm cô ấy cứ thế đi luôn.” Ông ta lấy tay bưng mắt lần nữa; hơi thở nặng nhọc. “Con quạ mà tôi tặng cô ấy cũng hóa dại và bay đi. Có thể nghe tiếng nó suốt mùa hè. Trong sân. Ngoài vườn. Trong rừng. Cả mùa hè con chim đáng nguyên rủa đó cứ gọi: Lulamae, Lulamae.”

Ông ta cứ gập người xuống và im lặng, như thể lắng nghe tiếng vọng từ mùa hè xa xưa. Tôi đến quầy thu ngân trả tiền cho cả hai. Trong khi tôi trả tiền, ông ta theo tôi. Chúng tôi cùng rời đi, bước đến Đại lộ Park. Đây là một buổi tối lạnh, lộng gió; những tấm bạt che sang trọng rung lạch phạch trong cơn gió. Sự

im lặng giữa chúng tôi kéo dài đến khi tôi hỏi: “Nhưng còn anh cô ấy? Cậu ta không bỏ đi chứ?”

“Không, cậu ạ,” ông ta đáp, hắng giọng. “Fred còn ở với chúng tôi đến tận khi người ta bắt nó nhập ngũ. Thằng bé cừ lắm. Giỏi về ngựa. Nó không hiểu điều gì xảy đến với Lulamae, làm sao mà cô ấy có thể bỏ anh mình, bỏ chồng và nữ trẻ. Dù sao thì sau khi đã nhập ngũ, Fred bắt đầu nghe tin về cô ấy. Một hôm nó cho tôi địa chỉ cô ấy. Thế là tôi đến đón cô ấy. Tôi biết cô ấy ân hận vì những gì đã làm. Tôi biết cô ấy muốn về nhà.” Ông ta gần như đòi hỏi tôi đồng ý với mình. Tôi bảo ông ta rằng tôi nghĩ ông ta sẽ thấy Holly, hay là Lulamae, thay đổi đôi chút. “Nghe này, con trai,” ông ta nói khi chúng tôi đi đến cầu thang khu nhà đá nâu, “tôi bảo với cậu tôi cần một người bạn. Vì tôi không muốn làm cô ấy ngạc nhiên. Không làm cô ấy sợ. Vì thế mà tôi giữ khoảng cách. Hãy giúp tôi: cho cô ấy biết tôi đang ở đây.”

Ý tưởng giới thiệu Bà Nhẹ Dạ với chồng bà có phần làm tôi há hê; và liếc nhìn lên những ô cửa sổ sáng đèn của Holly, tôi hi vọng bạn bè cô có ở đấy, vì viễn cảnh nhìn ống Texas này bắt tay Mag, Rusty và José thậm chí còn há dạ hơn. Nhưng cặp mắt tha thiết, đầy tự trọng và chiếc mũ loang vệt mồ hôi của Doc Nhẹ Dạ làm tôi phát ngượng vì những tiên đoán đó. Ông ta theo tôi vào tòa nhà và định đợi ở chân cầu thang. “Trông tôi có ổn không?” ông ta thì thầm, phúi phúi ống tay áo, thắt lại nút cà vạt.

Holly đang ở một mình. Cô mở cửa ngay lập tức; thật ra, cô chuẩn bị đi - giày khiêu vũ satin trắng và mùi nước hoa sực nức loan báo ý định hội hè. “Chà, đồ ngốc” cô nói, nghịch ngợm lấy ví tát tôi. “Em quá vội để làm lạnh bây giờ. Ngày mai mình sẽ nói chuyện tử tế, được chứ?”

“Chắc chắn rồi, Lulamae. Nếu cô còn ở đây ngày mai.”

Cô tháo cặp kính râm ra, nhắm mắt nhìn tôi. Đôi mắt cô như thể lăng kính vỡ, những chấm xanh lơ, xám và xanh lục như những mảnh sáng vỡ ra lấp lánh. “Anh ấy kể với anh ư,” cô nói khẽ, giọng run run. “Ôi, xin anh. Anh ấy đang ở đâu?” Cô chạy vọt qua tôi ra sảnh. “Fred!” cô gọi vọng xuống thang. “Fred! Anh ở đâu, anh yêu quý?”

Tôi có thể nghe thấy bước chân của Doc Nhẹ Dạ lên cầu thang. Đầu ông ta nhô lên trên lan can và Holly giật lùi lại khỏi ông ta, không phải vì sợ, mà như thể cô co vào trong cái vỏ thất vọng. Rồi ông ta đến trước mặt cô, co rúm, ngượng ngập. “Ngạc nhiên chưa, Lulamae” ông ta bắt đầu, ngần ngừ vì Holly đang nhìn chăm chăm vào ông ta một cách thờ ơ, như thể cô không nhớ nổi ông ta. “Thế, cưng ơi” ông ta hỏi, “ở đây người ta không cho em ăn no à? Em gầy quá. Giống như lần đầu anh gặp em. Mắt em đầy hoang dại.”

Holly sờ mặt ông ta; ngón tay cô kiểm tra cái cằm, bộ râu lởm chởm ông ta có thật không. “Hê lô, Doc” cô vui vẻ nhắc lại, trong khi ông ta nhắc bóng cô lên trong cái ôm xiết đến gây xương sườn. Những tiếng reo cười nhẹ nhõm làm ông ta run lên. “Ngạc nhiên chưa, Lulamae. Thiên đường chưa.”

Chẳng ai để ý đến tôi khi tôi len qua họ và đi lên phòng mình. Họ cũng không thèm đếm xỉa đến bà Sapphia Spanella đang mở cửa, gào lên: “Im đi! Thật trơ trẽn. Các người đi nơi khác mà đánh đi nhé!”

“Li dị anh ấy ư? Em sẽ không bao giờ li dị anh ấy. Chúa ơi, lúc đó em mới mười bốn. Nó không thể hợp pháp được.” Holly gõ gõ cái ly martini không. “Hai ly nữa, anh Bell yêu quý.”

Joe Bell, chúng tôi đang ngồi ở bar của anh ta, nghe gọi rượu một cách lưỡng lự. “Các bạn xin hơi sớm đây” anh ta vừa phàn nàn vừa nhai kẹo Tum. Theo cái đồng hồ gỗ gụ màu đen sau quầy bar, giờ vẫn chưa tới buổi chiều, mà anh ta đã rót cho chúng tôi ba tuần rượu rồi.

“Nhưng hôm nay là Chủ nhật, ngài Bell ạ. Đồng hồ luôn chạy chậm vào Chủ nhật. Ngoài ra, em vẫn còn chưa lên giường mà,” cô bảo anh ta, và nói riêng với tôi “Không phải để ngủ.” Cô đỏ mặt lên, nhìn đi chỗ khác đầy tội lỗi. Lần đầu tiên từ khi tôi biết cô, cô có vẻ có nhu cầu tự thanh minh: “Chà, em phải thế. Doc yêu em thật lòng, anh biết đấy. Và em yêu anh ấy. Anh có thể thấy anh ấy già và xơ xác. Nhưng anh không biết sự dục dăng của anh ấy, sự tin cậy mà anh ấy dành cho lũ chim, trẻ con hư và những thứ mong manh như thế. Ai mà tin cậy mình thì mình nợ người ta rất nhiều. Em luôn luôn nhớ cầu nguyện cho cả Doc. Anh đừng cười mỉa thế nữa!” cô đề nghị, dứ dứ điều thuốc. “Em có cầu nguyện.”

“Tôi không cười mỉa. Tôi chỉ cười. Cô là người kỳ lạ nhất đấy.”

“Em chắc là thế thật,” cô đáp, và gương mặt cô, xanh xao, hơi tím tái trong ánh bình minh, chợt sáng lên; Cô vuốt mái tóc xù, các màu sắc của nó nhấp nháy lên như quảng cáo dầu gội đầu. “Trông em chắc tởm

lắm nhĩ. Nhưng mà ai không thể chứ? Suốt cả đêm bọn em lang thang ở bến xe khách. Đến tận phút cuối cùng Doc còn nghĩ em sẽ đi với anh ấy. Thậm chí cả khi em nói đi nói lại với anh ấy: Nhưng mà, Doc, em không còn mười bốn tuổi nữa, và em không phải là Lulamae. Nhưng điều kinh khủng là (em nhận ra nó khi bọn em đứng ở đấy) em chính là Lulamae. Em vẫn còn ăn trộm trứng gà tây và chạy qua đám tầm xuân. Chỉ khác là bây giờ em gọi đó là báo động đỏ.”

Joe Bell lừ lừ đặt ly martini mới trước mặt chúng tôi.

“Đừng bao giờ yêu cái gì hoang dại, anh Bell ạ” Holly khuyên anh ta. “Đấy là sai lầm của Doc. Anh ấy cứ tha các thứ hoang dã về nhà. Một con chim ưng bị thương ở cánh. Một lần thì là con linh miêu đã trưởng thành, bị gãy chân. Nhưng không thể dành trọn trái tim cho bọn thú hoang được: anh càng làm thế, nó càng mạnh mẽ hơn. Đến khi nó đủ mạnh để quay về rừng. Hoặc bay lên cây. Rồi cây cao hơn nữa. Anh sẽ đi đến kết cục như thế đấy, anh Bell ạ. Nếu anh để mình yêu cái giống hoang dã. Anh sẽ đi tới chỗ chỉ còn biết ngửa mặt trông trời.”

“Cô ấy say rồi.” Joe Bell thông báo với tôi.

“Cũng hơi hơi,” Holly thú nhận. “Nhưng Doc biết em nói gì. Em đã giải thích với anh ấy rất cẩn thận, và anh ấy có thể hiểu được điều ấy. Bọn em bắt tay và ôm nhau, rồi anh ấy chúc em may mắn.” Cô liếc nhìn đồng hồ. “Giờ này chắc anh ấy đã ở Núi Xanh rồi.”

“Cô ấy đang nói về chuyện gì thế?” Joe Bell hỏi tôi.

Holly nâng ly martini của mình lên. “Nào, mình cùng chúc Doc cũng may mắn,” cô nói, cụng ly với tôi. “May mắn: và tin em đi, Doc thân yêu - nhìn lên trời thì hay hơn là lên sống trên đó. Một nơi rộng không, quá hư vô. Chỉ là miền sấm sét xẹt qua và mọi thứ biến mất.”

TRAWLER KẾT HÔN LẦN THỨ TƯ. Tôi nhìn thấy tiêu đề ấy trong lúc ngồi xe điện ngầm ở đầu đó khu Brooklyn. Tờ báo đăng tin này là của một hành khách khác. Tôi có thể đọc một phần viết: Rutherford hay “Rusty” Trawler, chàng triệu phú ăn chơi, bị xem là thuộc phe ủng hộ Đảng Quốc Xã, hôm qua đã trốn đến Greenwich với người đẹp... Tôi không muốn đọc tiếp nữa. Holly đã cưới ông ta: chà, chà. Tôi đã ước mình nằm dưới bánh tàu cho rồi. Nhưng đấy là mong muốn trước cả khi tôi liếc thấy cái tựa bài. Vì đủ thứ lí do. Tôi không gặp Holly từ hôm Chủ nhật say với nhau ở bar của Joe Bell. Mấy tuần sau đó chính tôi cũng gặp báo động đỏ. Đầu tiên là tôi bị đuổi việc: cũng đáng đời, vì một tội mà nó quá phức tạp để kể ra ở đây. Thêm vào đó, đăng ký nghĩa vụ quân sự của tôi có nguy cơ bị để ỷ; tôi vừa thoát điều động ở tỉnh lẻ, ý nghĩ mình lại rơi vào một đời sống kỷ luật tương tự như thế làm tôi tuyệt vọng. Trong tình thế chưa chắc chắn về chuyện nhập ngũ của tôi và vì thiếu kinh nghiệm chuyên môn, tôi gần như không thể tìm được việc khác. Trên chuyến xe điện ngầm ở Brooklyn là tôi đang trở về từ một cuộc phỏng vấn thật nản lòng với biên tập viên tờ PM, tờ báo nay không còn tồn tại nữa. Tất cả những điều này, cộng với cái nóng trong thành phố mùa hè dìm tôi vào một trạng thái trầm cảm. Cho nên tôi cũng không cường điệu bao nhiêu khi ước mình nằm dưới bánh tàu. Cái tựa bài báo chỉ làm mong muốn đó thêm mạnh mẽ thôi. Nếu Holly có thể lấy được cái gã “em chả” ngớ ngẩn ấy thì các thể lực bắt công lan tràn trên thế giới này có thể cũng cuốn tôi đi. Hoặc, câu hỏi hiện ra rành rành, sự tổn thương của tôi một phần cũng do tôi đã yêu Holly? Một chút? Vì tôi đã yêu cô thật. Như thể tôi đã từng yêu bà đầu bếp già người da màu của mẹ tôi, yêu bác đưa thư đã cho tôi theo bác đi một vòng và một gia đình cả nhà tên là McKendrick. Tình yêu kiểu như thế cũng có ghen tuông.

Khi xuống bến, tôi mua một tờ báo; và đọc phần cuối cái câu đó, tôi phát hiện ra cô dâu của Rusty là: cô gái xinh đẹp trên bìa là Cô Margaret Thatcher Fitzhugh Rừng Hoang, đến từ cao nguyên Arkansas. Mag! Chân tôi nhũn ra vì dễ chịu đến nỗi tôi phải gọi taxi đi tiếp về nhà.

Bà Sapphia spanella gặp tôi ở sảnh, mắt trợn ngược, tay xoắn vào nhau. “Chạy đi,” bà ta nói. “Gọi cảnh sát. Cô ta đang giết ai đó! Hoặc ai đó giết cô ta!”

Nghe có vẻ như thế. Như thể trong căn hộ của Holly có một bầy cọp xổng chuồng. Tiếng kính vỡ tan, đồ đạc bị nứt toác, đổ nhào, lộn tung phèo. Nhưng trong âm thanh náo động đó không có tiếng cãi cọ) càng khiến chuyện có vẻ kỳ quặc hơn. “Chạy đi,” bà Spanella rít lên, đẩy tôi. “Báo cảnh sát có án mạng.”

Tôi chạy; nhưng là lên gác đến cửa phòng Holly. Nện lên đó có kết quả là: tiếng ồn lắng xuống. Tất cả dừng

hắn lại. Nhưng khi tôi năn nỉ đòi vào thì không có ai trả lời, mọi cố gắng phá cửa chỉ làm vai tôi bầm tím. Rồi phía dưới, tôi nghe bà Spanella đề nghị ai đó mới tới đi gọi cảnh sát. “Im mồm đi,” người đó bảo bà, “và tránh đường ra cho tôi.”

Đó là Jose Ybarra-Jaegar. Trông chẳng giống một nhà ngoại giao Brazil lịch lãm chút nào, mà nhể nhại mồ hôi và hoảng sợ. Anh ta cũng ra lệnh cho tôi tránh ra. Và dùng chìa khóa của mình để mở cửa. “Mời vào, Bác sĩ Goldman,” anh ta nói với người đi cùng mình.

Vì chẳng ai ngăn nên tôi cũng theo họ vào căn phòng bị tàn phá tan hoang. Cuối cùng thì cái cây Nô-en cũng bị triệt hạ, theo nghĩa đen: những cành khô nâu xỉn của nó nằm ngổn ngang giữa đồng lộn xộn những sách vở bị xé toí tả, bóng đèn và các đĩa nhạc vỡ. Thậm chí cả thùng đá cũng rỗng không, các thứ trong đó quăng bừa khắp phòng: trứng sống chảy rờn rờn trên tường, và giữa đồng đổ nát, con mèo của Holly đang điềm nhiên liếm một vũng sữa.

Trong phòng ngủ, mùi của các chai nước hoa vỡ khiến tôi ngạt thở. Tôi dẫm lên cái kính râm của Holly, nó nằm trên sàn nhà, đôi mắt kính đã vỡ nát, cái gọng bị gãy làm đôi.

Chắc vì thế nên Holly, cái hình người thẳng đơ trên giường, gương mặt nhìn José như mù dử, có vẻ cũng không thấy cả viên bác sĩ đang xem mạch cho cô và nhỏ nhẹ: “Cô bé mệt quá đây mà. Rất mệt. Em buồn ngủ phải không? Ngủ.”

Holly gãi trán, để lại một vết máu từ ngón tay bị đứt. “Ngủ,” cô nói và rên rỉ như một đứa trẻ đang quấy vì kiệt sức. “Chỉ có anh ấy mới chiều em như thế. Cho em ôm anh ấy trong những đêm lạnh nào. Em thấy một nơi ở Mexico. Có nhiều ngựa. Bên bờ biển.”

“Có nhiều ngựa bên bờ biển” bác sĩ vừa ru, vừa lục trong cái cặp đen của mình chiếc kim tiêm.

José ngoảnh mặt đi, nôn nao trước hình ảnh cái mũi kim. “Bệnh của cô ấy là buồn thôi chứ gì?” anh ta hỏi, tiếng Anh khó nghe của anh ta khiến câu hỏi vô tình có vẻ hơi châm biếm. “Vì buồn thôi chứ gì?”

“Nó không đau tí nào chứ, hay là có?” viên bác sĩ hỏi, nhẹ nhàng xoa mấu bông lên cánh tay Holly.

Cô bắt đầu chú ý hơn đến viên bác sĩ.

“Cái gì cũng đau. Kính của em đâu?” Nhưng cô chẳng cần kính. Mắt cô đã tự động nhắm lại.

“Cô ấy chỉ buồn thôi chứ gì?” José khẳng khái hỏi.

“Xin mời ông ra cho” viên bác sĩ có vẻ hơi cộc cằn với anh ta, “để tôi được một mình với bệnh nhân.”

7. Chương 7

BỮA SÁNG Ở TIFFANY'S (tt)

José rút ra phòng ngoài, nơi anh ta trút giận lên bà Spanella đang đứng đó len lén rình mò. “Đừng có đụng vào tôi! Tôi sẽ kêu cảnh sát,” bà ta đe dọa khi anh ta đuổi bà ra cửa với những câu rủa tiếng Bồ Đào Nha.

Anh ta cũng định quăng cả tôi ra, hoặc là tôi đoán thế qua thái độ của anh ta. Nhưng thay vào đó, anh ta mời tôi uống một ly. Chai rượu lạnh lặn duy nhất mà chúng tôi tìm thấy là thứ vecmut nguyên chất. “Tôi có một cái lo,” anh ta thổ lộ. “Tôi có cái lo là việc này có thể gây scandal. Cô ấy đập vỡ mọi thứ. Cư xử như một người điên. Tôi phải không được có scandal công cộng. Nó quá nhạy cảm: tên của tôi, công việc của tôi.”

Anh ta có vẻ vui lên khi nghe tôi bảo không có lí do gì để gây “scandal” cả; phá phách tài sản cá nhân của mình, tôi đoán, là một vấn đề riêng tư.

“Vấn đề là vì buồn đấy mà,” anh ta tuyên bố chắc nịch. “Khi tin buồn tới, đầu tiên là cô ấy quăng đồ mình đang uống đi. Cả chai. Những quyển sách. Một cái đèn. Thế là tôi sợ. Tôi vội đưa bác sĩ đến”

“Nhưng tại sao chứ?” tôi muốn biết. “Tại sao cô ấy lại nổi tam bành lên với Rusty chứ? Nếu là cô ấy thì tôi đã ăn mừng.”

“Rusty ư?”

Tôi vẫn mang theo tờ báo và chia cho anh ta cái tựa bài.

“Ồ, cái đó.” Anh ta ngoác miệng cười khinh bỉ. “Họ làm chúng tôi mừng quá thì có, Rusty và Mag. Chúng tôi cười vào chuyện đó: sao họ lại nghĩ là sẽ làm tim chúng tôi tan nát, khi chúng tôi luôn luôn muốn họ biến đi. Tôi cam đoan với anh là chúng tôi đang cười khi tin buồn đó tới.” Mắt anh ta tìm kiếm trong đồng rác trên sàn; anh ta nhặt lên một mẩu giấy màu vàng. “Cái này” anh ta nói.

Đây là một bức điện tín từ Tulip, Texas: Nhận giấy báo Fred tử trận ở nước ngoài chấm chồng và các con em chia nỗi buồn chung này chấm hết thư yêu em Doc.

Holly không bao giờ nhắc đến anh mình nữa: trừ một lần. Hơn nữa, cô cũng thôi không gọi tôi là Fred. Tháng Sáu, tháng Bảy, suốt những tháng ảm áp đó cô nấu mình như con thú ngủ đông không biết mùa xuân đã đến rồi đi. Tóc cô sẫm lại, người mập ra. Cô ăn mặc cũng cầu thả hơn: có lần cô chạy vòng vòng ở tiệm bán đồ nguội chỉ mặc độc chiếc áo mưa, bên trong trần như nhộng. José đã dọn vào căn hộ, tên anh ta thay thế Mag Rừng Hoang ở hòm thư. Nhưng Holly vẫn có nhiều thời gian một mình, vì José ở Washington ba ngày một tuần. Khi anh ta vắng nhà, cô không tiếp đãi ai hết và hiếm khi rời khỏi phòng - trừ ngày thứ Năm hàng tuần khi cô đến Ossining.

Thế không có nghĩa là cô đã mất hứng thú với cuộc sống; trái lại là khác; cô có vẻ trở nên bằng lòng hơn, và hoàn toàn hạnh phúc hơn bao giờ, kể từ khi tôi quen cô. Một sở thích bất ngờ, không Holly chút nào, về trang trí nhà cửa dẫn đến những mua sắm cũng không giống Holly: trong buổi đầu giá ở Parke-Bernet, cô kiếm được một tấm thảm thêu cảnh cuộc đi săn dồn hươu đến đường cùng ở điền trang William Randolph Hearst, một đôi ghế bành kiểu Gothic trông u ám; cô mua trọn bộ sách Văn học Hiện đại, hàng ngăn đĩa nhạc cổ điển, vô số phiên bản của bảo tàng Metropolitan (gồm cả một cái tượng đầu mèo Trung Hoa mà con mèo của cô rất ghét, cứ rít lên dọa dẫm và cuối cùng cũng bị vỡ), một máy đánh trứng hiệu Waring, một cái nồi áp suất và cả thư viện sách nấu ăn. Cô dành cả những buổi chiều vào việc nội trợ, hì hụi đầm mồ hôi ở căn bếp bé tí như cái hộp của mình: “José bảo em còn giỏi hơn cả dân Thuộc địa. Thật đấy, ai mà tưởng tượng được em có năng khiếu tự nhiên tuyệt như thế? Một tháng trước em còn không tráng được trứng.” Và giờ cô cũng chưa tráng trứng được. Những món đơn giản như bít tết, một đĩa salad đúng kiểu, không nằm trong phạm vi của cô. Thay vào đó, cô nhồi nhét cho José, và đôi khi cả tôi nữa, những món súp kỳ quái (rùa đen ướp rượu Brandy dọn trong vỏ trái bơ), các món mới vương giả kiểu Ý (gà lôi quay nhồi lựu và hồng giòn) và những cách tân rất đáng ngờ (gà và cơm nghệ rưới nước sốt sôcôla: “Một món kinh điển của Đông Ấn, anh yêu”). Sự khan hiếm đường và kem trong chiến tranh đã hạn chế bít trí tưởng tượng của cô khi làm các món ngọt - tuy nhiên, một lần cô vẫn chế ra được một thứ gọi là: Bánh Sắn Thuốc Lá: tốt nhất là đừng tả nó ra.

Khỏi cần tả những cố gắng của cô để học tiếng Bồ, một thử thách chán ngắt cả với tôi và cô, vì mỗi lần đến thăm cô, chiếc máy hát cứ tua không ngừng nguyên album đĩa của Linguaphone. Giờ thì hiếm khi cô nói một câu mà không bắt đầu bằng “Sau khi bọn em cưới-” hoặc “Khi nào bọn em chuyển đến Rio-” mặc dù José chưa bao giờ đề nghị cưới xin cả. Cô thừa nhận như thế. “Nhưng, cuối cùng thì anh ấy biết là em có bầu. Vâng, em đang có đấy, anh yêu. Đã sáu tuần rồi. Em không biết tại sao anh lại ngạc nhiên vì chuyện đó. Em thì không. Không một tí tẹo nào. Em mừng lắm. Em muốn có ít nhất là chín đứa. Em chắc một đứa sẽ có màu da sẫm - José hơi lai da màu mà, chắc anh cũng đoán thế phải không? Em thấy chẳng sao cả: có gì xinh hơn một bé da đen với cặp mắt đẹp màu xanh biếc không? Em ước gì, anh đừng cười em đấy, nhưng em ước em còn trinh trắng cho anh ấy, José ấy. Không phải em bị chạm nọc vì những gì người ta nói đâu: em không trách lũ ngu ngốc bàn tán chuyện đó, em luôn để ngoài tai như trò đùa ấy mà. Thật đấy, một đêm em đã tổng kết rồi, em chỉ có mười một người tình - không tính những thứ đã xảy ra trước khi em mười ba tuổi, bởi vì, rốt cuộc thì nó không đáng kể. Mười một. Nó có làm em thành một con đi không? Nhìn Mag Rừng Hoang mà xem. Hay Honey Tucker. Hay Rose Ellen Ward. Nếu mỗi anh tính là một cái vỗ tay thôi thì họ có cả tràng pháo tay rồi ấy chứ. Tất nhiên em chẳng có gì phản đối gái điếm cả. Trừ một điểm: vài người trong số họ có thể nói thật, nhưng tất cả bọn họ đều mang trái tim lừa dối. Ý em là không thể hạ gục một anh chàng, lấy tiền của người ta mà không ít nhất là cố gắng tin rằng mình yêu

anh ta. Em không bao giờ như thế. Ngay cả với Benny Shacklett và cả cái đám dơi chuột đó. Em gần như tự thôi miên để nghĩ là chính sự đê tiện của họ cũng có sức quyến rũ. Thực ra, trừ Doc ra, nếu anh muốn tính cả Doc, José là mối tình đầu không-dơi-chuột của em. Ô, anh ấy không phải là cái kết hoàn hảo theo ý em. Anh ấy cũng nói dối tí ti, anh ấy cứ lo lắng mọi người nghĩ gì, và anh ấy tám năm mười lần một ngày: người phải bốc mùi gì thì mới thể chứ. Anh ấy quá đạo mạo, quá cẩn trọng để thành người đàn ông lí tưởng của em; anh ấy luôn quay lưng lại khi cởi đồ và gây quá nhiều tiếng ồn lúc ăn, em cũng không thích nhìn anh ấy chạy vì lúc đấy trông anh ấy có cái gì tức cười lắm. Nếu em được tự do chọn lựa bất kỳ ai còn sống, chỉ việc búng ngón tay và gọi đến đây đi anh, thì em sẽ không chọn José đâu. Nehru[12] gần đạt tiêu chuẩn. Wendell Willkie[13]. Garbo nữa, em sẽ ở với cô ấy bất kỳ ngày nào[14] Tại sao lại không chứ? Đã là người thì phải được cười đàn ông hay phụ nữ hoặc - nghe này, nếu anh đến nói với em là anh muốn lấy Man O' War[15] thì em vẫn tôn trọng tình cảm của anh. Không, em nghiêm túc đấy. Tình yêu phải được công nhận. Em hoàn toàn ủng hộ nó. Vì em yêu José - em sẽ bỏ thuốc lá nếu anh ấy bảo em thôi. Anh ấy thân thiện, anh ấy có thể làm em cười quên cả báo động đỏ, em không hay bị thể nữa, chỉ thỉnh thoảng thôi, và nó cũng chẳng ghê gớm đến mức em phải nốc Seconal hay chạy bỏ đến tiệm Tiffany's nữa: em mang bộ vest của anh ấy ra tiệm giặt là, hay nhồi một ít nắm, thế là em thấy ổn, thật tuyệt. Và còn điều này nữa, em đã quảng cả mớ lá số tử vi của mình đi rồi. Chắc em đã phải tiêu một đô cho mỗi ngôi sao trong cả cung thiên văn quái quỷ đó. Nó thật nhảm chán, nhưng câu trả lời là điều tốt lành chỉ xảy đến với ta khi ta tốt. Tốt ư? Ý em định nói là trung thực. Không phải trung thực theo kiểu hợp pháp đâu - em sẽ cướp một ngôi mộ, đánh cắp hai đồng tử của người chết nếu em nghĩ nó có thể đem lại niềm vui cho hôm nay - mà là kiểu trung thực với chính mình. Em sẽ là bất cứ cái gì chứ không phải một đứa hèn nhát, giả tạo, kẻ lừa tình, con đĩ: em thà bị ung thư còn hơn có một trái tim giả dối. Không phải đạo đức giả đâu. Chỉ là thực tế thôi. Ung thư chỉ có thể làm anh đi đời, nhưng những thứ kia thì chắc chắn đấy. Ôi, kẹ cha nó, anh yêu - đưa em cái đàn guitar, em sẽ hát cho anh bài fado[16] bằng tiếng Bồ cực chuẩn."

[12] Nehru: thủ tướng đầu tiên (và lâu nhất) của Ấn Độ từ khi nước này giành độc lập năm 1947.

[13] Wendell Willkie (1892-1944): luật sư nổi tiếng của Mỹ, người theo chủ nghĩa Quốc tế, Đảng Tự Do.

[14] Greta Garbo (1905-1990): nữ diễn viên huyền thoại gốc Thụy Điển, được cho là người lưỡng tính luyến ái.

[15] Man O' War (1917-1947): tay đua ngựa lỗi lạc nhất ở Mỹ sau Thế chiến thứ nhất.

[16] Fado: Số phận - bài dân ca Bồ Đào Nha, đượm nỗi u sầu, nhớ quê hương.

Những tuần cuối cùng đó, khoảng cuối mùa hè chuyển sang thu, cứ mờ ảo trong ký ức, có lẽ vì chúng tôi đã tâm đầu ý hợp đến độ hai người có thể trao đổi với nhau bằng im lặng tốt hơn là dùng lời: một sự im lặng đầy xúc động thay vì căng thẳng, huyền thoại không ngớt, nặn ra chuyện mà nói để rồi sinh ra một thứ tình bạn đầy phô trương, phù phiếm với những khoảng khắc kịch tính. Thường thì, khi anh ta đi xa (tôi đã đi tới chỗ ghét anh ta đến mức hiếm khi dùng tên), chúng tôi ở bên nhau suốt các buổi tối mà chỉ trao đổi chưa tới một trăm từ; một lần, chúng tôi đi bộ đến tận khu phố Tàu, chén đĩa mì xào đại tướng, mua vài cái đèn lồng và ăn trộm một hộp nhang, rồi la cà băng qua cầu Brooklyn, và trên cầu, nhìn những con tàu hướng về đại dương, băng qua những vách đá in bóng lên chân trời cháy đỏ, cô nói: "Nhiều năm sau, rất rất nhiều năm, một trong những con tàu này sẽ đưa em trở lại, em với chín đứa nhóc Brazil của em. Vì, phải rồi, chúng phải nhìn thấy cảnh này, những ngọn đèn này, dòng sông - em yêu New York, dù nó không phải của em, cái cách mà mọi thứ ở đây, cái cây, con phố, một ngôi nhà hay cái gì đó, đều ăn ý với em vì em thuộc về nó". Và tôi đáp "Im đi nào" ầm ục vì bị bỏ rơi - như một cái tàu kéo ở vùng nước cạn, trong khi cô, người lữ hành rực rỡ xuống bến cảng để đi đến những miền an lạc, trong tiếng huýt sáo và confetti bay đầy trời.

Và như thế, ngày tháng, những ngày cuối cùng, như những chiếc lá thu sương khói bay đi khỏi miền ký ức: cho đến một hôm không giống như bất kỳ ngày nào khác mà tôi từng sống.

Nó xảy ra đúng vào 30 tháng Chín, sinh nhật tôi, một thực tế chẳng ảnh hưởng gì đến vụ việc, ngoại trừ cái là tôi nóng lòng chờ đợi phát thư buổi sáng, mong nhận được quà sinh nhật dưới dạng tiền của gia đình. Quả thực, tôi đã xuống cầu thang và đợi bác đưa thư. Nếu tôi không lảng vảng ở tiền sảnh thì chắc Holly đã không rủ tôi đi cưới ngựa, và cũng chẳng có dịp để cứu mạng tôi.

“Thôi nào” cô nói khi thấy tôi ngong ngóng bác đưa thư. “Mình dẫn vài con ngựa đi vòng công viên đi.” Cô mặc một cái áo gió, quần jeans màu xanh và đi giày tennis; cô đập tay lên bụng, làm người ta phải chú ý đến sự phồng phiu của nó: “Đừng tưởng em ra ngoài để giảm eo. Nhưng có một cô ngựa - Mabel Minerva già thân yêu của em - em không thể ra đi mà không tạm biệt Mabel Minerva.”

Tạm biệt á?

“Một tuần nữa, tính từ thứ Bảy. José đã mua vé rồi.”

Thần thờ, tôi để cô kéo mình xuống phố. “Bọn em đổi máy bay ở Miami. Rồi băng qua biển. Băng qua Andes[17]. Taxi!”

[17] Andes: rặng núi dài nhất thế giới ở Nam Mỹ.

Bay qua Andes. Khi ngồi trên taxi băng qua Công viên Trung Tâm, tôi cảm thấy hình như mình cũng đang bay, trôi nổi chán chường trên lãnh thổ hiểm nguy, nhọn hoắt phủ đầy tuyết lạnh.

“Nhưng em không thể. Sau tất cả, thế còn... Hừ, thế còn... Chà, em không thể lặn mất tăm và bỏ lại tất cả mọi người được.”

“Em chắc chẳng ai thèm nhớ em đâu. Em không có bạn.”

“Anh sẽ nhớ em. Joe Bell cũng thế. Và ồ - cả triệu người. Như Sally. Ông Cà Chua tội nghiệp.”

“Em yêu anh Sally già ấy” cô đáp, và thở dài. “Anh biết không, em không gặp anh ấy cả tháng nay rồi. Khi em bảo anh ấy là em sẽ đi xa, anh ấy là một thiên thần. Thực ra” - cô thần thờ - “anh ấy có vẻ vui mừng vì em rời khỏi đất nước này. Anh ấy nói thế là tốt nhất. Vì chẳng sớm thì muộn cũng sẽ có rắc rối. Nếu họ phát hiện ra em không phải là cháu thật của anh ấy. Ông luật sư béo mập, O’Shaughnessy, O’Shaughnessy chuyển cho em năm trăm đô. Tiền mặt. Đây là quà cưới của Sally”

Tôi muốn tỏ ra tàn nhẫn. “Em cũng có thể nhận được quà cưới của anh đấy. Khi nào, và nếu, đám cưới diễn ra.”

Cô cười phá lên. “Anh ấy sẽ cưới em, được rồi. Ở nhà thờ nhé. Và với cả gia đình anh ấy ở đó. Vì thế mà bọn em đợi đến khi nào bọn em tới Rio.”

“Anh ấy có biết là em đã lấy chồng chưa?”

“Anh làm sao thế? Có phải anh đang cố tình hủy hoại ngày đó không? Đây là một ngày tươi đẹp: để nó yên!”

“Nhưng hoàn toàn có thể...”

“Chẳng có thể gì hết. Em đã nói với anh rồi, nó không hợp pháp. Nó không thể tính được.” Cô day day mũi, và liếc xéo sang tôi. “Anh yêu, nếu anh hé răng với bất kỳ ai chuyện đó, em sẽ treo ngược anh lên và lột da sống đấy.”

Cái chuồng ngựa - tôi chắc bây giờ được thế chỗ bởi xưởng phim truyền hình - nằm trên phố 66 Tây. Holly chọn cho tôi một con ngựa cái già, lưng võng xuống, lông trắng đen. “Đừng lo. Nó còn an toàn hơn năm nôi nữa.” Đây là sự trấn an cần thiết vì kinh nghiệm cưỡi ngựa đáng kể nhất của tôi là những lần mất mười xu để nhong nhong trên lưng ngựa con trong lễ hội của bọn nhóc tì. Holly kéo tôi lên yên, rồi trèo lên con ngựa lông ánh bạc của mình, nó dẫn trước khi chúng tôi cùng thả bước xuyên qua đám đông ở góc Tây Công viên Trung Tâm, đi vào con đường ven rừng lác đác những chiếc lá gió tạt phiêu bồng đây đó.

“Anh thấy chưa?” cô kêu lên. “Tuyệt cú mèo!”

Và đột nhiên, nó đúng là như thế. Đột nhiên, ngấm màu tóc đa sắc của Holly rực lên trong ánh sáng màu lá đỏ và vàng, tôi yêu cô đến mức quên cả chính mình, quên đi nỗi tuyệt vọng thương thân, và hiểu rằng cái mà cô cho là hạnh phúc, nó sẽ đến. Rất nhẹ nhàng, lũ ngựa bắt đầu chạy nước kiệu, gió như những đợt sóng ập vào người, phát vào mặt, chúng tôi lao qua ánh mặt trời xen giữa những vũng tối, và niềm hoan lạc vì mình-đang-s ông làm tôi tê dại như uống cả một ngụm nươ lỏng[18]. Đó là một phút trước; và phút sau bắt đầu màn hài kịch dưới hình thức thật tàn nhẫn.

[18] Nitơ lỏng được dùng để làm mát hoặc gây tê khi chữa răng.

Cùng một lúc, như những kẻ man rợ phục kích giữa rừng, một bọn con trai da đen xô ra từ bụi cây ven đường. Hú hét, chửi rủa, chúng ném đá và lấy gậy quật vào mông ngựa.

Con ngựa cái lông đen trắng của tôi chồm hai chân sau, hí ầm ầm, lao đảo như nghệ sĩ xiếc đu dây, rồi phi như gió xuống đường, hất chân tôi tuột khỏi bàn đạp và để tôi bám lưng lẳng ở đấy một cách đáng sợ. Những cái móng của nó gõ lên đá sỏi tóe lửa. Đất trời điên đảo. Cây cối, cái hồ với những chiếc thuyền buồm trẻ con, các pho tượng trời vùn vụt. Mấy cô giữ trẻ chạy bỏ đến cứu bọn trẻ tránh đường chúng tôi điên cuồng đâm thẳng tới; đàn ông, mấy kẻ vô công rồi nghề và những người khác gào lên: “Tóm lấy dây cương!” và “Ôi, cậu kia, ôi!” và “Nhảy đi!”. Chỉ sau này tôi mới nhớ ra những giọng nói kia; lúc đấy tôi chỉ ý thức về Holly, âm thanh cao bồi của cô chạy đuổi phía sau tôi, không bao giờ bắt kịp, nhưng hết lần này tới lần khác gào lên động viên. Chúng tôi băng qua công viên, ra Đại lộ Năm: phóng điên cuồng giữa dòng giao thông buổi chiều, taxi, xe bus rú còi đổi hướng náo loạn. Qua lâu đài Công Tước, bảo tàng Frick, qua khách sạn Pierre và trung tâm mua sắm. Holly gần bắt kịp; có thêm một viên cảnh sát cười ngựa vào cuộc: mỗi người một bên, từ bên sườn con ngựa cái đang bỏ chạy của tôi, ngựa của họ chuyển động đan chéo nhau chặn đầu, buộc nó dừng lại đầm mồ hôi. Lúc đó, rốt cuộc tôi cũng ngã khỏi lưng ngựa. Ngã xuống, tự bò dậy và đứng đó, lơ mơ không rõ mình đang ở đâu. Đám đông xúm lại. Viên cảnh sát nạt nộ và ghi chép vào cuốn sổ: ngay sau đó, anh ta tỏ vẻ thông cảm, cười toe toét và bảo sẽ giúp đưa hai con ngựa của chúng tôi về chuồng.

Holly đưa tôi vào taxi. “Anh yêu. Anh cảm thấy thế nào?”

“Ổn mà.”

“Nhưng mạch của anh không đập tí nào,” cô nói, sờ mó cổ tay tôi.

“Thế thì chắc anh đã chết rồi.”

“Không, đồ ngốc. Nghiêm túc đấy. Nhìn em nào.”

Vấn đề là tôi không thể nhìn cô, nói cách khác, tôi thấy vài Holly, một chùm ba gương mặt đầm mồ hôi và trắng bệch vì lo lắng khiến tôi vừa cảm động, vừa xấu hổ. “Thật đấy. Anh không cảm thấy gì. Chỉ thấy ngượng thôi.”

“Em xin đấy. Anh có chắc không? Nói thật với em đi. Anh suýt chết đấy.”

“Nhưng anh không chết. Và cảm ơn em. ơn em đã cứu mạng anh. Em thật tuyệt vời. Duy nhất. Anh yêu em.”

“Đồ ngốc kinh khủng.” Cô hôn lên má tôi. Rồi xuất hiện một chùm bốn Holly và tôi chết ngất đi.

8. Chương 8

BỮA SÁNG Ở TIFFANY'S (tt)

Tối hôm đó, ảnh của Holly lên trang nhất bản tin chiều của tờ Journal-American và các báo buổi sáng Daily News, và Daily Mirror. Các bài báo chẳng đả động gì đến vụ ngựa chạy trốn hết. Nó là về một vấn đề khác, như các tựa bài tiết lộ: CÔ GÁI ĂN CHƠI ĐÃ BỊ BẮT TRONG SCANDAL MA TÚY (Journal-American), NỮ DIỄN VIÊN BUỒN LẬU MA TÚY BỊ BẮT (Daily News), ĐƯỜNG DÂY MA TÚY BẠI LỘ, CÔ GÁI MÊ HỒN BỊ BẮT GIỮ (Daily Mirror).

Trong số đó, tờ News đăng tám ảnh gây sốc nhất: Holly bước vào trụ sở cảnh sát, bị kèm giữa hai thám tử lực lưỡng, một nam và một nữ. Trong tình cảnh khốn khổ này, thậm chí trang phục của cô (cô vẫn còn mặc bộ đồ cười ngựa, áo gió và quần jeans) cũng gợi lên vẻ đáng điếm: cái kính đen đầy ấn tượng, tóc tai lộn xộn, và một miếng thuốc Picayune cháy dở gắn trên đôi môi rầu rĩ. Đoạn đầu đề viết: Holly Nhẹ Dạ, 20

tuổi, xinh đẹp, ngôi sao điện ảnh đang lên và D.A. người nổi tiếng trong giới hộp đêm, đã bị cáo buộc là những nhân vật quan trọng trong vụ buôn lậu ma túy xuyên quốc gia có liên quan tới Salvatore tức “Sally” Cà Chua. Trong ảnh là thám tử Patrick Connor và Sheilah Fezzonetti (trái và phải) đang dẫn độ cô vào số 67 phố Precinct. Xem tiếp trang 3. Bài báo dài suốt ba cột, đặc biệt có tám ảnh một người đàn ông được gọi là “Cha” Oliver O’Shaughnessy (che mặt bằng cái mũ phớt sùm sụp). Đây là tổng hợp lại những đoạn đáng đọc nhất: Hôm nay, các thành viên của giới hộp đêm sững sờ trước vụ bắt giữ Holly Nhẹ Dạ xinh đẹp, hai mươi tuổi, ngôi sao đang lên của Hollywood, một cô gái nổi tiếng của New York. Cùng lúc đó, vào 2 giờ chiều, cảnh sát đã tóm được Oliver O’ Shaughnessy, 52 tuổi, tại khách sạn Seabordphố 49 Tây, trong khi ông ta ra khỏi nhà hàng Thiên Đường Hamburg trên đại lộ Madison. Cả hai bị công tố viên của quận Frank L. Donovan cáo buộc là những nhân vật quan trọng trong đường dây ma túy xuyên quốc gia mà điều hành là bố già mafia khét tiếng Salvatore “Sally” Cà Chua, hiện đang chịu án 5 năm tại nhà tù Sing Sing vì tội hối lộ chính quyền... O’Shaughnessy, một linh mục đã bỏ áo thầy tu, trong giới tội phạm được biết đến dưới biệt danh khác nhau như “Cha” và “Linh mục”, đã có tiền sử bị bắt giữ nhiều lần tính từ năm 1934, khi ông ta có hai năm điều hành Tu Viện, một viện tâm thần trá hình ở Rhode Island. Cô Nhẹ Dạ, chưa từng có tiền án tiền sự, đã bị bắt giữ tại căn hộ xa hoa của mình ở một khu mới nổi Bờ Đông địa chỉ... Mặc dù văn phòng công tố quận chưa ra tuyên bố chính thức, các nguồn tin đáng tin cậy khẳng định rằng nữ diễn viên tóc vàng xinh đẹp, mới đây còn thường xuyên cặp với triệu phú Rutherford Trawler, đã đóng vai trò “liên lạc” giữa Cà Chua ở trong tù và O’Shaughnessy cánh tay phải quyền lực của hắn. Về mối quan hệ với Cà Chua, Cô Nhẹ Dạ được yêu cầu phải đến thăm nhà tù Sing Sing hàng tuần, trong mỗi dịp đó, Cà Chua cung cấp cho cô một bản mật mã bằng lời mà sau đó cô sẽ truyền đạt tới O’Shaughnessy. Qua đường dây này, Cà Chua, sinh năm 1847 ở Cefalu, Sicily, đã có thể giữ kiểm soát trực tiếp một tổ chức ma túy rộng khắp thế giới với chân rết ở Mexico, Cuba, Sicily, Tangier, Tehran và Dakar. Nhưng văn phòng công tố quận từ chối cung cấp bất kỳ chi tiết nào hay dù chỉ xác nhận những lập luận này... Đáng lưu ý là, một số lớn phóng viên đã chực sẵn ở ga Precinct phố 67 Đông khi hai bị cáo đến lấy vé. O’Shaughnessy, một người đàn ông tóc đỏ vạm vỡ, đã từ chối bình luận và đá vào háng một nhiếp ảnh gia. Nhưng Cô Nhẹ Dạ, trông mong manh dù trong trang phục tomboy với quần jeans và áo da lại có vẻ gần như không quan tâm. “Đừng có hỏi tôi chuyện này là cái quái quỷ gì” cô nói với phóng viên. “Parce-que je ne sais pas, mes chères. (vì tôi không biết bạn thân mến ạ.) Đúng, tôi có đến thăm Sally Cà Chua. Tôi đã từng đi thăm ông ta mỗi tuần. Thế thì có gì sai ? Ông ấy tin ở Chúa, và tôi cũng thế.”... Rồi, dưới cái tit phụ THỪA NHẬN MÌNH NGHIỆN MA TÚY: Cô Nhẹ Dạ mỉm cười khi phóng viên hỏi liệu cô có sử dụng ma túy hay không. “Tôi đã dùng một chút cần sa. Nó chỉ như rượu mạnh thôi, hại bằng một nửa ma túy. Và cũng rẻ hơn. Tiếc rằng tôi lại thích rượu hơn. Không, ông Cà Chua không bao giờ nhắc đến ma túy với tôi. Tôi rất diên tiết với cái cách những kẻ độc ác kia cứ quấy rầy ông ấy. Ông ấy là một người dễ bị thương tổn, ngoan đạo. Một ông già đáng yêu.”

Có một sai lầm nghiêm trọng trong bài tường thuật này: Holly không bị bắt trong “căn hộ xa hoa” của cô. Nó diễn ra ở buồng tắm nhà tôi. Tôi đang ngâm mình trong bồn nước nóng pha muối Epsom để làm dịu những chỗ đau vì phi ngựa, Holly, một y tá tận tụy, ngồi trên thành bồn đợi xoa dầu gió cho tôi và đưa tôi vào giường. Có tiếng gõ cửa ở phòng ngoài. Khi cánh cửa vừa mở, Holly nói Mời vào. Bước vào là bà Sapphia Spanella cùng với hai thám tử mặc thường phục, một trong hai người là một phụ nữ với cái băng đô màu vàng to tướng vòng quanh đầu.

“Cô ta đây rồi: kẻ bị truy nã!” bà Spanella nói oang oang, đột nhập vào buồng tắm và xĩa ngón tay, đầu tiên vào Holly, rồi đến tôi đang trần như nhộng. “Nhìn xem, cô ta đúng là đồ đi.” Viên thám tử nam có vẻ ngượng: vì bà Spanella và bối tình huống đó; nhưng mặt đồng nghiệp của anh ta lại căng lên một niềm vui cay độc - cô ta đập tay lên vai Holly và nói bằng một giọng trẻ con đến khó tin: “Cô em theo tôi. Sắp có chỗ cho cô rồi.” Holly lạnh lùng đáp lại: “Bỏ cái tay nông dân của chị ra khỏi người tôi, bà chị đồng tính ngớ ngẩn ạ!” Điều đó làm cô ta nổi điên lên, tát Holly như trời giáng. Cái tát mạnh đến nỗi làm đầu cô vẹo khỏi cổ, chai dầu gió văng khỏi tay cô, vỡ vụn trên sàn đá hoa - đúng chỗ tôi từ bồn tắm chạy ra xông vào vụ ẩu đả, dẫm lên nó và đứt cả hai ngón chân cái. Trần truồng, hai bàn chân nhoe nhoét máu, tôi leo đèo theo họ xuống tận sảnh. “Đừng quên” Holly cố dặn tôi trong khi hai thám tử đẩy cô xuống cầu thang, “cho con mèo ăn nhé.”

Tất nhiên, tôi tin chắc chuyện này là do bà Spanella: bà ta đã vài lần gọi cho nhà chức trách để phàn nàn về Holly. Tôi không mấy may mắn ngờ rằng sự việc lại có những khía cạnh kinh khủng như thế được, cho đến

buổi tối hôm đó khi Joe Bell xuất hiện vung ra mấy tờ báo. Anh ta xúc động đến mức nói năng lộn xộn; quay cuồng trong phòng, đấm tay vào nhau trong lúc tôi đọc các bài báo.

Rồi anh ta hỏi: “Cậu có nghĩ thế không? Cô ấy có dính líu đến vụ làm ăn tệ hại ấy?”

“Chà, có đấy.”

Anh ta bỏ viên kẹo Tum vào miệng, nhìn tôi chăm chăm và nhai nó như đang nhai xương tôi. “Này cậu, thế là hỏng rồi. Tưởng cậu là bạn của cô ấy chứ. Đồ khốn kiếp!”

“Khoan đã. Tôi không nói cô ấy chủ động dính vào. Vô tình thôi. Nhưng mà, cô ấy có làm. Chuyển tin và mấy thứ linh tinh-”

Anh ta nói: “Cậu có vẻ khá bình tĩnh nhỉ? Chứa ơi, cô ấy có thể bị mười năm tù. Hay hơn.” Anh ta giật mở giấy khỏi tay tôi. “Cậu biết bạn bè cô ấy. Những gã giàu có ấy. Xuống quán bar đi, chúng ta sẽ gọi cho họ. Cô bé của chúng ta đang cần tới mấy kẻ bắt lương sành sỏi ấy hơn là thằng như tôi”

Tôi vừa đau, vừa run đến mức không mặc nổi quần áo, Joe Bell phải giúp. Về đến quán, anh ta đẩy tôi ngay vào quầy điện thoại với một cốc vai, loại cho ba suất martini với một brandy, đựng đầy xu. Nhưng tôi không nghĩ ra được ai để gọi. José đang ở Washington, và tôi không biết chỗ nào để tìm ra. Rusty Trawler ư? Không phải cái gã đốn mạt đó! Thế thì: tôi còn biết người bạn nào khác nữa của cô? Có lẽ cô đã đứng khi nói mình không có bạn, không có ai thực sự.

Tôi gọi đến Crestview 5-6958 ở Beverly Hills, số của O.J. Berman mà bên thông tin điện thoại đường dài cung cấp. Người nghe máy nói Ông Berman đang được mát-xa và không nên quấy rầy: xin lỗi, gọi lại sau. Joe Bell điên tiết - bảo tôi lẽ ra phải nói đây là chuyện sống chết; và anh ta ép tôi thử gọi cho Rusty. Đầu tiên, tôi nói chuyện với người quản gia của ông Trawler - ông ta thông báo Ông Bà Trawler đang ăn tối và liệu ông ta có thể nhận tin được không? Joe gào vào ống nghe: “Ông ơi, đây là chuyện khẩn cấp. Sống chết đấy.” Kết quả là tôi được nói chuyện với-hay đúng ra là nghe-người xưa kia là Mag Rừng Hoang phán: “Anh có loạn trí không đấy?” cô ta hách dịch. “Chồng tôi và tôi chắc chắn sẽ kiện bất kỳ kẻ nào định gán tên chúng tôi với cái đứa con gái gh-gh-ghê tởm và sa đọa đấy. Tôi đã biết ngay từ đầu cô ta là một đứa ngh-ngh-nghien ma túy v-v-vô đạo đức như chó cái rừng mỡ. Nhà tù là mới đúng là chỗ của cô ta. Và chồng tôi nhất trí một nghìn phần trăm. Chúng tôi chắc chắn sẽ kiện kẻ nào...” Cúp máy, tôi nhớ ra ông Doc ở Tulip, Texas; nhưng không, Holly sẽ không muốn tôi gọi cho ông ta, cô ấy sẽ giết tôi.

Tôi lại gọi California; máy bận, bận mãi, và đến lúc O.J. Berman nghe thì tôi đã nốc quá nhiều martini đến nỗi ông ta phải hỏi vì sao tôi gọi: “Về con bé, phải không? Tôi biết rồi. Tôi đã nói chuyện với Iggy Filestein. Văn phòng luật sư của Iggy là tốt nhất New York. Tôi bảo Iggy lo vụ này, gửi hóa đơn thanh toán cho tôi, chỉ không để lộ tên tôi ra thôi, hiểu không. Chà, tôi nợ con bé ít nhiều. Không phải là nợ thật, nếu cậu muốn biết. Con bé điên rồ. Rõm đời. Nhưng nó rõm một cách chân thành, cậu biết không? Dù sao, họ lấy nó có mười ngàn đô tiền bảo lãnh để tại ngoại. Đừng lo, Iggy sẽ khiến con bé được thả đêm nay - tôi không ngạc nhiên nếu nó đã về tới nhà rồi.”

Nhưng cô chưa về; sáng hôm sau khi tôi xuống cho mèo của cô ăn cũng chưa thấy đâu. Không có chìa khóa phòng cô, tôi phải theo lối thoát hiểm và vào nhà qua cửa sổ. Con mèo đang trong phòng ngủ, nhưng nó không một mình: một người đàn ông đang ở đó, cúi xuống cái vali. Cả hai chúng tôi, người này tưởng người kia là kẻ trộm, nhìn nhau căng thẳng khi tối nhảy qua cửa sổ. Gã có gương mặt đẹp trai, mái tóc bóng bẩy nhang nhác José; thêm nữa, gã đang đóng gói cái vali chứa toàn quần áo mà José để ở nhà Holly, những giày và bộ vest mà cô cứ rối cả lên suốt ngày mang tới thợ sửa và giặt là. Và tôi hỏi, gần như biết chắc: “Có phải ông Ybarra-Jaegar cử anh đến đây không?”

“Tôi là em họ,” gã đáp với nụ cười thận trọng và cái cách phát âm địa phương y như thế.

“José đâu?”

Anh ta nhắc lại câu hỏi, như thể đang dịch nó qua một ngôn ngữ khác. “À, chị ấy ở đâu! Chị ấy đang đợi,” gã nói, có ý xua tôi đi để làm nốt phận sự.

Thế đấy: nhà ngoại giao đang tính nước chuẩn. Chà, tôi cũng chẳng ngạc nhiên; hay tiếc nuối tí tẹo nào. Nhưng nó vẫn là một trò nhào lộn đau lòng: “Anh ta chắc phải quất ngựa chạy dữ lắm nhỉ.”

Gã em họ cười khúc khích, tôi chắc gã hiểu ý tôi. Gã đóng vali lại và chìa ra một bức thư. “Chị tôi, chị ấy nhờ tôi chuyển cái này cho người bạn chung phòng của chị ấy. Anh làm ơn đưa giúp được không?”

Trên phong bì viết: Gửi Cô H. Nhẹ Dạ - Cảm ơn đã chuyển thư.

Tôi ngồi xuống giường Holly, ôm con mèo của cô vào lòng, và thấy đau cho cô, trong từng tế bào tôi, y như chính tôi là cô vậy.

“Được, tôi sẽ chuyển giúp.”

Và tôi đã làm thế dù không muốn chút nào. Nhưng tôi không đủ can đảm để hủy bức thư; hay đủ ý chí để giữ nó trong túi khi Holly rất ngập ngừng hỏi thăm, liệu tôi có tình cờ biết tin tức gì của José không. Đây là buổi sáng hôm sau nữa; tôi đang ngồi cạnh cô trong căn phòng sắc súa mùi iốt và bô của người ốm, ở bệnh viện. Cô đã ở đó từ hôm bị bắt. “Chà, anh yêu,” cô chào tôi khi tôi rón rén đi về phía cô, bưng một tút thuốc lá Picayune và một bó tương violet đầu thu, “Em mất người nói dối rồi.” Cô trông như chưa đến mười hai tuổi: mái tóc màu vani nhạt chải ra sau, đôi mắt cô, hôm nay không đeo kính râm, trong veo như nước mưa - không thể tin được là cô đã ốm như thế nào.

Mà cô đã ốm thật: “Chúa ơi, em suýt toi. Không đùa đâu, mụ béo gần như tóm được em. Mụ ấy rống lên như bò. Hình như em chưa kể với anh về mụ béo. Là vì em cũng không biết về mụ cho đến khi anh em mất. Ngay lập tức em bắn khoả không biết anh ấy đi đâu, Fred chết nghĩa là sao; và thế là em thấy mụ, mụ đang ở trong phòng với em và mụ đang bế Fred trên tay; một mụ béo báo động đỏ khôn kiếp, trong cái ghế xích đu với Fred ở trên đùi và cười như một đàn kèn đồng. Thật là nhạo báng! Nhưng nó chính là cái đang chờ đón chúng ta, anh ạ: mụ hề đó đang đợi để tặng ta cái trò nhạo báng cũ rích. Bây giờ thì anh hiểu vì sao em điên lên và làm vỡ mọi thứ rồi chứ?”

Trừ viên luật sư mà O.J. Berman thuê, tôi là người khách thăm duy nhất mà cô được phép gặp. Phòng cô chung với vài bệnh nhân khác, ba bà trông giống hệt nhau đang dò xét tôi, với một vẻ quan tâm không khó chịu nhưng sấm soi từ đầu tới chân và thì thầm với nhau bằng tiếng Ý. Holly giải thích: “Các bà ấy nghĩ anh là thủ phạm đấy, anh yêu. Là gã làm em hỏng thế này.” Và khi tôi đề nghị cô đánh chính cho họ, cô đáp: “Em chịu. Họ không biết tiếng Anh. Dù sao, em cũng chẳng muốn làm họ mất vui.” Và rồi cô hỏi về José.

Ngay khi nhìn thấy cái phong bì, cô nheo mắt và nhếch môi mím một nụ cười khắc nghiệt khiến cô già sọm hẳn đi. “Anh yêu” cô bảo tôi, “anh mở cái ngăn kéo kia và lấy giúp em cái ví. Con gái không thể đọc những thứ này mà không đánh son được.”

Nhìn vào tấm gương bỏ túi, cô đánh phấn, xóa đi mọi vết tích còn lại của đứa trẻ mười hai tuổi trên mặt. Cô tô môi bằng một thỏi son, đánh má hồng bằng thỏi khác. Cô kẻ chì viền mắt, tô xanh mí, xịt nước hoa 4711 vào cổ, đeo hoa tai ngọc trai, đeo kính râm; trang điểm như thế, và sau khi xem xét một cách không ưng ý bộ móng chưa được làm đẹp, cô xé mở phong thư và lướt mắt nhanh qua nó, trong khi nụ cười lạnh lẽo của cô cứ lịm dần rồi đánh lại. Cuối cùng cô xin một điếu Picayune. Hít một hơi thật sâu: “Vị tẩm quá. Nhưng thánh thật,” cô nói và quăng lá thư cho tôi: “Có thể nó cũng tiện - nếu khi nào anh định viết một chuyện tình nhảm nhí. Đừng có vẽ cừ non như thế: đọc to nó lên đi. Em thích nghe tận tai.” Thư mở đầu: “Cô bé thân yêu nhất của anh-”

Holly ngay lập tức ngắt lời. Cô muốn biết tôi nghĩ gì về chữ viết. Tôi chẳng nghĩ gì cả: một kiểu chữ thẳng thớm, rất rõ ràng, nét sin sít. “Chính là anh ta đấy. Đâu vào đấy và tảo bón” cô tuyên bố. “Tiếp tục đi anh.”

“Cô bé thân yêu nhất của anh, anh yêu em dù biết em không giống những người khác. Nhưng trong anh đã hình thành nỗi thất vọng khi khám phá ra, theo một cách công khai và tàn nhẫn, rằng em khác xa với hình mẫu người vợ mà một người đàn ông với số phận và sự nghiệp như anh mong muốn cưới về. Anh lấy làm buồn vì tình trạng khốn khổ của em hiện nay, và thâm tâm anh không muốn thêm một lời chê trách vào trong số những lời chê trách vây quanh em. Vì vậy anh hi vọng trong lòng em cũng không oán trách anh. Anh phải bảo vệ gia đình mình, danh tiếng mình, và anh là một kẻ hèn nhát trong những tình huống như thế này. Quên anh đi, em bé xinh đẹp. Anh không còn ở đây nữa. Anh đã về nhà. Nhưng cầu Chúa ở bên em và con em. Cầu Chúa sẽ không giống như - José.”

“Thế nào?”

“Dù sao nó cũng có vẻ khá thành thật. Và thậm chí cảm động nữa.” “Cảm động ư? Hắn là một thằng thậm ngu!”

“Nhưng sau cùng thì, anh ta nhận mình là một kẻ hèn nhát; và từ góc độ của anh ta, anh phải thấy.”

Holly vẫn khẳng khái không muốn thừa nhận rằng mình đã thấy; nhưng gương mặt cô, cho dù ngụy trang dưới lớp phấn son, đã thú nhận điều đó. “Được rồi, anh ấy không phải là kẻ dễ tiện mà không lí do. Một kẻ dễ tiện cỡ siêu, quái vật như Rusty. Benny Shacklett. Nhưng ôi thế đấy, trời đánh thánh vật” cô nói, nhét cả nắm tay vào miệng như một đứa bé sắp khóc, “Em đã từng yêu anh ta. Đồ dễ tiện ấy.”

Bà bà Ý tưởng tượng ra một cơn khủng hoảng của kẻ đang yêu, và chắc chắn lười về phía tôi ra ý trách móc kẻ đã làm Holly rên rỉ. Tôi cảm thấy nở mũi: hãnh diện vì có người lại tưởng Holly để ý đến tôi. Cố nín khóc khi tôi chìa ra điều thuốc khác. Cô nuốt xuống rồi nói: “Chúa phù hộ anh, Buster. Và phù hộ anh vì anh là một kỵ sĩ dở tệ. Nếu không đóng vai Calamity Jane Tai Họa[19]; chắc em vẫn còn phải chờ đến lúc cái ấu trùng ấy tòi ra ở nhà bà mẹ không chồng. Tập thể dục tích cực vào, bí quyết nằm ở chỗ ấy. Nhưng em đã làm cả cái phòng đeo phù hiệu đó sợ xanh mặt khi nói là vì Cô Đồng Tính tát em. Vâng thưa ngài, em sẽ kiện bọn họ vài tội, kể cả tội bắt nhầm người.”

[19] Calamity Jane: nữ cao bồi miền Tây, nhân vật chính trong vở nhạc kịch - phim ca nhạc cùng tên.

Đến lúc đó, chúng tôi mới gián tiếp đề cập đến những nỗi khổ cực ác nghiệt hơn của cô, và cách nói bốn cột này càng có vẻ đáng kinh hãi, tội nghiệp, nó lộ rõ rằng cô không có khả năng ý thức về cái hiện thực ảm đạm trước mặt. “Nào, Holly” tôi vừa nói vừa nghĩ: mình phải mạnh mẽ lên, từng trải, như một ông bác. “Nào, Holly. Chúng ta không thể xem chuyện này như đùa được. Chúng ta phải có kế hoạch.”

“Anh còn trẻ quá để tỏ ra đạo mạo. Quá bé bỏng. Thế còn công việc của anh thì sao rồi?”

“Chẳng có gì cả. Trừ một điều em là bạn anh, và anh lo lắng. Anh muốn biết em định làm gì.”

Cô day day mũi, và tập trung nhìn lên trần nhà. “Hôm nay là thứ Tư, đúng không? Vậy thì chắc là em sẽ ngủ đến thứ Bảy, một schluffen[20] thật ngon. Sáng Chủ nhật em sẽ nhảy ra ngân hàng. Rồi em sẽ tạt qua nhà, chọn lấy một cái đầm dạ hội, có thể là hai, và cái đầm hiệu Mainbocher của em. Sau đó, em sẽ thông báo với Idlewild[21]. Đi đâu á, anh biết thừa rồi còn gì, em đã đặt một cái vé hoàn hảo nhất trên một chuyến bay hoàn hảo nhất. Và vì anh là bạn tốt của em, em sẽ để anh tiễn chân em. Anh làm ơn đừng có lắc đầu nữa đi?

[20] Schluffen (tiếng Đức): giấc ngủ.

[21] Tên cũ của sân bay John F. Kennedy ở thành phố New York.

“Holly. Holly. Em không thể làm thế được.”

“Et pourquoi pas[22] Em không chạy đuổi theo José đâu, nếu anh tưởng thế. Theo điều tra dân số của em, anh ta chắc chắn là công dân Limboville[23]. Chỉ là: tại sao em phải bỏ phí một tấm vé tuyệt vời như thế. Đã trả tiền. Hơn nữa, em chưa bao giờ đi Brazil.”

[22] Et pourquoi pas (tiếng Pháp): Sao lại không chứ?

[23] Limboville: địa danh trong huyền thoại Hy Lạp, không thuộc nơi nào cả.

“Ở đây họ cho em uống thứ thuốc gì thế? Em không thể ý thức mình đang bị buộc tội à. Nếu bắt được em bỏ trốn, họ sẽ không tha em đâu. Ngay cả nếu thoát được, em cũng sẽ không bao giờ có thể quay về nhà.”

“Chà, thế đấy, khó nhằn nhỉ. Dù sao, nơi nào mình thấy bình yên thì nơi đó là nhà. Em vẫn đang đi tìm.”

“Không, Holly, thật ngốc nghếch. Em ngây thơ quá. Em phải nhẫn nại đến cùng chứ.”

Cô đáp, “Cố lên, cố lên, cố lên,”[24] và phà khói vào mặt tôi.

[24] Nguyên văn “Rah, team, rah,” hò hét để cổ vũ đội chơi thể thao, chiến thắng.

Nhưng dù sao cô cũng bị tác động; đôi mắt cô mở lớn trước những cảnh tượng đau lòng, như tôi đang thấy: những căn phòng bằng sắt, hành lang thép với những cánh cửa từ từ đóng lại. “Ồ, chết tiệt” cô thốt lên, rút một điều thuốc. “Em có một khả năng hợp lý mà họ sẽ không bắt em được. Miễn là anh nhớ bouche fermez[25] Xem này. Đừng có coi thường em, anh yêu.” Cô đặt tay lên tay tôi và bóp chặt với sự chân thành nồng nhiệt đến bất ngờ. “Em không có nhiều lựa chọn. Em đã nói chuyện với luật sư: ồ, em không hé răng với ông ấy về Rio - ông ta dứt tiền cho bọn đeo thẻ ở đây để đừng dấn động gì đến người mang tên O.J. đã trả tiền tại ngoại, thế còn hơn là ông ta bị mất phí. Chúa phù hộ cho trái tim O.J.; nhưng một lần ở vùng duyên hải; em đã giúp ông ta thắng hơn mười ngàn trong một ván bài poker: thế là hòa. Không, đây mới là chuyện phải run này: tất cả những gì bọn đeo thẻ muốn ở em là sờ sẫm em vài cái miễn phí và em chịu đứng ra làm nhân chứng chính thức chống lại Sally - chẳng ai có ý định khởi tố em hết, họ không có mấy may bằng chứng nào cả. Chà, em có thể bị mực xương, không còn ai ở bên, nhưng em sẽ không làm chứng chống lại bạn mình. Cho dù họ có thể chứng minh được ông ấy bỏ cả ma túy cho Xơ Kenny[26] em cũng không. Thước đo của em là người ta đối xử với em như thế nào, và Sally già, ừ thì ông ta cũng chẳng hoàn toàn vô tư với em đâu, nói đúng ra, ông ấy cũng lợi dụng tí ti, nhưng ông ta là một người chơi được, và em thà để mụ béo vỗ lấy em sớm hơn chứ không giúp lũ luật sư hạ ông ấy.” Nghiêng cái gương bỏ túi lên phía trên mặt, dùng ngón út miết đều lớp son môi, cô nói: “Và thành thật mà nói, chưa hết đâu. Một bóng tối trên sàn đời thế này đủ làm hồng bộ mặt người con gái. Thậm chí nếu quan tòa có gắn huy chương danh dự[27] cho em thì nơi này vẫn chẳng có tương lai: họ vẫn chẳng dây cầm vào từ LaRue cho đến quán nướng Perona - nghe em đi, em sẽ được chào đón như ông chủ nhà tang lễ[28]. Và nếu phải sống bằng những ngón nghề đặc biệt như em, anh yêu ơi, anh sẽ hiểu sự trắng tay này. Ừ, ừ, không phải em chỉ tưởng tượng ra cảnh hạ màn mà em phải bán thân quanh khu Roseland cho một bầy mọi rợ ở Bồ Tây[29] đâu. Trong khi Phu nhân Trawler cao quý khệnh khạng rước cái hăm của mình ra vào tiệm Tiffany’s. Em không thể chấp nhận như thế. Vứt em cho mụ béo ngày nào cũng được.”

[25] bouche fermez (tiếng Pháp): giữ mồm giữ miệng, im mồm.

[26] Sister Kenny: tên thật là Elizabeth Kenny (1880-1952) một nữ y tá người úc, nhà vật lý trị liệu tiên phong, nguyên mẫu nhân vật chính trong bộ phim “Sister Kenny” sản xuất năm 1946 do Rosalind Russell thủ vai.

[27] Purple Heart: huy hiệu hình trái tim màu tím có in hình tổng thống để khen thưởng thương binh hay liệt sĩ phục vụ trong quân đội Mỹ từ sau tháng 4.1917.

[28] Nguyên văn: “ông Frank E. Campbell” tên một chủ nhà tang lễ ở Manhattan.

[29] West Side: khu nghèo của New York.

Một y tá rón rén vào phòng nhắc giờ thăm viếng đã hết. Holly bắt đầu than phiền và bị cắt ngang bởi một cái nhiệt kế nhét vào miệng. Nhưng khi tôi ra về, cô rút nó ra để nói: “Làm giúp em việc này, anh yêu. Gọi cho tờ Times, hay tờ nào anh thích, kiểm cho em danh sách năm mươi người đàn ông giàu nhất ở Brazil. Em không đùa đâu. Năm mươi người giàu nhất: bất kể chủng tộc và màu da. Một việc nữa là - anh lục khắp nhà em đến khi tìm ra cái huy hiệu mà anh cho em. Cái huy hiệu Thánh Christopher ấy. Em cần nó cho chuyến đi.”

Tối hôm thứ Sáu, bầu trời đỏ rực lên, sấm chớp, và thứ Bảy, ngày khởi hành, cả thành phố chao đảo trong cơn mưa bão. Cá mập có lẽ bơi trong không trung được, dù không chắc máy bay có thể bay qua.

Nhưng Holly, làm ngơ trước sự thuyết phục hân hoan của tôi rằng chuyến bay sẽ không đi, cứ tiếp tục chuẩn bị - và tôi phải nói rằng cô đã chuyển cả gánh nặng chính của mình sang tôi. Vì cô quyết định mình chẳng đại gì đến gần khu nhà đá nâu. Cũng khá hợp lý: nó đang bị theo dõi bởi cảnh sát hoặc các phóng viên hay những nhóm quan tâm khác không biết là ai, chỉ một người đàn ông, hay có khi vài ông lớn vờn quanh bậc thêm. Vì thế cô từ bệnh viện ra ngân hàng rồi tới thẳng quán bar của Joe Bell. “Cô ấy không nghĩ là mình bị bám theo,” Joe Bell bảo tôi khi mang tới tin nhắn rằng Holly muốn gặp tôi ở quán càng sớm càng tốt, trễ nhất là nửa tiếng nữa, mang theo: “Nữ trang. Đàn guitar. Bàn chải đánh răng và các thứ của cô ấy. Một chai rượu brandy trăm năm tuổi: cô ấy nói cậu có thể tìm thấy nó giấu dưới đáy cái giỏ đựng quần áo bẩn. Ủm, ồ, và con mèo. Cô ấy muốn cả con mèo. Nhưng quý thật” anh ta nói, “tôi không biết chúng ta có nên giúp cô ấy hay không nữa. Cô ấy đáng ra phải được bảo vệ khỏi chính mình. Tôi ấy à, tôi cảm thấy

muốn báo cho cảnh sát. Có lẽ nếu tôi quay lại, pha cho cô ấy vài ly, may ra tôi có thể chúc cho cô ấy say đến mức bỏ cuộc.”

Loạng choạng trèo lên trèo xuống trên cầu thang thoát hiểm từ nhà Holly đến phòng tôi, gió thổi bạt hơi và ướt thấu xương (cào thấu xương nữa, vì con mèo không thích di tản, nhất là trong thời tiết khắc nghiệt thế này), tôi nhanh chóng gom xong hành lý của cô với năng suất hạng nhất. Thậm chí tôi còn tìm được cả cái huy hiệu Thánh Christopher. Mọi thứ chồng chất trên sàn nhà tôi, một kim tự tháp làm se lòng với áo nịt ngực, giày khiêu vũ và những thứ xinh đẹp tôi xếp trong cái vali duy nhất của Holly. Vẫn còn thừa lại một đồng, tôi phải nhồi nhét trong các túi giấy đựng hàng. Tôi không biết phải làm sao mang con mèo đi; cho đến khi nghĩ ra cách nhét nó vào cái vỏ gối.

Có một lần chẳng biết để làm gì, tôi đã đi bộ từ New Orleans đến cảng Nancy, Mississippi, gần năm trăm dặm. Nó là một trò đùa nhẹ nhõm nếu so với hành trình đến quán bar của Joe Bell. Cây guitar đầy nước, nước làm các túi giấy mủn bực ra và nước hoa đổ tung tóe trên vỉa hè, ngọc trai lăn xuống rãnh nước, trong khi gió xô đẩy và con mèo cào xé, gào rú - nhưng tệ nhất là tôi phát hoảng, hèn chẳng kém José: những cơn mưa bão đường như nhan nhản người núp đầu đó, rình sẵn để tóm và tống tôi vào tù vì tiếp tay với tội phạm.

Tên tội phạm phàn: “Anh đến muộn, Buster. Anh có mang chai brandy không?”

Và con mèo được phóng thích, nhảy phốc lên vai cô ngồi: đuôi nó vung vẩy như cái gậy điều khiển một bản nhạc hân hoan. Holly cũng có vẻ đang sống trong giai điệu đó; say sưa, phóng túng^[30] với sự hoạt bát bon voyage^[31]. Vừa mở nút chai brandy, cô vừa nói: “Em đã tính mua một cái kết để đựng nó đấy chứ. Nhưng mỗi dịp kỷ niệm thế này chúng ta phải uống một chén, ơn Chúa là em chưa mua cái kết đó. Ngài Bell ơi, xin cho ba cái ly.”

[30] Nguyên văn Oompahpah: một bài hát sống động và táo tợn của Lionel Bart. Oom-pah-pah là âm đọc chệch đi để chỉ sự say sưa và phóng dăng với gái chưa chồng.

[31] Bon voyage (tiếng Pháp): chuyến đi tốt đẹp.

“Cô chỉ cần hai thôi” anh ta bảo cô. “Tôi sẽ không uống mừng sự ngốc nghếch của cô đâu.”

Cô càng tán tỉnh (“A, ngài Bell ơi, không phải ngày nào cô nàng này cũng biến mất đâu. Anh không chạm cốc với nàng ư?”) anh ta càng găm gù: “Tôi không dính gì vào đấy. Nếu cô xuống địa ngục, cô cứ việc đi một mình. Tôi không giúp cô đâu.” Nó là một tuyên bố trật lất, vì vài giây sau khi anh ta dứt câu, một chiếc limousine có tài xế lái tới đậu ngoài quán bar, và Holly nhìn thấy trước tiên, đặt ly brandy của mình xuống, nhướn mày như thể cô nghĩ ngài Công tước Quận sắp bước ra. Tôi cũng tưởng thế. Và khi thấy Joe Bell đỏ bừng mặt, tôi đâm lo: Chúa ơi, anh ta đã gọi cảnh sát. Nhưng rồi, hai tai nóng bừng, anh ta nói: “Không có gì đâu. Một chiếc Carey Cadillac thôi mà. Tôi thuê nó. Để đưa cô ra sân bay.”

Anh ta quay lưng lại phía chúng tôi vờ nghịch một trong những bát hoa mà anh ta đã cầm. Holly nói: “Tử tế quá, ngài Bell thân mến. Quay lại nhìn em nào.”

Anh ta không nhìn. Anh ta giật mạnh bó hoa ra khỏi bình và giúi vào tay cô nhưng trượt, hoa rơi tung tóe trên sàn. “Tạm biệt,” anh ta nói, và như sắp bị nôn, anh ta chạy bổ vào nhà vệ sinh nam. Chúng tôi nghe tiếng cửa khóa lại.

Tài xế chiếc Carey là một người trải đời, ông ta nhận đám hành lý cẩu thả của chúng tôi một cách lịch sự nhất và giữ vẻ mặt thản nhiên như đá khi chiếc limousine vút qua thành phố trong cơn mưa đã ngớt dần, và Holly cởi tuột quần áo, cái bộ đồ cưới ngựa mà cô chưa có lúc nào thay, chập vật chui vào một chiếc đầm đơn giản màu đen. Chúng tôi không nói chuyện: nói ra chỉ tổ cãi nhau; và Holly cũng có vẻ quá bận rộn đầu óc để trò chuyện. Cô ậm ừ trong họng, nốc brandy, liên tục nhào người lên phía trước để nhòm ra ngoài cửa sổ, như thể cô đang tìm một địa chỉ nào đó - hoặc, tôi đoán chắc, giữ lấy những ấn tượng cuối cùng của khung cảnh mà cô muốn nhớ. Hóa ra không phải thế. “Dừng lại đây,” cô đề nghị lái xe, và chúng tôi dừng lại bên lề một con phố ở khu Harlem Tây Ban Nha. Một khu phố nghèo nàn, lờ lẹt và kém văn minh, trang trí đầy những poster chân dung các ngôi sao điện ảnh và Đức mẹ Madonna. Lối đi quảng đầy vỏ trái cây, những tờ báo rách nát cuốn theo gió, lúc này gió vẫn thổi mạnh dù mưa đã tạnh và bầu trời đột ngột lộ ra những đám mây xanh.

Holly bước ra khỏi xe; mang theo con mèo. Nặng nịu, gãi đầu nó, cô hỏi: “Mày nghĩ sao? Chỗ này phải là nơi thích hợp cho một anh chàng bắt trộm như mày. Đồ hộp bãi rác. Tha hồ chuột. Đầy lũ mèo hoang để mày kết bạn. Thôi, biến đi” cô nói rồi thả nó xuống; và khi nó không chịu đi mà cứ ngẩng cái mặt hung dữ lên, dò hỏi cô bằng đôi mắt cướp biển màu vàng, cô dậm chân: “Tao đã bảo phần đi!” Nó giục vào chân cô. “Tao đã bảo xéo đi!” cô hét lên, nhảy vào trong xe, đóng sập cửa lại và “Đi nào,” cô bảo người lái xe. “Đi. Đi.” Tôi sững sờ. “Chà, em thật là. Em là đồ quái vật.”

Chúng tôi đi một quãng phố rồi cô mới trả lời. “Em đã kể với anh. Một hôm em gặp nó ở bờ sông: thể thôi. Cả hai đều tự lập. Không ai hứa hẹn với ai điều gì. Em và nó chưa bao giờ-” cô nói, và giọng cô xiu xuống, gương mặt cô giật giật, trắng bệch ra. Chiếc xe dừng lại chờ đèn giao thông. Chợt cô mở cửa và chạy lao xuống phố; và tôi chạy theo cô.

Nhưng con mèo đã không còn ở cái góc mà nó bị bỏ lại. Không có ai, không còn gì trên phố trừ một gã say đang đá và hai bà xơ người Phi đang tập hợp một bầy trẻ hát du dương. Mấy đứa trẻ khác túm tụm ở lối vào và vài người đàn bà nhồi người qua bệ cửa sổ quan sát Holly chạy tới chạy lui gọi: “Mày. Mèo ơi. Mày ở đâu? Ra đây, mèo.” Cô cứ tiếp tục như thế đến khi một thằng bé da sần sùi xách cổ một con mèo già lưng lẳng đi đến: “Chị có thích một con miu xinh xắn không? Cho em một đô?”

Chiếc limousine đi theo chúng tôi. Giờ thì Holly để tôi dắt cô về xe. Đến cửa, cô ngần ngừ; cô nhìn qua tôi, qua cả thằng bé vẫn mời mọc con mèo của nó (“Nửa đô thôi. Hai đồng hai nhăm xu vậy nhé? Hai đồng có nhiều nhận gì đâu?”) và cô run lên, phải túm lấy tay tôi mới đứng vững: “Ôi, Chúa ơi. Em và nó thuộc về nhau. Nó là của em.”

Thế là tôi hứa với cô, tôi nói tôi sẽ quay lại và tìm con mèo của cô. “Anh sẽ chăm sóc nó. Anh hứa đấy.”

Cô mỉm cười: nụ cười tê tái không vui. “Nhưng còn em thì sao?” cô hỏi, thì thầm, và rùng mình lần nữa. “Em sợ lắm, Buster ạ. Phải, cuối cùng em đã sợ. Vì nó có thể tiếp diễn mãi. Không biết cái gì là của mình cho đến khi mình đã quăng mất nó rồi. Mụ béo không là gì. Báo động đỏ, cũng chẳng là gì. Chính nó, dù bây giờ miệng em khô lắm, nhưng nếu đời em phụ thuộc vào chuyện đó, thậm chí nước bọt em cũng không dám nhổ đi nữa.” Cô bước vào trong xe, lún mình trong ghế. “Xin lỗi bác tài. Ta đi tiếp đi.”

TRÁI CÀ CHUA CỦA CÀ CHUA BIẾN MẤT. VÀ: NỮ DIỄN VIÊN TRONG VỤ ÁN MA TÚY BỊ TÌNH NGHĨ LÀ NẠN NHÂN CỦA XÃ HỘI ĐEN. Tuy nhiên cũng có một tờ báo đăng tin kịp thời: “PHÁT HIỆN TUNG TÍCH CỦA NỮ TAY CHƠI LẮN TRỐN Ở RIO”. Hình như các nhà chức trách Mỹ không có cố gắng nào để bắt lại cô, và chẳng bao lâu sự việc chìm đi, chỉ còn được nhắc đến một lần trong cột báo lá cải; nó được khơi lại đúng một lần nữa, như chuyện mới, vào hôm Giáng Sinh, khi Sally Cà Chua chết vì đau tim ở Sing Sing. Ngày tháng trôi đi, một mùa đông, và không có dòng nào từ Holly. Chủ tòa nhà đá nâu bán những tài sản bị bỏ lại của cô: cái giường satanh trắng, tấm thảm thêu, chiếc ghế Gothic quý giá; một người thuê tên là Quaintance Smith giành được căn hộ, anh ta tiếp đãi rất nhiều khách đàn ông gọi cửa, cũng làm ầm ĩ như Holly trước kia, nhưng trong trường hợp này bà Spanella không phản đối, thật ra, bà mê tít chàng trai trẻ và chu cấp bít tết thần bò ngon tuyệt đều đặn mỗi khi anh ta bị tím mắt. Nhưng vào mùa xuân, một tấm bưu thiếp gửi đến: nó được viết bằng bút chì và đóng dấu bằng nọ hôn son: Brazil thật mọi rợ, nhưng Buenos Aires thì nhất Không phải kiểu Tiffany’s, nhưng gần như thế. Đang cặp kè với Ngài \$ieu \$ép[32]. Yêu ư? Chắc thế. Dù sao em cũng đang kiếm chỗ nào đó để sống (\$ép có một vợ và 7 nhóc) và sẽ báo anh khi nào chính em biết. Ngàn lần âu yếm. Nhưng cái địa chỉ, nếu như có, chẳng bao giờ được gửi, điều đó làm tôi buồn, có quá nhiều điều tôi muốn viết cho cô: rằng tôi đã bán được hai truyện, đã đọc thấy Trawler đang đệ đơn li hôn, tôi đã chuyển khỏi khu nhà đá nâu vì nó bị ám ảnh. Nhưng hơn hết, tôi muốn kể với cô về con mèo. Tôi đã giữ lời hứa, tìm thấy nó. Phải mất hàng tuần sau giờ làm việc, lang thang qua các phố ở khu Harlem Tây Ban Nha, rất nhiều lần mừng hụt - một con lông vằn như hổ vút qua, tìm kỹ lại hóa ra không phải. Nhưng một hôm, vào buổi chiều Chủ nhật mùa đông lạnh, nắng ráo, nó xuất hiện. Bên những cây cảnh trồng trong chậu và đóng khung bởi rèm cửa viền đăng ten sạch sẽ, nó ngồi trong cửa sổ của một căn phòng ấm cúng: tôi tự hỏi tên nó là gì, vì tôi chắc bây giờ nó đã được đặt tên, chắc nó đã đến đúng nơi dành cho nó. Tôi hi vọng Holly cũng thế, dù ở một cái lều châu Phi hay nơi đâu.

[32] Nguyên văn: \$enor (viết dấu đồng đôla thay cho chữ S).

9. Chương 9

NHÀ HOA

Đáng lẽ Otilie phải là cô gái hạnh phúc nhất ở Port-au-Prince[1]. Như Baby nói với cô, hãy nhìn tất cả những thứ mà em có. Như là cái gì cơ? Otilie hỏi, vì cô phù phiếm và thích nghe khen từ những chuyện vợ vẫn nhất. Như là hình thức của em, Baby nói: em có màu da sáng dễ thương, đôi mắt gần như xanh và một gương mặt xinh đẹp, dịu dàng - chẳng có cô gái nào trên đường lại có nhiều khách quen như em, mà khách nào cũng sẵn lòng mua cho em bia uống thả cửa. Otilie thừa nhận điều đó là đúng, và với nụ cười, cô tổng kết nốt những may mắn của mình: em có năm cái váy lụa và một đôi giày satin màu lục, em có ba cái răng vàng đáng giá ba mươi nghìn franc, có thể ông Jamison hay ai đó sẽ tặng em cái vòng tay nữa. Nhưng Baby ơi, cô thở dài, và không thể diễn tả nỗi sợ bất mãn của mình.

[1] Nghĩa là Cảng Hoàng Tử, thủ đô của Haiti.

Baby là bạn thân nhất của cô; cô còn có một người bạn nữa: Rosita. Baby tròn ung ung như cối xay, mấy ngón tay múp múp đầy ngón xanh lè, dấu vết của những cái nhẫn rẻ tiền, răng thì đen như gốc cây bị cháy thiêu, ít nhất là cánh thủy thủ cũng khảng định như thế. Rosita, cô bạn kia, lại cao hơn hầu hết đàn ông, và khỏe hơn, đêm đến, khi có khách, cô ông ẹo, nói đơn dốt bằng cái giọng búp bê ngốc nghếch, nhưng ban ngày, cô đi lại nghênh ngang và nói bằng giọng nam trung rất lính tráng. Cả hai cô bạn của Otilie đều là người Cộng hòa Dominica[2] và như thế cũng đủ lí do để họ thấy mình cao sang hơn đám dân bản xứ ở cái nước đen nhầy này. Họ không bận tâm chuyện Otilie là dân bản xứ. Em có cái đầu, Baby bảo cô, và chắc chắn là Baby ngưỡng mộ những người có đầu óc. Otilie luôn lo sợ rằng các bạn sẽ phát hiện ra cô không biết đọc cũng chẳng biết viết.

[2] Nước láng giềng với Haiti cùng trên đảo Hispaniola ở vùng biển Caribê.

Họ sống và hành nghề ở một ngôi nhà ọp ẹp; lung lay như răng bà lão, và lạnh cóng với những ban công sập sụp trồng hoa giấy. Mặc dù không có biển bên ngoài nhưng nó được gọi là Champs Elysées[3]. Chủ ngôi nhà này là một bà cô không chồng, tàn tật, trông đến nghệt thở, điều khiển mọi thứ từ một phòng trên gác, nơi bà ta ngồi chết dí, lắc lư trên chiếc ghế xích đu và uống từ mười đến hai mươi lon Coca-Cola mỗi ngày. Tổng cộng bà ta có tám cô làm việc dưới quyền, trừ Otilie ra, không ai dưới ba mươi. Vào buổi tối; khi các cô tụ tập trên hiên, tán chuyện và xòe quạt giấy như những con bướm đêm đập cánh trong không trung thì Otilie có vẻ là đứa trẻ mộng mơ, đáng yêu, được những bà chị già và xấu xí hơn vây quanh.

[3] Champs Elysées: tên đại lộ xa hoa nhất ở Paris.

Mẹ cô đã chết, bố cô là người quản lý đồn điền đã về Pháp, Otilie được một gia đình nông dân chất phác đưa lên núi, con trai của họ còn nhỏ, thay nhau ngủ chung với cô trên những vật xanh râm mát. Ba năm sau, khi mười bốn tuổi, cô lần đầu xuống núi để đến phiên chợ ở Port-au-Prince. Chuyến đi mất hai ngày một đêm, cô đi bộ, vác theo bao gạo nặng năm cân; để đỡ nặng, cô cho gạo rơi bớt ra, mỗi lúc một tí, cho đến khi tới chợ thì hầu như chẳng còn gì. Otilie khóc nức nở vì nghĩ đến cả nhà sẽ giận dữ thế nào nếu cô về mà không có tiền bán gạo; nhưng cô khóc không lâu, có một ông tử tế và vui tính đã làm cô ráo nước mắt. Ông ta mua cho cô một miếng dừa, đưa cô đi gặp chị họ mình, là bà chủ của Champs Elysées. Otilie không thể tin nổi vận may của mình: cái máy hát tự động, giày satin và những người đàn ông hay đùa bỡn, tất cả đều lạ lùng và phi thường như cái bóng điện trong phòng cô mà cô cứ bật rồi tắt không chán tay. Chẳng bao lâu, cô trở thành cô gái được nhắc đến nhiều nhất trên con đường đó, bà chủ có thể đòi giá gấp đôi cho cô, và Otilie đâm tự kiêu; cô có thể đứng làm dáng hàng giờ trước gương. Rất hiếm khi cô nhớ đến những ngọn núi, nhưng sau ba năm, núi rừng vẫn lưu lại bên cô: những ngọn gió núi tưởng như còn thổi đầu đây, cặp giò cao và rắn chắc của cô vẫn chưa mềm mại, và lòng bàn chân của cô cũng thế, rập như da thần lùn.

Khi bạn bè nhắc đến tình yêu, hay người đàn ông mà họ yêu, Otilie trở nên u uất: khi yêu chị cảm thấy thế nào? cô hỏi. À, Rosita nói, đôi mắt đầy xúc động, chị thấy như có ai rắc hạt tiêu lên tim mình, như có

con cá nhỏ bơi trong mạch máu. Otilie lắc đầu; nếu Rosita nói thật thì cô chưa từng yêu, vì cô chưa bao giờ cảm thấy như thế với bất kỳ người đàn ông nào đến ngôi nhà này.

Điều đó làm cô bứt rứt đến nỗi cuối cùng, cô tìm đến một Houngan[4] sống ở vùng đồi phía trên thị trấn. Khác với bạn bè, Otilie không dán ảnh Chúa lên tường phòng mình; cô không tin ở Chúa, nhưng tin ở thần: thần lương thực, thần ánh sáng, thần chết, thần hủy hoại. Houngan có liên hệ với những vị thần đó; ông ta giữ bí mật của họ trên bàn thờ, có thể nghe lời họ qua tiếng lách cách trong quả bầu và giải được quyền lực của họ trong bữa. Nói chuyện với các thần, Houngan truyền cho cô thông điệp rằng: Con phải bắt một con ong dại, ông ta nói, và nắm giữ nó trong tay... nếu con ong không đốt thì đây là điềm báo con sẽ tìm thấy tình yêu.

[4] Houngan: thầy mo, thầy cúng theo tín ngưỡng của dân Haiti.

Trên đường về nhà, cô nhớ đến ông Jamison. Đây là một ông người Mỹ quá năm mươi tuổi, làm trong một dự án kỹ thuật. Những chiếc vòng vàng lách cách trên cổ tay cô là quà của ông ta, và Otilie băng qua một hàng rào cây kim ngân phủ tuyết, lòng bồn chồn chẳng lẽ cuối cùng mình vẫn không yêu ông Jamison. Ông đen đầu thành đám trên cây kim ngân. Với cú chộp dũng cảm, cô tóm được một con đang ngủ gật. Nó đốt một cú choáng người khiến cô khụy xuống; và quỳ ở đó, cô khóc sụt sùi đến lúc khó mà biết là ông đốt vào tay hay là mắt nữa.

Đây là vào tháng Ba, các sự kiện đều hướng tới lễ hội giả trang. Ở Champs Eliseés, các cô gái đang bận rộn may trang phục cho mình; Otilie thì rảnh tay vì cô quyết định sẽ không mặc đồ giả trang. Vào cuối tuần náo nhiệt, khi tiếng trống rộn ràng lúc trăng lên, cô ngồi bên cửa sổ, lơ đãng nhìn những nhóm người ca hát, nhảy múa, đánh trống suốt dọc đường; nghe tiếng huýt sáo, tiếng cười mà chẳng muốn nhập bọn chút nào. Người ta sẽ nghĩ em phải già nghìn tuổi mất, Baby nói, còn Rosita bảo: Otilie, sao em không đi đến đám chơi gà với bọn chị?

Rosita không nhắc đến đám chơi gà vớ vẩn đâu. Đấu thủ từ khắp nơi trên đảo đã đổ về mang theo những con gà chiến nhất của họ. Otilie nghĩ chắc mình cũng nên đi, cô xỏ hai viên ngọc trai lên tai. Họ đến nơi thì màn trình diễn đã bắt đầu; trong cái lều vĩ đại, một biển người đang thốn thức và gào thét, trong khi đám đông khác không vào được dồn chặt ních vòng ngoài. Với các quý cô từ Champs Eliseés thì đi vào không có gì khó: một anh bạn cảnh sát mở đường và lấy chỗ cho họ trên một chiếc ghế dài gần vũ đài. Các bác nhà quê xung quanh họ có vẻ xấu hổ trước những vị khách sành điệu đường ấy. Họ ngượng ngùng nhìn bộ móng tay sơn màu của Baby, những chiếc lược lông lánh như kim cương gắn trên tóc Rosita, hoa tai ngọc trai rực rỡ của Otilie. Nhưng trận đấu sôi động đến mức chẳng mấy chốc không ai để ý đến các cô nữa; Baby dậm khó chịu và đảo mắt tìm xem có ai liếc về phía họ không. Đột nhiên, cô huých Otilie. Otilie, cô nói, có người hâm mộ em đấy, anh ta nhìn em chằm chằm như ăn tươi nuốt sống.

Thoạt tiên, cô tưởng đấy là người quen, vì cách anh ta nhìn cô như thể cô phải nhận ra anh ta; nhưng làm sao cô biết anh được vì cô chưa từng bao giờ quen ai đẹp đến như thế, có cặp chân dài và đôi tai xinh xắn thế? Cô có thể nhận ra anh ta từ trên núi xuống: cái mũ cói kiểu nhà quê, chiếc áo màu xanh dày bình bịch và rách tơi tả của anh nói với cô nhiều điều. Da anh ta màu gừng nâu, bóng như chanh, trơn như lá ổi và mái đầu kiêu hãnh như con gà lông đỏ tươi pha đen mà anh ta giữ trên tay. Otilie vốn quen cười ghẹo trai; nhưng giờ thì nụ cười gá trên môi cô rơi như những vụn bánh.

Rồi cũng đến lúc giải lao. Vũ đài được dọn sạch; và mọi người ồ lên đó nhảy múa, giậm chân trong khi ban nhạc với trống và đàn dây hát vang những bài ca lễ hội. Lúc đó chàng trai đi đến chỗ Otilie, cô cười phá lên nhìn con gà giống như con vẹt đậu ngất ngưỡng trên vai anh. Anh biến đi, Baby nói, tức giận vì gã nhà quê này dám mời Otilie nhảy, và Rosita nhảy xổ ra đứng chắn giữa anh chàng và bạn mình với vẻ đe dọa. Anh ta chỉ mỉm cười và nói: Xin phép quý bà; tôi chỉ muốn nói chuyện với con gái của bà thôi. Otilie thấy mình bay bổng, thấy đôi hông của mình hòa nhịp với hông anh chàng trong điệu nhạc, và không ngần ngại, cô để anh dẫn mình vào chỗ người nhảy nhót đông đúc, lộn xộn nhất. Rosita hỏi: Em có nghe thấy không, nó tưởng chị là mẹ con bé? Và Baby an ủi cô, quả quyết đáp: Chị mong đợi cái gì chứ? Cả hai đứa chúng nó đều là dân bản xứ, khi nó quay lại, chúng mình cứ coi như không quen biết.

Nhưng Otilie đã không quay lại với các bạn. Royal[5], đây là tên của chàng trai, Royal Bonaparte bảo cô rằng anh không muốn nhảy. Chúng mình đi dạo chỗ nào yên tĩnh đi, anh nói, nắm lấy tay anh và anh sẽ đưa em đi. Cô nghĩ anh hơi lạ lùng, nhưng lại không cảm thấy xa lạ với anh, vì rừng núi vẫn có trong cô,

và anh từ núi xuống. Nắm cả hai tay cô, với con gà trống lông ngũ sắc gập gù trên vai anh, họ rời khỏi lều và chậm rãi thả bộ trên con đường nhựa trắng lóa, rồi đến một lối nhỏ êm đềm nơi lũ chim ban ngày xao xuyến bay qua vòm xanh của những cây keo nghiêng bóng.

[5] Royal: hoàng tộc, hoàng gia, có dòng máu quý tộc. Bonaparte trùng với họ của hoàng đế Pháp Napoleon đệ Nhất.

Anh buồn quá, anh ta nói mà trông chẳng buồn chút nào. Ở làng anh, Juno là vô địch, nhưng lũ gà ở đây khỏe và xấu xí, nếu anh để nó chơi thì Juno sẽ chết mất. Vì thế anh sẽ mang nó về nhà và bảo là nó đã thắng. Otilie, em muốn hít một hơi thuốc không?

Cô hắt hơi một cách khoan khoái. Thuốc lá làm cô nhớ về thời thơ bé, bao nhiêu năm trôi qua, nỗi nhớ quê vẫn chạm vào cô như chiếc đũa thần từ xa xôi. Royal, cô nói, dừng lại một phút đi, em muốn cởi giày ra.

Royal không có giày, đôi chân trần màu vàng rờn của anh mảnh mai và nhẹ nhõm, để lại trên đường những vết chân như dấu vết của một con thú xinh đẹp. Anh ta nói: Làm sao mà anh lại tìm thấy em ở đây nhỉ, giữa cả cái thế giới chẳng có gì tốt đẹp, rượu thì dở, người thì trộm cắp. Tại sao anh lại thấy em ở đây nhỉ, Otilie?

Vì em phải kiếm sống, cũng giống như anh vậy, và ở đây có chỗ cho em. Em làm ở - ồ, kiểu như là khách sạn.

Gia đình anh có nhà riêng. Phía bên kia đồi, trên đỉnh đồi là ngôi nhà mát mẻ của anh. Otilie, em đến ngồi chơi nhé?

Điên, Otilie nói, trêu anh, điên, rồi cô chạy giữa đám cây và anh đuổi theo cô, cánh tay vươn ra như kéo lưới. Con gà Juno xòe cánh, gáy lên và bay xuống đất. Rêu mịn như nhung và những chiếc lá gai vào lòng bàn chân Otilie khi cô chạy xuyên qua những bóng râm đậm nhạt, đôi khi qua cả một bức màn cây dương xỉ cầu vồng mà cô cảm nhận được gai của nó đâm vào gót chân mình. Cô nhắm mắt khi Royal nhổ cái gai ra và hôn vào chỗ đó, môi anh chuyển tới bàn tay cô, lên cổ cô, và cô như chiếc lá bị cuốn bay đi. Cô hít hương thơm của anh, cái mùi tinh khiết, mơ hồ như rễ cây phong lữ hay những cây đại thụ.

Thôi đủ rồi, cô nài nỉ, mặc dù vẫn chẳng thấy thế chút nào: đây là sau một tiếng với anh làm tim cô kiệt sức. Rồi anh im lặng, cái đầu đầy tóc ngã trên chỗ tim cô buồn buồn, cô xuyt lũ muỗi xúm vào đôi mắt ngủ say của anh, xuyt con Juno đang nghênh ngáo ngựa cổ gáy lên trời.

Trong khi nằm đó, Otilie nhìn thấy kẻ thù cũ của mình, bọn ong. Lặng lẽ, xếp hàng như kiến, lũ ong chui ra chui vào từ một gốc cây nứt vỡ cách cô không xa. Cô từ từ nhích ra khỏi cánh tay Royal, dọn chỗ đặt đầu anh xuống đất. Tay cô run rẩy đặt vào giữa lối đi của bọn ong, nhưng con đầu tiên đã đến, ngã chúi vào lòng bàn tay cô, và khi cô nắm các ngón tay lại, nó chẳng nhúc nhích để đốt cô. Cô đếm đến mười cho chắc ăn rồi xòe tay ra, con ong bay một vòng xoắn ốc lên không trung với tiếng vo ve vui như đang hát.

Bà chủ nhà cho Baby và Rosita một lời khuyên: cứ kệ nó, để nó đi, một vài tuần nó sẽ về. Bà chủ nói với vẻ bình tĩnh nhẫn nhục: để giữ Otilie với mình, bà đã để nghị cho cô căn phòng tốt nhất trong nhà, một cái răng vàng, một cái máy Kodak, một cái quạt điện, nhưng Otilie không hề dao động, cô đã đi ngay khi bỏ hết đồ đạc của mình vào một cái thùng giấy bồi. Baby định giúp nhưng chị ta khóc đến nỗi Otilie phải ngăn lại: nước mắt rơi xuống đồ hồi môn của cô dâu là điềm xui. Và cô nói với Rosita: Rosita, chị phải mừng cho em thay vì cứ đứng vịn tay như thế chứ.

Chỉ hai hôm sau buổi chơi gà, Royal đã vác cái thùng giấy bồi của Otilie lên vai và bước cùng cô vào bóng chiều chạng vạng, đi lên núi. Khi biết rằng cô không còn ở Champs Elysées nữa, nhiều khách hàng đã chuyển sang chỗ khác; những người khác, vẫn trung thành với chốn cũ thì phàn nàn vì bầu không khí u ám: có những buổi tối gần như chẳng có ai buồn mua một chai bia cho các cô. Dần dần, mọi người bắt đầu nghĩ chắc Otilie sẽ không quay về nữa; sau sáu tháng thì bà chủ nói: con bé chắc đã chết rồi.

Nhà của Royal giống như một ngôi nhà hoa: cây đậu tía phủ trên mái, nho buông rèm che cửa sổ, hoa huệ tây nở bên cửa ra vào. Từ cửa sổ nhìn ra, có thể thấy biển mờ mờ, lấp lánh xa xa, vì ngôi nhà ở trên đỉnh đồi, nắng chói bóng nhưng bóng râm thì mát lạnh. Trong nhà luôn tối tối và mát mẻ, tường nhà sột soạt những tờ báo xanh và hồng dán lên. Chỉ có đúng một phòng; có một cái bếp lò, một cái gương kê bấp bênh trên chiếc bàn đá hoa cương, và một cái giường bằng đồng đủ rộng cho ba người đàn ông béo.

Nhưng Ottilie không ngủ trên cái giường lớn này. Thậm chí cô còn không được phép ngồi lên nó, vì nó là tài sản của bà Royal, cụ Bonaparte. Đen chấy, chậm chạp, chân cong như chú lùn, và trọc lốc như đầu con ó, cụ Bonaparte là một thầy pháp chuyển làm bùa ngải, được kính nể trong vùng hàng dăm quanh đây. Rất nhiều người sợ bị bóng cụ ám lên; ngay cả Royal cũng thận trọng với bà, anh lấp bấp khi báo với bà mình đưa một cô vợ về nhà. Ra hiệu cho Ottilie lại gần, bà già làm thâm tím khắp người cô bằng những cái véo nhỏ mà đau điếng, rồi tuyên bố với cháu trai là cô dâu quá gầy: Con bé sẽ chết ngay trong lần đầu.

Hàng đêm, đôi trẻ chờ đến khi họ nghĩ là cụ Bonaparte đã ngủ để làm tình. Đôi khi, nằm duỗi trên ổ rơm dưới ánh trăng soi nơi hai người ngủ, Ottilie chắc chắn rằng cụ Bonaparte đang thức và quan sát họ. Một lần, cô thấy một con mắt nhấp nhem, đầy tham vọng sáng lên trong bóng tối. Phàn nàn với Royal chẳng ích gì, anh chỉ cười phá lên: Một bà già đã thấy quá nhiều trong đời muốn xem thêm tí ti nữa thì có hại gì đâu?

Vì yêu Royal, Ottilie dẹp mối bất bình và cố không bực tức với cụ Bonaparte. Suốt một thời gian dài, cô thấy hạnh phúc, chẳng hề nhớ nhung các bạn bè hay cuộc sống của mình ở Port-au-Prince; nhưng dù sao, cô vẫn giữ rất cẩn thận các vật kỷ niệm từ những ngày tháng đó: với cái giỏ khâu vá Baby tặng cô như quà cưới, cô vá lại những chiếc váy lụa, cặp vớ lụa màu xanh lục mà giờ cô chẳng mặc nữa, vì không có chỗ nào để mà diện chúng: chỉ có đàn ông tụ họp với nhau trong quán cà phê ở làng và bãi chơi gà. Đàn bà thì gặp nhau ở tuổi để giặt giũ. Nhưng Ottilie quá bận bịu để cảm thấy đơn độc. Rạng sáng, cô đi gom lá bạch đàn để nhóm lửa và nấu ăn cho cả nhà; cho lũ gà ăn, vắt sữa dê, rồi cụ Bonaparte rên rỉ đòi chú ý. Ba hoặc bốn lần trong ngày, cô đổ một xô đầy nước uống và xách nó xuống chỗ Royal làm ở ruộng mía cách nhà một dặm. Cô không bực nếu những lúc đi thăm đó Royal cục cằn với mình: cô biết anh phải tỏ vẻ trước đám đàn ông khác đang làm việc trên đồng, họ cười nham nhở với cô như quả dưa hấu vỡ toác. Nhưng ban đêm, khi có anh ở nhà, cô kéo tai anh, hờn dỗi rằng anh đã đối xử với cô như con chó, tới khi trong bóng tối của chiếc sân, nơi đom đóm lập lờ, anh ôm cô và thì thầm điều gì đó làm cô mỉm cười.

Họ cưới nhau được năm tháng thì Royal bắt đầu làm những việc mà anh vẫn làm trước khi có vợ. Đám đàn ông đến quán cà phê vào buổi tối và ở đó cả ngày Chủ nhật ở đám chơi gà - anh không hiểu vì sao Ottilie lại mề nheo về chuyện đó; nhưng cô nói anh không có quyền cư xử như anh đã làm, rằng nếu yêu cô; anh không thể bỏ mặc cô ở nhà một mình suốt ngày đêm với một bà già xấu tính như thế. Anh yêu em, nhưng đàn ông thì cũng phải làm điều mình thích. Có những đêm anh làm điều mình thích đến khi trắng lên giữa trời; cô không biết khi nào thì anh về nhà, và cô nằm tằm tức trong ổ rơm, tưởng tượng mình không thể ngủ được thiếu vòng ôm của anh.

Nhưng cụ Bonaparte là một cực hình thật sự. Cụ gần như làm Ottilie căng thẳng phát điên. Nếu Ottilie đang nấu ăn, thế nào cụ già tai quái cũng chọc ngoáy xung quanh cái bếp lò, và khi không thích món đang ăn, cụ ngậm đầy một mồm rồi phun nó ngay lên sàn. Cụ giở tất cả các trò phá phách mà cụ có thể nghĩ ra được: đá ra giường, nâng nặc đôi dưa con dê vào trong phòng, cụ sờ đầu hồng đầy rồi lại phàn nàn với Royal là đàn bà mà không biết giữ nhà cửa đẹp để cho chồng thì là thứ bỏ đi. Cụ bầy hầy chơi xấu cả ngày, và cặp mắt đỏ đọc, tàn nhẫn của cụ hiếm khi nhắm lại; nhưng điều tồi tệ nhất, điều cuối cùng làm Ottilie kinh hãi muốn giết quách cụ đi, là thói quen của cụ già cứ lén lút nhô ra từ đâu đó và cấu véo cô thật lực đến mức hằn lại những vết móng tay. Nếu bà còn làm thế một lần nữa, nếu bà dám, tôi sẽ vồ lấy dao và xéo tim bà đấy! Cụ Bonaparte biết Ottilie nói thật, và dù thôi cấu véo, cụ lại nghĩ ra trò khác: ví dụ, cụ cố tình đi dạo ở một khoảng nhất định trong sân, vỗ như không biết đấy là chỗ Ottilie đang làm vườn.

Một hôm, có hai chuyện bất thường xảy ra. Một thằng bé từ làng lên, mang cho Ottilie một bức thư; ở Champs Elysées thỉnh thoảng cô cũng nhận được bưu thiếp từ các thủy thủ hoặc những lữ khách đã có thời gian vui vẻ với cô gửi đến, nhưng thư thì đây là cái đầu tiên. Vì cô không biết đọc, nên phản ứng đầu tiên của cô là định xé nó đi: giữ lại chỉ tổ bị nó ám ảnh. Nhưng cũng có khả năng một ngày cô có thể học để đọc; vì thế cô bèn giấu nó vào trong giỏ đồ khâu của mình.

Khi mở giỏ đồ khâu ra, cô phát hiện ra một điều rùng rợn: trong đó, như một trái bóng kính hoàng của kẻ bịa đặt, là cái đầu gớm ghiếc của con mèo vàng. Chà, cụ già khốn nạn lại nghĩ ra trò mới! Bà ta muốn ém mình đây, Ottilie nghĩ, không mấy may sợ hãi. Cô nghiêm nghị xách tai cái đầu mèo lên, mang ra bếp và thả nó vào cái nồi đang sôi: buổi chiều, cụ Bonaparte hít hà và nhận xét là món súp hôm nay Ottilie nấu cho cụ ngon lạ lùng.

Sáng hôm sau, vừa đứng trước bữa cơm trưa, cô tìm thấy một con rắn xanh khoanh tròn trong giỏ của mình, thế là cô bằm nhỏ nó ra như cám rồi rắc vào nồi hầm. Ngày nào cô cũng có dịp trở tài: nướng nhện, rán thần lằn, hay luộc cả một con chim ó. Cụ Bonaparte chén gần sạch tất cả các thứ. Đôi mắt hấp háy không yên của cụ theo dõi Ottilie xem có dấu hiệu đã trúng bùa chưa. Trông cháu không khỏe lắm nhỉ Ottilie, cụ nói, tẩm tí đường vào cái giọng chua như dấm của mình. Cháu ăn như kiến nhấm ầy: đây, sao cháu không ăn một bát súp ngon này đi?

Là vì, Ottilie trả lời giọng đều đều, cháu không thích ăn súp ó; hay nhện kẹp bánh mì, rắn hầm: cháu không khoái mấy thứ đó.

Cụ Bonaparte hiểu; máu dồn ứ các tĩnh mạch, lưỡi dờ ra bất lực, cụ run rẩy cố đứng lên rồi ngã vật xuống bàn. Chiều hôm ấy cụ chết.

Royal mời những người khóc muộn đến. Họ là dân trong làng, hoặc ở đồi bên cạnh, rên rỉ như chó tru đêm, họ vây lấy ngôi nhà. Các bà già đập đầu vào tường, đàn ông nằm phục xuống khóc than: thật là một nghệ thuật đau thương, và người khóc giỏi nhất được ngưỡng mộ. Sau đám tang ai về nhà nấy, hỉ hả là mình đã làm một việc thiện.

Giờ thì ngôi nhà thuộc về Ottilie. Không bị cụ Bonaparte soi mói hay phải dọn các thứ cụ bày ra nữa, cô có nhiều thời gian rảnh rỗi hơn nhưng chẳng biết làm gì với nó. Cô nằm ườn ra trên chiếc giường đồng mênh mông, lưỡi nhác soi gương, đầu cô âm ư một điệu nhảm chán, để xua đuổi tiếng vo ve như muỗi kêu ầy đi, cô hát những bài mà mình học được từ chiếc máy quay đĩa ở Champs Elysées. Ngồi chờ Royal trong ánh chiều chạng vạng, cô nhớ giờ này bạn bè mình ở Port-au-Prince đang tán chuyện trên hiên nhà và đợi một chiếc ô tô nháy đèn rẽ vào; nhưng khi nhìn thấy Royal thông thả đi lên, con dao chặt mía đựng đưa bên hông như mảnh trăng lưỡi liềm, cô quên sạch những ý nghĩ đó và hân hoan chạy ra đón chồng.

Một đêm trong lúc họ nằm thiu thiu ngủ, Ottilie chợt cảm thấy có ai đó trong phòng. Rồi, lóe lên ở chân giường, cô nhìn thấy, như đã thấy hồi trước, một con mắt quan sát; thế là cô biết cái điều mà đôi khi mình vẫn ngờ vực: cụ Bonapart đã chết nhưng chưa đi khỏi. Một lần, khi cô ở nhà một mình, cô nghe thấy tiếng cười, và một lần nữa ở ngoài sân, cô thấy con dê nhìn chăm chăm vào một ai đó vô hình và vẩy tai như nó vẫn làm mỗi khi cụ già gãi cái đầu của nó.

Đừng có rung giường nữa, Royal nói, và Ottilie giơ ngón tay chỉ vào con mắt, thì thào hỏi anh có thấy nó không. Khi anh trả lời rằng cô đang mơ ngủ, cô vươn tay ra chụp con mắt và rú lên vì chẳng thấy gì ngoài không khí. Royal chầm đèn lên; anh ôm cô trên đùi mình, vuốt ve tóc cô trong khi Ottilie kể với anh về những thứ cô phát hiện ra trong giỏ đồ khâu của mình và cô đã tổng khứ chúng đi như thế nào. Làm thế có gì sai không? Royal không biết, không nói ra, nhưng anh nghĩ chắc cô đang bị trừng phạt; và vì sao ư? Vì bà già muốn thế, vì bà sẽ chẳng bao giờ để Ottilie yên, theo cách của các hồn ma ám ảnh.

Theo đúng phép, sáng hôm sau Royal lôi ra một cái dây thừng và đề nghị trói Ottilie vào một cái cây trong vườn, cô sẽ phải ở đấy đến tối, không được ăn uống gì, và ai đi qua cũng có thể thấy cô đang bị làm nhục.

Nhưng Ottilie quằn quại dưới chân giường nhất định không chịu ra. Em sẽ bỏ đi, cô thút thít. Royal, nếu anh cứ cố trói em vào cây, em sẽ trốn đi.

Thế thì anh sẽ đi tìm bằng được em, Royal nói, và đó sẽ là điều tồi tệ nhất cho em.

Anh tóm lấy khuỷu tay cô và kéo lê cô đang gào thét ở dưới chân giường. Trên đường ra vườn, cô tóm lấy bất kỳ thứ gì, cái cửa, cây nho, chòm râu của con dê, nhưng chẳng ăn thua gì; và Royal trói cô vào cây chẳng khó khăn gì. Anh thắt đến ba nút thừng rồi bỏ đi làm, vừa đi vừa mút những vết cô cắn trên tay mình. Ottilie gào lên chửi anh bằng đủ thứ từ ngữ xấu xa nhất mà cô từng nghe cho đến khi anh đi khuất sau ngọn đồi. Con dê, Juno và lũ gà túm tụm lại giường mắt nhìn sự nhục nhã của cô; súp xuống dưới đất, Ottilie thè lưỡi ra với chúng.

Vì đang ngủ gà gật, Ottilie tưởng mình đang mơ khi nhìn thấy cùng đi với một đứa trẻ trong làng là Baby và Rosita, lóc cóc giày cao gót, xách ô điệu đà, loạng choạng đi lên trên con đường và gọi tên cô. Vì là người trong mơ, chắc họ cũng không lấy làm ngạc nhiên khi thấy cô bị trói vào cây.

Chúa ơi, em bị điên à? Baby kinh hoàng, đứng cách một quãng như sợ rằng quả đúng thế thật. Nói gì với bọn chị đi, Ottilie!

Nháy mắt, cười khúc khích, Ottilie nói: Em chỉ vui quá vì được gặp các chị thôi. Rosita, cởi trói cho em đi để em ôm hai chị nào.

Cái thằng vũ phu ấy đã làm thế à, Rosita nói, giật mạnh cái thùng. Chờ đến khi chị bắt gặp nó đánh em rồi trói em vào cây như con chó thế này!

Ồ không, Ottilie nói. Royal không bao giờ đánh em. Chỉ mỗi hôm nay em bị trừng phạt thôi.

Em không chịu nghe lời bọn chị, Baby bảo. Và bây giờ em thấy chưa. Thằng đó sẽ có nhiều cái phải giải thích đấy, cô nói thêm, vung cái ô lên.

Ottilie ôm ghì lấy các bạn và hôn họ. Nhà xinh không chị? Cô nói, đưa họ về phía nhà. Cứ như là hái một xe bò đầy hoa rồi lấy hoa xây nhà ấy, em nghĩ thế. Các chị vào đi cho đỡ nắng. Trong này mát mẻ và thơm lắm.

Rosita khịt mũi ra vẻ chẳng thấy mùi gì thơm cả, nhưng một giọng nói từ sâu thẳm bảo cô rằng có, rằng tốt hơn hết là họ đứng đứng ngoài nắng, chắc hẳn nó đã từng thuyết phục trong đầu Ottilie như thế.

Thật may mắn mà bọn chị tới đây được, Baby vừa nói vừa lục tìm trong cái ví to tướng. Và em có thể cảm ơn ông Jamison về chuyện đó. Bà chủ bảo em chết rồi, và vì em chẳng bao giờ trả lời thư của bọn chị nên bọn chị cũng tưởng thế thật. Nhưng ông Jamison, cái ông dễ thương nhất mà em từng quen ấy, ông ấy thuê một chiếc xe cho chị và Rosita, hai người bạn thân nhất của em để lên đây xem chuyện gì đã xảy ra với Ottilie của chúng ta. Ottilie, chị có một chai rượu rum trong túi đây, tìm cái ly và chúng mình làm một chén nào.

Kiểu cách ngoại quốc thanh lịch và trang sức lấp lánh của các quý cô ở tỉnh làm cậu bé dẫn đường mê mẩn cứ thập thò ghé mắt nhìn trộm qua cửa sổ. Ottilie cũng bị ấn tượng, vì đã lâu lắm rồi cô mới nhìn thấy môi tô son hay ngửi mùi nước hoa, và khi Baby rót rượu, cô lúi cúi giày satanh và hoa tai ngọc trai của mình ra. Em yêu ơi, Rosita nói khi Ottilie thay đồ xong, không có người đàn ông nào trên đời có thể không mua cho em cả két bia; nghĩ mà xem, một báu vật như em mà lại bị đẩy ải xa khỏi những người yêu mình.

Em có bị dày ải gì mấy đâu, Ottilie nói. Chỉ thỉnh thoảng thôi.

Im nào, Baby nói. Em chưa cần phải nói đến chuyện đó. Dù sao nó cũng qua rồi. Đây, em yêu, cho chị xem cái ly của em nào. Mừng ngày xưa, và những ngày sắp tới! Tối nay ông Jamison sẽ mua sâm banh cho tất cả mọi người: Bà chủ sẽ bán cho ông ấy bằng nửa giá thôi.

Ồ, Ottilie nói, ghen tị với các bạn. Chà, cô muốn biết, mọi người nói gì về mình, có nhớ đến cô không?

Ottilie, em không thể tưởng được đâu, Baby nói; kể cả những ông mà hồi trước chẳng ai để mắt đến cũng tìm đến hỏi Ottilie giờ ở đâu, vì họ nghe về em từ tận Havana và Miami. Và ông Jamison ấy à, ông ấy thậm chí chẳng nhìn đến bọn chị mà chỉ đến và ngồi trên hiên uống một mình.

Đúng đấy, Ottilie nói với vẻ nuối tiếc. Ông ấy lúc nào cũng rất dịu dàng với em, ông Jamison.

Chẳng mấy chốc mặt trời xế bóng, chai rum cạn hết ba phần tư. Một cơn mưa to thành lành trút xuống một lúc, khiến những ngọn đồi lúc này, nhìn qua cửa sổ, lung linh như cánh chuồn chuồn, và một cơn gió ẩm hương hoa trong mưa ùa vào phòng làm xào xạc những tờ báo xanh hồng trên tường. Rất nhiều chuyện để kể, có chuyện vui, vài chuyện buồn, giống như những tối tán gẫu ở Champs Elysées; và Ottilie rất sung sướng lại được góp giọng.

Nhưng mà muộn rồi, Baby nói. Và bọn chị đã hứa là sẽ về trước nửa đêm. Ottilie, bọn chị có thể giúp em đóng gói đồ không?

Dù không nhận ra là các bạn tưởng mình sẽ đi cùng, nhưng rượu rum ngây ngất khiến cô thấy ý tưởng đó có vẻ hay; mỉm cười, cô nghĩ: Mình đã bảo anh ấy là mình sẽ trốn đi mà. Chỉ có điều, cô nói to lên, chắc em sẽ không được nổi một tuần để hưởng sướng một mình đâu, Royal sẽ đuổi theo ngay và bắt em.

Hai cô bạn cười phá lên vì ý tưởng đó. Em ngốc quá, Baby nói. Chị thích nhìn thấy Royal bị đám đàn ông chỗ mình xử lý lắm.

Em không cho phép bất kỳ ai làm đau Royal đâu, Ottilie nói. Hơn nữa, nếu chúng em quay về nhà thì anh ấy càng điên nữa.

Baby đáp: Nhưng, Ottilie, em sẽ không quay về đây với nó nữa.

Ottilie cười khúc khích, nhìn quanh nhà như đang thấy một cái gì đó vô hình mà các bạn không thấy. Tại sao chứ, chắc chắn là em sẽ về, cô nói.

Baby trợn ngược mắt, rút quạt ra xĩa vào mặt cô. Đây là chuyện điên rồ nhất chị từng nghe đấy, cô nói qua làn môi khắc nghiệt. Đây có phải là chuyện điên rồ nhất chị từng nghe không hả Rosita?

Là vì Ottilie phải chịu đựng quá nhiều đấy mà, Rosita đáp. Em yêu, sao em không nằm xuống giường nghỉ ngơi trong khi bọn chị gói đồ cho em?

Ottilie nhìn họ bắt đầu xếp cửa nỉ của cô. Họ gom lược và chải đầu, quần đôi tất lụa của cô lại. Cô cởi bộ đồ đẹp để đang mặc, như thể định diện cái gì đó còn đẹp hơn; nhưng thay vào đó, cô chui vào cái váy cũ của mình, rồi lặng lẽ, như thể đang giúp các bạn, cô đặt tất cả các thứ trở về chỗ của nó. Baby giậm chân khi thấy cái gì đang diễn ra.

Nghe này, Ottilie nói. Nếu chị và Rosita là bạn em, thì xin chị cứ làm như em nói: trói em ở trong vườn y như lúc trước các chị đến. Cách đó thì ông sẽ không đốt em được.

Say bét nhè rồi, Baby đáp; nhưng Rosita bảo cô im đi. Chị nghĩ, Rosita thở dài nói, chị nghĩ Ottilie đang yêu. Nếu Royal muốn nó về, nó sẽ đi với cậu ta, và nếu như thế thì họ nên về nhà và nói rằng Bà chủ đúng, Ottilie đã chết.

Phải đấy, Ottilie nói về cái bi kịch liên quan đến mình. Bảo họ rằng em đã chết.

Thế là họ đi vào vườn; ở đó, ngực phập phồng và mắt tròn xoe như vàng trắng ban ngày đang lướt trên cao, Baby nói mình sẽ không tham gia trói Ottilie vào cây đâu, cho nên Rosita phải làm một mình. Lúc chia tay, Ottilie khóc nhiều nhất dù cô mừng khi thấy họ đi, vì cô biết ngay khi họ vừa khuất bóng, cô sẽ không nghĩ về họ nữa. Loạng choạng trên giày cao gót trèo xuống núi, họ quay lại vẫy vẫy, nhưng Ottilie không thể vẫy lại, vì thế cô quên họ trước cả khi họ ra khỏi tầm mắt.

Nhai lá bạch đàn cho thơm miệng, cô cảm thấy cái lạnh buổi chiều thấm trong không khí. Ráng vàng nhàn chìm vàng trắng ban ngày. Những con chim tìm đường về tổ xuyên qua bóng tối của vòm cây. Đột nhiên, nghe tiếng Royal trên đường, cô để chân mình xoải ra, cổ ngoẹo rũ xuống, mắt nhắm nghiền lại. Nhìn từ xa, trông cô giống như đang chịu một kết cục tàn bạo, thương tâm; và nghe tiếng chân Royal hối hả thành tiếng chạy, cô sung sướng nghĩ: thế này sẽ cho anh ấy một mẻ sợ đáng đời.

images

Từ phải sang: Truman Capote cùng ca sĩ Pearl Bailey (diễn viên chính vở nhạc kịch Nhà hoa) và diễn viên Gloria Vanderbilt

4 tháng Tư 1955.

10. Chương 10

CÂY ĐÀN GUITAR KIM CƯƠNG

Từ thị trấn gần nhất đến trại tù cũng phải cách đến hai mươi dặm. Giữa hai đầu là bạt ngàn rừng thông, nơi họ phải lao động khổ sai bằng cách cạo mủ lấy nhựa thông. Nhà tù cũng ở ngay trong rừng. Bạn sẽ thấy nó cuối đường mòn đất đỏ, với những dây thép gai tua tủa ngoằn ngoèo như dây leo quấn khắp các bức tường. Trong đó có một trăm linh chín người da trắng, chín mươi bảy người Phi, người Tàu và các sắc dân khác. Có tòa hai nhà lớn để làm chỗ ngủ, xây bằng gỗ còn tươi, mái trải nhựa đường. Đám da trắng ở một nhà. Dân Phi, Tàu và các nơi khác ở nhà kia. Mỗi nhà đều có một cái bếp lò lớn, hình cái bình phình

ra, nhưng mùa đông ở đây rất lạnh, và đêm đến dưới ánh trăng soi rét mướt, những cây thông băng giá đù đưa, đám đàn ông nằm đơ trên cái giường sắt của mình, trắng mắt nhìn ánh lửa bập bùng trong bếp lò.

Những người có giường gần lò sưởi nhất là nhân vật quan trọng - đáng ngưỡng mộ hoặc đáng sợ. Ông Schaeffer là một trong số đó. Ông Schaeffer - ông thường được gọi như thế, dấu hiệu của sự kính nể đặc biệt - gầy lòng không và quá khổ. Tóc ông bạc và đỏ quạch, gương mặt khắc khổ và ngoan đạo, ông chẳng có tí thịt nào, có thể thấy xương ông chuyển động, còn đôi mắt thì mờ đục. Ông biết đọc biết viết, và có thể điền cả một cột số. Ai nhận được thư cũng mang đến cho Ông Schaeffer. Đa số các bức thư đều buồn bã, than phiền; Ông Schaeffer thường thêm thắt những tin vui và không đọc những gì viết trên trang giấy. Trong nhà giam có hai người khác cũng biết đọc. Thậm chí một trong hai người cũng mang thư của mình đến cho Ông Schaeffer, người có nghĩa vụ không bao giờ đọc sự thật. Bản thân Ông Schaeffer chẳng có thư, ngay cả vào Lễ Giáng sinh; hình như ông không có bạn bè ngoài nhà tù, mà thực ra ở đây ông cũng không có nốt - nghĩa là bạn theo nghĩa đặc biệt. Điều này thì không phải lúc nào cũng đúng.

Một ngày Chủ nhật mùa đông vài năm trước, Ông Schaeffer đang ngồi trên cầu thang nhà giam đeo một con búp bê. Món này thì ông khá có hoa tay. Búp bê ông tạc từng bộ phận một, rồi nối chúng với nhau bằng mẩu dây thép; chân tay nó chuyển động, đầu lắc lư. Khi ông làm xong chừng một tá búp bê, Giám đốc trại mang chúng xuống thị trấn và bán ở một cửa hàng tổng hợp. Ông Schaeffer kiếm tiền mua kẹo và thuốc lá bằng cách này.

Chủ nhật đó, khi ông đang ngồi gọt những ngón tay cho một bàn tay xinh xinh thì một chiếc xe tải chạy vào sân nhà tù. Một thằng bé bị còng tay gửi đến Giám đốc trại, trèo ra khỏi chiếc xe và đứng chộp mắt dưới mặt trời mùa đông chợt hiện ra ma quái. Ông Schaeffer chỉ liếc mắt nhìn nó. Ông đã năm mươi tuổi và sống mười bảy năm trong trại. Một tù nhân mới đến chẳng lạ lẫm gì với ông. Chủ nhật là ngày nghỉ trong trại, những người đàn ông khác đang đứng ủ rũ trong sân xúm lại quanh chiếc xe tải. Sau đó, Cuốc Chim và Củ Lạc tạt vào nói chuyện với Ông Schaeffer.

Cuốc Chim bảo: “Thằng đó là người nước ngoài, thằng mới đến ấy. Người Cuba. Nhưng mà tóc vàng.”

“Một tay dao đấy, Sếp nói thế,” Củ Lạc nói, hắn ta cũng là một tay dao. “Cắt gọn một thủy thủ ở Mobile.”

“Hai thủy thủ,” Cuốc Chim nói. “Chỉ là đánh nhau ở quán cà phê thôi. Nó cũng có làm bọn kia đau gì đâu.”

“Cắt tai người mà ông bảo không đau à? Họ cho nó bóc lịch hai năm, Sếp bảo thế.”

Cuốc Chim nói, “Nó có một cái guitar gắn dây đá quý.”

Trời tối quá không làm được nữa. Ông Schaeffer chấp các mẩu của con búp bê vào với nhau, và nắm hai cái tay bé xíu, ông để nó lên đầu gối mình. Ông cuộn một điếu thuốc, những cây thông xanh biếc lên trong ánh hoàng hôn, khói từ điếu thuốc của ông nán nã vờn trong không khí lạnh và tối dần. Ông nhìn thấy ngài Giám đốc đi qua sân. Tù nhân mới, một thằng nhóc tóc vàng đi cách một quãng phía sau. Nó mang một cái đàn guitar khảm dây kim cương thủy tinh sáng lấp lánh như sao, bộ đồng phục mới quá rộng cho nó, trông như bộ đồ ngày Halloween.

“Một đứa cho anh này, Schaeffer,” ông Giám đốc nói, dừng bước ở cầu thang nhà giam. Giám đốc không phải là người nghiêm khắc, thỉnh thoảng ông ta còn mời Ông Schaeffer vào văn phòng mình và họ trò chuyện với nhau về những chuyện đọc được trên báo. “Tico Feo”, ông ta nói như thể đó là tên một con chim hay bài hát, “đấy là Ông Schaeffer. Thích ông ấy đi, chú mày sẽ ổn.”

Ông Schaeffer ngược nhìn thằng bé và mỉm cười. Ông cười với nó lâu hơn chủ định, vì đôi mắt thằng bé như một mảng trời - xanh biếc như chiều mùa đông - và tóc nó vàng rực như rằng ông Giám đốc. Nó có một khuôn mặt hoàn toàn đáng yêu, lanh lợi, thông minh; và nhìn nó, Ông Schaeffer nghĩ đến nghĩ hè và những tháng ngày tốt đẹp.

“Trông nó như em gái cháu ấy” Tico Feo nói, chạm vào con búp bê của Ông Schaeffer. Giọng nó với ngữ điệu Cuba êm ái và ngọt lịm như chuối. “Nó cũng ngồi trên đầu gối cháu.”

Ông Schaeffer đột nhiên ngưng ngưng. Khom người trước Giám đốc, ông đi khỏi chỗ ngồi, bước vào góc tối trong sân. Ông đứng đó, thì thầm tên những vì sao buổi tối trong khi chúng nở thành hoa tím trên cao. Những vì sao là niềm vui của ông, nhưng tối nay chúng không giúp gì được, chúng không làm ông nhớ rằng

những cái xảy đến với chúng ta trên trái đất này thật vô nghĩa giữa ánh sáng bất tận của sự vĩnh cửu. Nhìn vào những vì sao, ông lại nghĩ đến cây đàn gắn đá quý và ánh sáng nhấp nháy trần tục của nó.

Có thể nói rằng cả đời Ông Schaeffer chỉ làm mỗi một việc thật sự xấu: giết một người đàn ông. Hoàn cảnh dẫn đến hành động đó không quan trọng lắm, trừ việc nó nói lên rằng gã đàn ông ấy đáng chết và do đó mà Ông Schaeffer phải chịu án chín mươi chín năm thêm một ngày. Suốt một thời gian dài, thực ra là trong nhiều năm, ông chẳng còn nhớ trước khi vào trại mình đã sống thế nào. Ký ức của ông về thời đó giống như một ngôi nhà chẳng còn ai sống và đồ đạc thì đã mục nát hết rồi. Nhưng đêm nay dường như có những ngọn đèn được thắp lên trong tất cả các căn phòng u ám chết chóc. Nó bắt đầu xảy ra ngay khi ông nhìn thấy Tico Feo bước qua hoàng hôn với cây đàn guitar rực rỡ của cậu. Cho tới phút đó, ông đã không cảm thấy đơn độc. Giờ đây, ý thức được sự cô đơn của mình, ông như sống lại. Ông đã không muốn phải sống. Sống để mà nhớ những nhánh sông nâu nơi lũ cá bơi lội và nắng mặt trời trên tóc một người đàn bà.

Ông Schaeffer lắc lắc đầu. Ánh sáng chói của sao trời làm mắt ông nhòe nước.

Nhà giam thường là một nơi chán ngắt, ôi oai mùi đàn ông và khắc nghiệt với ánh sáng trần trụi của hai bóng đèn điện. Nhưng Tico Feo tới như mang đến căn phòng giá lạnh một chút gì nhiệt đới, vì khi Ông Schaeffer trở về sau khi ngắm sao, ông bước ngay vào một cảnh tượng thật hoang dại và lóa mắt. Ngồi bắt chéo chân trên giường, Tico Feo đang gảy đàn guitar với những ngón tay dài điêu luyện và hát một bài hát nghe vui như tiếng bạc rơi. Mặc dù bài hát bằng tiếng Tây Ban Nha, vài người vẫn cố hát theo cậu, còn Cuộc Chim và Củ Lạc đang nhảy với nhau. Charlie và Wink cũng nhảy, nhưng riêng rẽ. Nghe cánh đàn ông cười phá lên thật dễ chịu và khi cuối cùng Tico Feo buông cây guitar xuống, Ông Schaeffer là một trong số những người chúc mừng cậu.

“Cậu xứng với cây guitar đẹp như vậy” ông nói.

“Là guitar kim cương đấy” Tico Feo đáp, vẽ ngón tay lên lớp bọc lóa mắt như trên sân khấu của nó. “Một lần cháu có một cái khảm ruby. Nhưng nó bị đánh cắp mất. Ở Havana, chị cháu làm ở, nói thế nào nhỉ, nơi chế tạo guitar, cho nên cháu mới có cái này.”

Ông Schaeffer hỏi cậu có nhiều chị em không, và Tico Feo cười toe toét giơ bốn ngón tay. Rồi cặp mắt xanh của cậu nheo lại thèm khát, cậu hỏi, “Bác ơi, bác có thể cho cháu con búp bê cho hai em gái cháu được không?”

Tối hôm sau, Ông Schaeffer mang cho cậu mấy con búp bê. Sau đó, ông thành bạn tốt nhất của Tico Feo và họ luôn ở bên nhau. Lúc nào họ cũng nghĩ đến nhau.

Tico Feo đã mười tám và làm việc hai năm trên một con tàu chở hàng ở Caribê. Hồi còn nhỏ, cậu đến trường với các xơ và cậu đeo một cây thánh giá vàng trên cổ. Cậu cũng có cả tràng hạt. Cậu gói nó trong một cái khăn lụa màu xanh cùng với ba báu vật khác: một chai nước thơm Đêm Paris, một cái gương bỏ túi và tấm bản đồ thế giới của Rand McNally. Những thứ đó, cùng với cây guitar là tài sản duy nhất của cậu và cậu không để ai đụng vào chúng. Có lẽ cậu quý cái bản đồ nhất. Ba đêm, trước khi đèn tắt, cậu lôi cái bản đồ của mình ra và chỉ cho Ông Schaeffer những nơi cậu đã đến - Galveston, Miami, New Orleans, Mobile, Cuba, Haiti, Jamaica, Puerto Rico, quần đảo Virgin - và cả những nơi cậu muốn đến. Cậu muốn đi gần như khắp nơi, đặc biệt là Madrid hay Bắc Cực. Điều này làm Ông Schaeffer vừa thích vừa sợ. Ông đau lòng khi hình dung ra Tico trên biển khơi và những nơi xa xôi. Đôi khi ông nhìn cậu bạn của mình một cách tự ái và nghĩ “cậu là đồ lừa nhác mơ giữa ban ngày.”

Tico Feo lừa thật. Sau đêm đầu tiên đó, ngay cả chơi guitar cũng phải nài nỉ cậu. Vào sáng sớm khi lính gác đến đánh thức mọi người bằng cách nện búa lên bếp lò, Tico Feo rên rĩ như trẻ con. Đôi khi cậu vờ ốm, khóc lóc và xoa dạ dày nhưng chẳng bao giờ ăn thua vì ông Giám đốc vẫn bắt cậu ra ngoài làm việc với những người khác. Cậu và Ông Schaeffer được bố trí vào một nhóm làm ở đường quốc lộ. Nó là một công việc nặng nhọc, đào lớp đất sét đóng băng và vác những túi xộc xệch đầy đá vỡ. Lính gác luôn luôn phải quát Tico vì cậu mất thời gian cố gắng dựa dẫm chỗ này chỗ kia.

Mỗi buổi chiều, khi các xô đồ ăn tối được chuyển vòng quanh, đôi bạn ngồi cạnh nhau. Trong xô của Ông Schaeffer có vài thứ ngon lành vì ông có thể mua táo và kẹo từ thị trấn. Ông thích cho cậu bạn những thứ này vì cậu khoái chúng lắm, và ông nghĩ, “Cậu đang lớn; còn lâu cậu mới thành một người đàn ông trưởng thành.”

Không phải ai cũng thích Tico Feo. Vì họ ghen tỵ, hay vì nhiều lí do tẻ nhạt, vài người trong số họ bắt đầu kể xấu về cậu. Tico Feo có vẻ chẳng biết gì về chuyện này. Khi đám đàn ông tụ tập xung quanh, cậu chơi guitar và hát những bài hát của mình, có thể thấy cậu vẫn cảm thấy mình được yêu mến. Đa số quả có yêu quý cậu thật, họ chờ đợi và tụt vào thời gian giữa bữa tối và lúc tắt đèn. “Tico, chơi món tử của cậu đi” họ đề nghị. Họ không để ý rằng sau đó nỗi buồn còn thấm thía hơn cả trước đây. Giấc ngủ nhảy nhót trên tức họ như một con thỏ săn đêm, và mắt họ cứ khắc khoải nhìn vào ánh lửa lách tách phía sau tấm lưới bếp lò. Ông Schaeffer là người duy nhất hiểu tâm sự rắc rối ấy của họ, vì ông cũng cảm thấy thế. Chẳng phải chính cậu bạn ông đã làm hồi sinh lại những nhánh sông nâu có cá bơi lội và đàn bà với mái tóc đầm nắng đó sao.

Chẳng bao lâu Tico Feo được vinh dự có chỗ nằm gần bếp lò, gần Ông Schaeffer. Ông Schaeffer luôn biết rằng bạn mình là một tay nói dối thành thần. Ông chẳng tin chút nào vào những chuyện phiêu lưu, chinh phục hay tỉ thí với những người nổi tiếng của Feo. Thay vào đó, ông vui vẻ coi chúng như những mẩu chuyện tưởng tượng mà ta có thể đọc trên một tờ tạp chí nào đó, và ông thấy lòng mình ấm áp khi nghe cái giọng mang âm sắc nhiệt đới của bạn mình thì thầm trong bóng đêm.

Trừ mỗi việc không đụng chạm cơ thể, hoặc có ý định làm thế, điều này chẳng hiếm trong trại, thì họ cứ như một cặp tình nhân. Trong các mùa thì mùa xuân gây nhiều xáo động nhất: những chồi cây đâm xuyên qua lớp đất mùa đông cứng ngắc, lá non nhú ra trên những cành khô chết, gió như ru lướt qua màu xanh non tơ. Và với Ông Schaeffer cũng vậy; có cái gì nứt vỡ, những bắp thịt cứng đanh chợt mềm ra, thư giãn.

Đây là vào cuối tháng Một. Đôi bạn ngồi trên cầu thang nhà giam, mỗi người cầm điều thuốc trên tay. Vầng trăng mỏng và vàng như một miếng vỏ chanh uốn cong trên đầu họ, dưới ánh trăng, những đường nứt trên nền sân băng giá ánh lên như vệt đi của những con ốc bạc. Nhiều ngày nay, Tico đã thu mình lại, lặng lẽ như một tên cướp đợi chờ trong bóng tối. Bảo cậu ta “Tico, chơi món tử của cậu đi” cũng vô ích. Cậu chỉ nhìn lại bằng cặp mắt phẳng lặng, rỗng không.

“Kể chuyện gì đi,” Ông Schaeffer nói, cảm thấy căng thẳng và bất lực vì không thể kết nối với bạn mình. “Kể chuyện cháu đến đường đua ở Miami ấy.”

“Cháu chẳng bao giờ đến đường đua nào,” tự Tico Feo nói, thừa nhận sự dối trá trắng trợn nhất của mình, liên quan tới hàng trăm đô la và gặp cả Bing Crosby[1]. Cậu có vẻ bất cần. Cậu lôi ra một cái lược và sùng sĩa cào nó lên tóc mình. Vài ngày trước, cái lược này là nguyên nhân một cuộc tranh cãi nảy lửa. Một trong số những người tù, Wink tuyên bố là Tico Feo đã ăn cắp cái lược của anh ta và kẻ bị buộc tội trả lời bằng cách nhổ thẳng vào mặt Wink. Hai người quần nhau cho đến khi Ông Schaeffer và vài người khác lôi họ ra. “Lược của cháu chứ. Bác bảo hấn thế!” Tico Feo yêu cầu với Ông Schaeffer. Nhưng Ông Schaeffer điềm đạm nói không, đây không phải là chiếc lược của cậu - câu trả lời có vẻ xóa sạch mọi thắc mắc. “Chà” Wink nói, “nếu nó đã muốn cái đó đến thế thì, vì Chúa, để thẳng con hoang ấy giữ cái lược đi.” Một lát sau, bằng giọng bối rối, ngập ngừng, Tico Feo nói, “Cháu cứ tưởng bác là bạn cháu.”

“Bác vẫn là bạn cháu” Ông Schaeffer nghĩ thầm nhưng ông chẳng nói gì.

[1] Harry Lillis “Bing” Crosby (1903-1977): ca sĩ, diễn viên nổi tiếng người Mỹ.

“Cháu không đi đua xe, và chuyện cháu kể về bà góa ấy cũng không phải là sự thật” Cậu ta rít một hơi làm điều thuốc cháy rực lên rồi nhìn Ông Schaeffer với vẻ dò xét. “Bác có tiền không?”

“Chắc khoảng hai mươi đô” Ông Schaeffer ngần ngừ nói, thầm lo không biết chuyện này sẽ đi đến đâu.

“Chẳng ăn thua gì mấy, hai mươi đô,” Tico nói nhưng không có vẻ thất vọng. “Không sao, mình sẽ có cách. Ở Mobile cháu có anh bạn tên là Frederico. Anh ấy sẽ đưa chúng ta lên một cái thuyền. Sẽ không có rắc rối gì đâu,” cứ như cậu ta đang nói chuyện thời tiết trở lạnh.

Tim Ông Schaeffer thất lại, ông không nói nên lời.

“Không ai ở đây có thể chạy đuổi bắt được Tico. Cháu chạy nhanh nhất.”

“Súng đạn chạy nhanh hơn” Ông Schaeffer nói bằng giọng như sắp chết. “Bác già quá rồi” ông bảo với ý thức về tuổi tác cuộn lên như một cơn buồn nôn trong lòng.

Tico không chịu nghe. “Rồi thì, thế giới. Cả thế giới, el mundo[2] bạn ơi.” Đứng lên, cậu rùng mình như một chú ngựa tơ; mọi thứ dường như gần hơn trước mắt cậu - vầng trăng, tiếng gọi của những con cú rít

lên. Hơi thở của cậu trở nên dồn dập, tỏa khói trong không trung. “Chúng ta có nên đi Madrid không? Biết đâu có ai đó sẽ dạy cháu đấu bò. Bác có nghĩ thế không?”

[2] El mundo: thế giới có thật, thật sự.

Ông Schaeffer cũng không chịu nghe. “Bác già quá rồi,” ông đáp. “Già nua khôn kiếp.”

Suốt vài tuần sau, Tico Feo cứ bám theo ông - thế giới, thế giới thật, ông bạn già của cháu ơi; và cậu muốn trốn. Cậu tự nhốt mình trong toilet, tay ôm đầu. Dù sao cậu cũng rất kích động, như trên người. Nếu nó thành sự thật thì sao, cùng chạy với Tico xuyên qua những cánh rừng rồi ra biển? Và ông hình dung mình ở trên thuyền, ông, người chưa bao giờ nhìn thấy biển, cả đời cầm rẽ trên đất liền. Vào khoảng thời gian đó, một người tù bị chết, ở trong sân có thể nghe tiếng đóng quan tài. Mỗi tiếng đinh đóng vào áo quan, Ông Schaeffer lại nghĩ, “Đây là cho mình, dành cho mình đây.”

Tico Feo chưa bao giờ hưng phấn như thế; cậu đi dạo với những bước chân nhảy nhót, uyển chuyển như trai bao và đùa cợt với tất cả mọi người. Trong nhà giam, sau bữa tối, những ngón tay cậu bung trên dây đàn guitar như pháo hoa. Cậu dạy mọi người gào lên olé và vài người tung mũ lên trời.

Khi việc làm đường kết thúc, Ông Schaeffer và Tico được chuyển trở lại vào trong rừng. Vào ngày Lễ Tình Nhân, họ ăn trưa dưới một cây thông. Ông Schaeffer đã đặt mua từ thị trấn một tá cam tươi và ông chậm rãi gọt cam, lớp vỏ kéo dần thành hình xoắn ốc; những miếng mọng nước nhất ông phần cho anh bạn nhỏ, cậu rất tự hào vì mình có thể nhổ hạt cam rất xa - những hơn ba mét.

Đây là một ngày đẹp trời, những vệt nắng lướt qua họ như bướm bay, và Ông Schaeffer, vốn rất thích làm việc với cây cối, cảm thấy lơ mơ, sung sướng. Rồi Tico bảo, “Cái gã kia, hẳn chẳng bắt nổi một con ruồi trong miệng” Cậu ám chỉ Armstrong, một gã mặt phỉ phị đang ngồi với khẩu súng kẹp giữa hai chân. Gã là lính canh trẻ nhất và vừa mới đến trại.

“Chẳng biết được” Ông Schaeffer nói. Ông quan sát Armstrong và để ý thấy, giống như nhiều kẻ to xác và tự đắc, tên lính gác mới di chuyển khá nhanh nhẹn. “Gã có thể đánh lừa cháu đấy.”

“Cháu lừa nó thì có” Tico Feo đáp, nhổ một hạt cam về phía Armstrong. Gã lờ mắt nhìn cậu rồi huýt một tiếng còi. Đó là hiệu lệnh bắt đầu làm việc.

Thỉnh thoảng vào buổi chiều, hai người bạn lại gặp nhau, đó là lúc họ đóng đinh treo xô lấy nhựa thông vào những cái cây cạnh nhau. Không xa phía dưới họ là một nhánh sông cạn chạy vòng xuyên qua rừng cây. “Trong nước không để lại mùi” Tico nói một cách tỉ mỉ, như thể đang nhớ lại những gì cậu đã từng nghe. “Chúng ta chạy trong nước; khi nào trời tối thì trèo lên cây. Được không bác?”

Ông Schaeffer cứ gõ búa, nhưng tay ông run rẩy, và cái búa giáng xuống ngón cái của ông. Ông sưng sốt nhìn bạn mình từ đầu đến chân. Mặt ông không có biểu hiện gì đau đớn, và ông cũng không cho ngón tay vào miệng như bình thường người ta vẫn làm.

Cặp mắt xanh biếc của Tico trợn lên như bong bóng, và bằng một giọng khê hơn cả tiếng gió trên ngọn thông, cậu đáp, “Ngày mai” Ông Schaeffer hầu như chỉ còn thấy mỗi đôi mắt cậu.

“Mai được không bác?”

“Mai.” Ông Schaeffer đáp.

Những màu sắc đầu tiên của buổi sáng rơi trên bức tường nhà giam, và Ông Schaeffer, cũng nghỉ ngơi được chút ít, biết rằng Tico Feo đã thức giấc. Bằng cặp mắt mệt mỏi của một con cá sấu, ông quan sát từng cử động của bạn mình ở giường bên. Tico Feo đang tháo nút buộc chiếc khăn đựng những báu vật của cậu. Đầu tiên, cậu lấy cái gương nhỏ ra. Ánh sáng nhờ nhờ của nó run rẩy trên gương mặt cậu. Trong một lúc cậu tự hào ngắm mình với vẻ vui sướng thành thực, chải đầu và vuốt mượt tóc như thể đang chuẩn bị để đi ra ngoài dự tiệc. Rồi cậu quàng cái tràng hạt quanh cổ. Chai nước thơm và tấm bản đồ cậu không mở ra. Cuối cùng, cậu lên dây đàn guitar. Trong khi những người khác mặc quần áo, cậu ngồi bên mép giường và điều chỉnh dây đàn. Thật lạ lùng, vì chắc cậu thừa biết mình sẽ không bao giờ chơi nó nữa.

Chim chóc riu rần theo chân những người đàn ông đi qua khu rừng còn mờ mịt sương sớm. Họ bước thành hàng một, một nhóm mười lăm người có một lính gác đi bọc hậu. Ông Schaeffer toát mồ hôi như thể trời

nóng lắm, ông không thể bước kịp bạn mình, cậu đi đầu, búng ngón tay tanh tách và huýt sáo với lũ chim. Đã có ám hiệu. Tico gọi, “Hết giờ “ và vờ đi ra sau một cái cây. Nhưng Ông Schaeffer không biết khi nào chuyện đó sẽ xảy ra.

Tên lính gác Armstrong huýt một hồi còi, mọi người trong nhóm rời khỏi hàng và tản ra những chỗ làm khác nhau. Ông Schaeffer cố gắng làm tốt nhất phần việc của mình nhưng luôn chú ý chọn một vị trí để ông có thể theo dõi cả tên gác và Tico Feo. Armstrong ngồi lên một gốc cây, phồng một bên má nhai thuốc lá, mũi súng của gã ngếch lên trời. Gã có đôi mắt giảo hoạt của một kẻ cờ gian bạc bịp; không ai có thể nói được gã đang nhìn vào đâu.

Một lần một người khác nói đúng ám hiệu. Mặc dù Ông Schaeffer biết ngay đây không phải giọng bạn mình, nỗi hoảng sợ vẫn như sợi thừng xiết nghẹn họng ông. Suốt cả buổi sáng tai ông lùng bùng như trống đánh khiến ông đâm lo là mình không nghe nổi ám hiệu khi nó phát ra thật.

Mặt trời lên đến đỉnh đầu. “Cu cậu đúng là một thằng lười mơ giữa ban ngày. Sẽ chẳng có gì xảy ra đâu,” Ông Schaeffer nghĩ, đến một lúc gần như tin vào chuyện đó. “Đầu tiên mình ăn đã,” Tico Feo nói với vẻ thực tế khi họ đặt cái xô đựng bữa tối bên bờ con sông. Họ ăn trong im lặng, như thể đang bắt măn với nhau, nhưng cuối bữa, Ông Schaeffer cảm thấy bàn tay cậu bạn với gần tay mình rồi khê xiết chặt.

“Ông Armstrong, hết giờ...”

Gần nhánh sông, Ông Schaeffer biết một cây bạch đàn ngọt, ông đang nghĩ chẳng bao lâu xuân đến sẽ có nhựa ngọt để nhai. Một mảnh đá sắc như dao cạo cắt đứt bàn tay ông khi ông trườn khỏi bờ sông trơn tuột để xuống nước. Ông đứng thẳng dậy và bắt đầu chạy; chân ông dài, ông gần như đuổi sát Tico Feo, những cột nước lạnh cóng phun lên khắp người họ. Đây đó xuyên qua rừng tiếng người quát tháo vang lên âm âm như vọng trong hang, có ba tiếng súng bắn vọt lên cao như thể lính gác nhắm vào đám ngỗng trời.

Ông Schaeffer không nhìn thấy khúc gỗ nằm chắn ngang sông. Ông nghĩ mình vẫn đang chạy nhưng đôi chân đã phản lại ông, ông chẳng khác gì một con rùa bị mắc kẹt trong mai của mình.

Trong khi đang vật lộn ở đó, dường như gương mặt cậu bạn chập chờn trước mặt ông, giống một mảnh trời mùa đông trắng trắng - thật xa xôi và phán xét. Nó lơ lửng ở đó, nhưng chỉ trong thoáng chốc, nhanh như một con chim ruồi, cũng đủ thời gian cho ông chợt hiểu Tico Feo đã không muốn ông thành công, không bao giờ nghĩ ông có thể, và ông nhớ một lần mình đã nhủ thầm còn lâu lắm cậu bạn mới thành người lớn được. Khi người ta tìm thấy ông, ông vẫn còn nằm ở chỗ nước nông đến mắt cá chân, như thể đó là một chiều hè và ông đang lười nhác thả mình trên suối.

Từ dạo đó ba mùa đông đã qua đi, mùa đông nào cũng được coi là dài nhất, lạnh nhất. Cơn mưa kéo dài suốt hai tháng gần đây đã xói những rãnh sâu trên con đường đất dẫn vào trại khiến việc đến đó khó khăn hơn bao giờ hết, mà ra đi lại càng khó hơn. Một cặp đèn pha đã được gắn thêm vào tường, chúng chiếu sáng suốt đêm như đôi mắt con cú vọ khổng lồ. Ngoài ra chẳng có nhiều thay đổi. Ví dụ như Ông Schaeffer trông vẫn y như xưa, trừ mỗi cái tóc bạc nhiều hơn, và do mất cá chân bị vỡ, ông bước đi tập tễnh. Chính ông Giám đốc nói rằng Ông Schaeffer bị vỡ mất cá chân do cố gắng đuổi bắt Tico Feo. Thậm chí có cả hình của Ông Schaeffer trên báo với dòng tít: “Cố ngăn kẻ đào tẩu”. Thời điểm đó, ông đã ngấm ngấm hổ thẹn, không phải vì biết mọi người cười nhạo mình mà vì nghĩ rằng Tico Feo sẽ thấy nó. Nhưng dù sao ông đã cắt bài đó khỏi tờ báo và giữ nó trong một chiếc phong bì cùng với vài mẩu tin liên quan tới bạn mình: một bà cô không chồng báo với nhà chức trách rằng cậu đã vào nhà và hôn bà, hai lần có báo cáo thấy cậu ở Mobile và vùng lân cận, cuối cùng người ta tin rằng cậu đã rời khỏi nước này.

Không ai tranh với Ông Schaeffer quyền giữ cái guitar. Vài tháng trước, một người tù mới chuyển vào nhà giam. Người ta nói gã chơi đàn rất khá và thuyết phục Ông Schaeffer đưa cây guitar cho gã. Nhưng giọng của hắn ta cứ phô ra chua loét, như thể Tico Feo vào buổi sáng cuối cùng khi chỉnh dây guitar đã cài một lời nguyền lên đó. Giờ thì nó nằm dưới gầm giường Ông Schaeffer, những mảnh kim cương thủy tinh chuyển màu vàng ố; trong đêm, đôi khi tay ông tìm kiếm nó, những ngón tay ông chơi với trên dây đàn: và rồi, thể giới.

11. Chương 11

Poster bản phim truyền hình Ký ức Giáng sinh năm 1997.

KÝ ỨC GIÁNG SINH

Hãy hình dung một buổi sáng vào cuối tháng Mười một. Một sáng chớm đông hơn hai mươi năm trước. Hãy ngắm căn bếp một ngôi nhà cũ rộng rãi ở tỉnh lỵ. Nổi bật nhất là cái bếp lò to tướng, đen bóng, nhưng cũng có cả một chiếc bàn tròn lớn và một lò sưởi với hai chiếc ghế xích đu đặt phía trước. Hôm nay là ngày đầu tiên cái lò sưởi bắt đầu réo lên khúc mùa đông của nó.

Một người đàn bà với mái tóc bạc xén gọn đang đứng cạnh cửa sổ bếp. Bà đi một đôi giày tennis và mặc cái áo len lụng thụng màu xám trùm ra ngoài chiếc váy hoa sắc sỡ mùa hè. Bà nhỏ người nhưng hoạt bát, giống như một con gà mái ri[1], nhưng vì một trận ốm kéo dài hồi trẻ, hai vai bà khom lại một cách tội nghiệp. Gương mặt bà rất đặc biệt, hơi xương xẩu giống mặt Lincoln, sạm màu nắng gió, nhưng nó cũng rất thanh tú, có nét, mắt bà nâu vàng màu rượu sherry và bên lên. “Ồi chào,” bà thốt lên, hơi thở phà khói lên kính cửa sổ, “Trời này làm bánh trái cây được rồi đây!”

[1] Nguyên văn: gà mái Bantam, một giống gà từ Bantam, Indonesia, nhỏ con nhưng rất nhanh nhẹn, can trường, có khi được nuôi làm cảnh trong nhà.

Bà đang nói với tôi. Tôi bảy tuổi, bà khoảng sáu mươi. Chúng tôi là chị em họ rất xa, nhưng sống cùng nhau - lâu như tôi có thể nhớ được. Chủ nhà là những người họ hàng khác, và dù họ có quyền đối với chúng tôi, thường xuyên làm chúng tôi phải khóc, nhưng chúng tôi không phải lúc nào cũng quan tâm đến họ. Chúng tôi là bạn thân nhất của nhau. Bà gọi tôi là Buddy, để tưởng nhớ người bạn thân nhất của mình trước kia. Ông Buddy đó chết khoảng năm 1880, khi bà vẫn còn là một đứa trẻ. Và bà vẫn là đứa trẻ.

“Chị biết ngay trước khi ra khỏi giường cơ,” bà nói, quay ra khỏi cửa sổ với vẻ phấn chấn đầy chủ ý trong mắt. “Cái chuông tòa án tiếng nghe rất lạnh và rõ. Chim chóc không hót nữa, chúng nó bay hết đến xứ ẩm rồi, và quả nhiên vậy. Ô, Buddy, đừng có nhồi nhét bánh bích quy nữa và kiểm cái xe đẩy của mình đi. Giúp chị tìm cái mũ. Minh phải nướng ba mươi cái bánh đấy.”

Năm nào cũng thế, vào một buổi sáng tháng Mười một, như thể chính thức mở màn mùa Giáng sinh trong năm, cái mùa náo nức khuấy động trí tưởng tượng và thổi bùng ngọn lửa trong tim, bà chị tôi lại cao giọng gọi “Trời này làm bánh trái cây được rồi! Kiểm cái xe đẩy của mình đi. Giúp chị tìm cái mũ.”

Đã tìm thấy mũ, một cái mũ rơm to như bánh xe cài những đóa hoa hồng bằng nhung đã bạc vì mưa nắng: trước kia nó là của một người họ hàng ăn diện hơn. Chúng tôi cùng mang xe, một cái xe nôi trẻ con sắt càng gãy gọng, ra ngoài vườn và đi vào khóm cây hồ đào. Cái xe nôi là của tôi; tức là nó được mua cho tôi lúc tôi mới đẻ. Nó được uốn bằng cây liễu gai, khá là xơ xác và các bánh xe loạng choạng như chân gà say sưa. Nhưng nó là một vật trung thành, mùa xuân, chúng tôi đẩy nó vào trong rừng và chôn vùi lên đó nào hoa, thảo dược, dương xỉ đại để trồng vào những chậu cây trên hiên, mùa hè, chúng tôi chở một xe đồ đi picnic, những cần câu cá bằng mía và kéo xuống bờ sông, mùa đông nó cũng được việc: biến thành xe kéo củi đốt từ sân vào trong bếp, làm cái giường ấm áp cho Queenie, con chó săn chuột nhỏ xíu, dững cằm, lông trắng pha vàng của chúng tôi, nó đã sống sót qua trận sốt ho virus và hai lần bị rắn chuông cắn. Giờ thì Queenie đang chạy lon ton bên cạnh xe.

Ba tiếng sau, chúng tôi trở lại bếp để bóc vỏ một xe đầy hồ đào rụng vì gió. Lưng chúng tôi ê ẩm vì nhặt hồ đào: chủ vườn đã rung cây thu hoạch và bán hết vụ, những quả còn sót lại thật khó kiếm, nằm lẫn trong đám lá che phủ và đám cỏ băng giá đến nản lòng. K-rắc! Âm thanh rắc rắc vui tai như những mảnh vụn của một tiếng sét bé xíu khi lớp vỏ vỡ ra, nhón lấy cái hạt trắng ngà, béo ngậy, ngọt ngào và thả mẩu vàng ròn ậy vào bát thủy tinh đựng sữa. Queenie thềm thường liếm mép, thỉnh thoảng, bà chị lại lén quăng cho nó một mẩu trong khi cứ khẳng khẳng là chúng ta không được phép ăn. “Minh thì không được, Buddy. Nếu mình bắt đầu thì không dừng được đâu. Và khiếp chưa. Những ba mươi cái bánh.” Gian bếp tối dần. Hoàng hôn biến cái cửa sổ thành một tấm gương: bóng hai chị em lẫn với vầng trăng đang nhỏ lên khi chúng tôi làm việc bên bếp lò trong ánh lửa. Cuối cùng, khi trăng lên khá cao, chúng tôi ném những cái vỏ cuối cùng vào lửa và thổi phào sung sướng, nhìn nó bắt lửa bùng lên. Cái xe đẩy trống không, còn bát thì đầy ắp.

Chúng tôi ăn bữa tối (bánh quy lạnh, thịt lợn muối, mứt dâu) và bàn bạc chương trình ngày mai. Hôm sau bắt đầu công việc mà tôi khoái nhất: mua bán. Anh đào và chanh, gừng, vani và dứa hộp Hawaii, vỏ cây, nho khô, hạt dẻ và rượu whisky và ồ... cơ man nào là bột, bơ; trứng, gia vị và hương liệu các loại, đến mức chúng tôi phải thuê cả một con ngựa con kéo cái xe đẩy về nhà.

Nhưng trước khi mua bán thì phải có tiền. Cả hai chúng tôi chẳng ai có xu nào. Trừ vài khoản bần xỉn mà mấy người ở nhà này xi ra cho (mười xu đã là ghê gớm lắm rồi), hoặc chúng tôi tự kiếm được nhờ làm mấy thứ như phụ bán hàng gây quỹ từ thiện, bán những giỏ dâu tự hái, những lọ mứt, mứt táo và đào nhà làm, kết vòng hoa cho đám ma và đám cưới. Một lần trong cuộc thi tìm hiểu về bóng đá toàn quốc, chúng tôi đoạt giải thứ bảy mươi chín, được năm đô la. Chẳng phải vì chúng tôi biết quái gì về bóng đá cả. Đơn giản là hai chị em cứ xông vào bất kỳ cuộc thi nào mà mình nghe nói đến: hiện giờ thì hi vọng của chúng tôi đặt hết cả vào Giải thưởng Lớn năm mươi ngàn đô để đặt tên cho một nhãn hiệu cà phê mới. (chúng tôi để nghị là “Sáng” và sau một lúc ngần ngừ, vì bà chị tôi nghĩ có lẽ nó hơi bóng bẩy, sửa thành khẩu hiệu “Sáng! Sáng danh Chúa!”). Thật ra mà nói, thương vụ thực sự hời nhất của chúng tôi là làm hướng dẫn cho Bảo tàng Ngộ và Quái trong cái lều chứa củi ở sân sau mùa hè hai năm trước. Ngộ là cái máy chiếu hình phóng đại những tấm ảnh Washington và New York mà một người họ hàng cho chúng tôi mượn (bà ta giận điên lên khi phát hiện ra vì sao chúng tôi mượn nó); Quái là con gà mái ba chân do gà nhà chúng tôi ấp nở ra. Ở đây ai cũng muốn xem con gà mái đó: chúng tôi lấy người lớn năm xu, trẻ con hai xu. Và chúng tôi kiếm được những hai mươi đô trước khi bảo tàng đóng cửa vì không còn người xem nữa.

Nhưng bằng cách này hay cách khác, hàng năm chúng tôi đều gom góp những khoản tiết kiệm Giáng sinh để gây Quỹ Bánh Trái Cây. Số tiền này chúng tôi giấu trong cái ví xưa cũ kết bằng hạt dẻ dưới tấm ván sàn bị long dưới cái bô ở gầm giường bà chị tôi. Cái ví hiếm khi được lôi ra khỏi vị trí an toàn của nó trừ khi để bỏ tiền vào, hoặc vào mỗi thứ Bảy để rút tiền ra, vì thứ Bảy tôi được phép lấy mười xu đi xem phim. Bà chị tôi chẳng bao giờ đi đến đó, mà cũng không định đi: “Nghe em kể lại thích hơn, Buddy ạ. Như thế chị có thể tưởng tượng ra nhiều hơn. Hơn nữa, ở tuổi của chị chẳng nên phí mất làm gì. Để khi Chúa đến, chị còn nhìn Người cho rõ.” Ngoài việc không bao giờ đi xem phim, bà còn không bao giờ: đi ăn nhà hàng, đi đâu cách nhà quá năm dặm, nhận hay gửi điện tín, đọc bất kỳ cái gì trừ mấy tờ báo hài hước và Kinh Thánh, trang điểm, nguyên rửa, muốn hại ai đó, cố tình nói dối, đuổi chó đói đi không cho ăn. Cũng có những thứ bà đã làm là: dùng cuộc giết chết một con rắn chuông lớn nhất từng thấy ở hạt này (có mười sáu con), hít thuốc lá (bí mật), quyến rũ chim ruồi (có thử) đến khi nó đậu trên ngón tay, kể chuyện ma (hai chúng tôi đều tin ở ma) sợ đến lạnh người dù đang trong tháng Bảy; nói chuyện một mình, đi dạo trong mưa, trồng những cây hoa trà đẹp nhất thị trấn, biết công thức tất cả các bài thuốc cổ xưa của người da đỏ, kể cả cách xóa mụn cơm đầy ma thuật.

Giờ đây, sau khi ăn xong bữa tối, chúng tôi nghỉ ngơi trong căn phòng ở một phần rất xa của ngôi nhà, nơi bà chị tôi ngủ trên một chiếc giường sắt sơn màu hồng, màu bà yêu thích nhất, phủ tấm trải khâu bằng vải vụn. Khẽ khàng, đắp mình trong một âm mưu đầy hân hoan, chúng tôi lôi cái ví ra khỏi chỗ bí mật của nó và đổ các thứ bên trong ra tấm chăn phủ giường. Những tờ đô la quần tròn lại và xanh ngắt như chồi cây tháng Năm. Những đồng năm mươi xu thẫm màu, đủ nặng để bỏ lên hốc mắt người chết. Sinh động nhất là những đồng mười xu đáng yêu, chúng thực sự kêu lanh canh. Đồng năm xu và hai nhăm xu mòn nhẵn như đá cuội trong lòng suối. Nhưng phần lớn là một đồng đáng ghét những đồng một xu đượm mùi cay đắng. Mùa hè năm ngoái, những người khác sống trong nhà thỏa thuận trả một xu cho chúng tôi mỗi lần giết được hai mươi nhăm con ruồi muỗi. Ôi, tháng Tám mùa tàn sát: những con ruồi muỗi bay lên thiên đường! Đây không phải là công việc mà chúng tôi lấy làm tự hào. Và khi ngồi đếm những đồng một xu, cứ như thể chúng tôi đang trở lại với bảng thống kê xác ruồi muỗi. Cả hai không ai biết tính; chúng tôi đếm rất chậm, quên mất, rồi tính lại từ đầu. Theo tính toán của bà thì chúng tôi có 12,73 đô. Theo tôi thì vừa tròn 13 đô. “Chị mong là em tính sai, Buddy ạ. Minh không thể ấu với số 13 được đâu. Bánh sẽ bị rơi. Hoặc ai đó bị chết. Tại sao à, thậm chí chị sẽ chẳng mơ bước chân ra khỏi giường vào ngày thứ mười ba đâu.” Đúng thế thật: ngày mười ba bà luôn nằm tịt trong giường. Vì thế, để được an toàn, chúng tôi rút ra một penny và ném nó qua cửa sổ.

Trong số các nguyên liệu để làm bánh trái cây thì whisky là đắt nhất, mà cũng khó kiếm nhất: luật của bang cấm bán nó. Nhưng ai cũng biết có thể mua một chai ở chỗ ông Haha Jones. Và hôm sau, xong việc mua sắm những thứ bình thường hơn, chúng tôi tìm đến địa chỉ bán hàng của ông Haha, một quán “tội lỗi” (theo ý kiến quần chúng) bán cá rán, cà phê kiêm nhảy nhót ở hạ lưu sông. Chúng tôi đã từng đến đây,

với cùng một mục đích, nhưng những năm trước, chúng tôi mua bán với vợ của Haha, một bà người da đỏ đen sẫm như iốt với mái tóc nhuộm ôxy già màu đồng thau và tính khí thất thường mệ cả người. Thực ra chúng tôi chẳng bao giờ để mắt đến ông chồng, mặc dù nghe đồn là ông ta cũng người da đỏ. Một vết sẹo khổng lồ, cắt bằng dao cạo, chạy ngang mặt ông ra. Người ta gọi ông ta là Haha vì ông ta lúc nào cũng rầu rĩ, chẳng bao giờ cười. Chân chúng tôi bước chậm lại khi đến gần quán cà phê của ông ta (một cabin bằng gỗ rộng, từ trong ra ngoài kết hàng dây những bóng đèn trần trụi, màu sắc sỡ vui mắt, nó đứng bên mép sông đầy bùn, dưới bóng cây cành lá đầy rêu như bọc trong sương mù xám). Ngay cả Queenie cũng thôi nhảy dựng lên và đứng nép bên cạnh. Đã từng có người bị giết trong quán cà phê của Haha. Cắt thành nhiều mảnh. Tháng sau có một vụ được đưa ra tòa xử. Tất nhiên sự việc diễn ra vào đêm, khi ánh sáng màu hắt ra những hình thù điên rồ và cái máy hát Victrola rền rì. Còn ban ngày thì quán của Haha trông tồi tàn, quanh quẽ. Tôi gõ cửa, Queenie sửa, còn bà chị thì gọi: “Bà Haha, bà ơi? Ai có nhà không?”

Tiếng bước chân. Cửa mở ra. Tim chúng tôi lộn ngược. Chính là ông Haha. Và ông ta là một gã khổng lồ; có sẹo, và không cười. Ôi không, ông ta nhìn chúng tôi trừng trừng bằng cặp mắt xéch của Satăng và vắn hỏi: “Các người muốn gì ở Haha?”

Trong khoảng khắc, chúng tôi tê liệt không nói nên lời. Mãi bà chị tôi mới lấy lại được nửa hơi, gắng sức thì thào: “Ông làm ơn, ông Haha, chúng tôi muốn mua một lít rượu whisky hảo hạng nhất của ông ạ.”

Mắt ông ta càng xéch ngược lên. Có thể tin nổi không? Haha đang cười. Cười phá lên nữa! “Ai ở đây là người uống đây?”

“Là để làm bánh trái cây thưa ông Haha. Để nấu ạ.”

Điều này làm ông ta tỉnh trí lại. Ông ta cau có. “Không được phép phí phạm whisky ngon.” Dù sao, ông ta cũng rút vào bóng tối của quán cà phê và vài giây sau quay lại, mang theo một chai rượu không nhãn mác, màu vàng hoa cúc. Ông ta chỉ vào những cái tăm của nó sủi lên trong ánh nắng rồi bảo: “Hai đô la.”

Chúng tôi trả ông ta bằng những đồng năm xu, mười xu và một xu. Đột nhiên, để những đồng xu lạnh canh trong tay như một nắm xúc xắc, gương mặt ông ta dịu xuống: “Tôi bảo này” ông ta đề nghị, trút lại số tiền vào trong cái ví kết bằng hạt của chúng tôi, “chỉ cần mang cho tôi một cái bánh trái cây là được.”

“Chà” bà chị tôi nhận xét trên đường về nhà “ông ấy thật dễ mến quá. Mình sẽ cho thêm một cốc nho khô vào cái bánh của ông ấy.”

Cái bếp lò đen bóng đun củi và than rực rỡ như một quả bí ngô được thắp sáng. Cái đánh trứng quay như gió, thìa đánh tít mù trong bát bột và đường, mùi vani thơm ngào ngạt không trung, gừng cay cay, những mùi thơm diếc mũi thấm đẫm gian bếp, lan tỏa khắp nhà, cuốn theo khói lò sưởi tràn ra thế giới. Sau bốn ngày chúng tôi xong việc, ba mươi mốt cái bánh, tấm whisky, phơi trên bệ cửa sổ và đầy các giá.

Chúng để cho ai?

Bạn bè. Không nhất thiết là bạn hàng xóm: quả thật phần lớn là để cho những người chúng tôi gặp có lẽ chỉ một lần, hay có khi chưa bao giờ gặp. Như tổng thống Roosevelt. Như Đức Cha và bà J.C. Lucey, những nhà truyền giáo Baptist[2] tới Borneo[3] mùa đông năm ngoái đã giảng đạo ở đây. Hay người thợ mài dao nhỏ nhẵn một năm hai lần đi xuyên qua thị trấn. Hay Abner Packer, người lái xe bus chuyển sáu giờ từ Mobile, ngày nào cũng vẫy tay với chúng tôi khi lướt qua trong đám mây bụi phun mù mịn. Hay là cô cậu Wiston, cặp vợ chồng trẻ ở California, một buổi chiều bị hỏng xe trước nhà, đã tán chuyện một giờ đồng hồ với chúng tôi ngoài hiên (cậu Wiston đã chụp ảnh cho chúng tôi, bức ảnh duy nhất mà chúng tôi có). Có phải vì chị tôi ngưỡng ngàng với tất cả mọi người, chỉ trừ người lạ và những người xa lạ chỉ gặp một đôi lần này có vẻ là bạn thật sự của chúng tôi? Tôi nghĩ chắc thế. Và những cuốn sổ tay chúng tôi giữ thư cảm ơn được gửi từ tử giấy tờ Nhà Trắng, đôi khi có thư từ California và Borneo, hay những tấm thiệp giá một xu của người thợ mài dao, khiến chúng tôi cảm thấy gắn bó với thế giới đầy áp sự kiện bên ngoài căn bếp, với tầm nhìn xa đến tận chân trời.

[2] Baptist: Người theo giáo phái Baptis chuyên rửa tội cho người lớn.

[3] Borneo: Còn gọi là đảo Kilimantan, hòn đảo lớn thứ ba trên thế giới ở Đông Nam Á.

Có một cảnh vả tháng Mười hai trần trụi đang cọ vào cửa sổ. Căn bếp rộng không, bánh đã cho đi hết, hôm

qua chúng tôi đã chở cái cuối cùng đến bưu điện và tiền tem làm ví chúng tôi cạn sạch. Chúng tôi nhẩn tui. Điều đó làm tôi thất vọng, nhưng bà chị khăng khăng phải ăn mừng - với chỗ rượu còn lại trong chai của Haha chừng hai đốt ngón tay. Queenie được một thìa đầy trong bát uống cà phê (nó thích cà phê đặc, có vị rễ rau diếp xoăn). Phần còn lại chúng tôi chia vào hai cái cốc đựng thạch. Chúng tôi đều sợ uống whisky không pha. Uống vào đâm biếu cảm lung tung và rùng mình muốn ói. Nhưng dần dần chúng tôi bắt đầu hát, hai chị em hát hò những bài hát khác nhau cùng một lúc. Tôi chẳng biết lời, cứ quanh quẩn: Đến đây nào, đến đây nào, trong thị trấn tối om, tiệc khiêu vũ khiêu sa đón chào. Nhưng tôi biết nhảy, bóng tôi nhảy nhót diên đảo trên tường, giọng chúng tôi làm những đồ sứ rung rinh, chúng tôi cười khúc khích, như thể bị những bàn tay vô hình cù. Queenie nằm lẩn phoir bụng ra, móng quào lên không khí, cặp môi đen bóng của nó toét ra như cười. Tôi cảm thấy ấm áp trong người, bốc cháy như củi vụn, phóng túng như gió hú qua lò sưởi. Bà chị tôi nhảy valse quanh bếp lò, gấu cái váy hoa tôi tàn của bà kẹp giữa những ngón tay như thể nó là một chiếc đầm dạ hội: Chỉ cho em lối về nhà! bà hát, đôi giày tennis của bà cọt kẹt trên sàn. Chỉ cho em lối về nhà.

Hai người họ hàng xông vào. Rất giận dữ. Hầm hầm mắt nguyên rửa và lưỡi chì chiết. Phải nghe họ nói, từ ngữ cuốn vào nhau thành một thanh âm cuồng nộ: “Đứa trẻ bảy tuổi! Mồm đầy mùi whisky!”

Chị loạn óc rồi à? Cho một đứa bảy tuổi uống! Đúng là rồ dại! Xuống dốc không phanh! Có nhớ chị Kate không? Chú Charlie? Anh rể của chú Charlie nữa? Xấu hổ! Xì căng đan! Nhục nhĩ! Quý xuống, tưng kinh, cầu Chúa đi!”

Queenie len lén giấu mình dưới cái bếp lò. Bà chị tôi cầm mắt xuống đôi giày, cầm run lên, bà nâng chiếc váy, xỉ mũi và chạy bỏ về phòng mình. Rất lâu sau khi thị trấn đã chìm trong rất ngủ, ngôi nhà yên tĩnh chỉ còn tiếng đồng hồ tích tắc và tiếng xèo xèo của đám lửa lụi dần, bà vẫn còn thồn thức trong chiếc gối giờ đã ướt đầm như khăn tay góa phụ.

“Nín đi chị,” tôi nói, ngồi ở chân giường bà và rùng mình trong chiếc áo ngủ vải flannel vẫn còn mùi của sirô ho mùa đông năm ngoái, “nín đi nào,” tôi năn nỉ, nghịch ngón chân, cù bàn chân bà, “chị lớn rồi kia mà.”

“Là vì” bà nắc lên, “Chị già quá rồi. Già và buồn cười”

“Không buồn cười đâu. Vui chứ. Vui hơn tất cả mọi người. Nghe này, nếu chị không nín khóc thì ngày mai chị sẽ mệt đến nỗi chị em mình không đi đón cây được.”

Bà ngồi thẳng người lên. Queenie nhảy tót lên giường (nơi nó bị cấm) để liếm má bà. “Chị biết chỗ mình có thể kiếm được những cái cây thật là đẹp, Buddy à. Và cây nhựa ruồi nữa. Cả những trái hồng dại to bằng mắt em ấy. Nó xa tít trong rừng. Mình chưa bao giờ đi xa đến thế đâu. Bố chị thường mang cây Nô-en từ đó về đây: vác chúng trên vai nhé. Hồi đấy là năm mươi năm trước rồi. Chà, giờ thì chị không thể đợi nổi đến sáng mai.”

Buổi sáng. Sương muối đọng long lanh trên cỏ, mặt trời tròn như trái cam và chín vàng như trắng những ngày trời nóng nực, lơ lửng ở chân trời, làm sáng cả rừng cây mùa đông trắng bạc. Tiếng gà tây hoang dã gáy. Một con lợn lang thang ủn ỉn trong lùm cây lúp xúp. Chẳng bao lâu, chúng tôi phải bỏ lại cái xe đẩy bên bờ suối nước nông đến đầu gối nhưng chảy xiết. Queenie lội qua suối trước, vừa khỏa nước vừa sữa phàn nàn dòng nước xiết làm cho nó lạnh. Chúng tôi theo sau, cầm giày và các thứ dụng cụ (một cái riu nhỏ, một cái túi vải bố) giơ cao trên đầu. Thêm một dặm nữa, tả tơi vì gai nhọn, các quả gai và cây tầm xuân bám đầy quần áo, phát cáu lên với những cái kim lá thông nổi lên giữa đám nấm sặc sỡ và lông chim rụng. Đây đó xẹt ngang qua, hay có tiếng đập cánh, một cơn hưng phấn đến rừng mình nhắc chúng tôi rằng không phải tất cả lũ chim đã bay về phương nam. Rồi cũng đến con đường mòn trải dài qua những đầm nước in bóng mặt trời màu vỏ chanh và những đường hầm chằng chịt dây leo. Lại băng qua một con suối nữa, một hạm đội cá hồi lốm đốm làm mặt nước sủi tăm xung quanh chúng tôi, và những con ếch to bằng cái đĩa tập nhảy bụng tôm tôm, mấy bác công nhân râu xồm đang xây đập. Ở bờ xa, Queenie lắc lắc người, run rẩy. Bà chị tôi cũng rùng mình, nhưng không phải vì lạnh mà vì phấn khích. Một bông hồng rách trên mũ bà thả cánh xuống khi bà nhấc mũ ra khỏi đầu để hít không khí sực nức mùi thông. “Mình gần đến nơi rồi, em có thể ngửi thấy nó không, Buddy?” bà nói, như thể chúng tôi sắp đến một đại dương.

Và, quả thực, nó cũng là một đại dương. Bạt ngàn hàng mẫu thơm nức những cây nhựa ruồi lá đầy gai. Trái hồng dại đỏ, sáng bóng như những quả chuông Trung Quốc. Quạ đen sà xuống mổ, kêu quàng quạc.

Đã ních đẩy cái túi vải bó đủ hoa lá xanh đỏ để kết vòng hoa cho cả tá cửa sổ) chúng tôi quyết định chọn cây. “Nó phải” chị tôi trầm ngâm “cao gấp đôi một cậu bé. Để cậu bé không thể hái trộm sao được.” Cái cây chúng tôi chọn cao gấp đôi người tôi. Một con quái vật đẹp đẽ và dũng cảm đã chịu đựng ba mươi nhất riu trước khi gục xuống trong tiếng than ken két đau đớn. Kéo lê chiến lợi phẩm, chúng tôi bắt đầu chuyển đi vất vả. Cứ vài mét chúng tôi lại bỏ đẩy, ngồi xuống và thở hổn hển. Nhưng chúng tôi có sức mạnh của những người thợ săn trúng lớn, cộng thêm với mùi hương thông băng giá mạnh mẽ làm hồi sức, giục chúng tôi đi tiếp. Trở về lúc hoàng hôn, dọc con đường đất đỏ vào thị trấn, chúng tôi nhận được vô số lời khen, nhưng chị tôi ranh mãnh không chịu tiết lộ khi những người qua đường ca ngợi những thứ quý giá chất trên chiếc xe đẩy của chúng tôi: bà kiểm đầu ra cái cây đẹp quá? “Trên đường ấy mà” bà lẩm bẩm một cách mơ hồ. Một lần một cái xe hơi dừng lại và bà vợ lười nhác của ông chủ nhà máy xay thò đầu ra léo nhéo: “Bán cái cây cối kia hai năm xu nhé.” Bình thường bà chị tôi rất sợ nói không, nhưng lần này bà đồng dục lắc đầu: “Một đô chúng tôi cũng không bán.” Vợ ông chủ nhà máy xay vẫn nì nèo: “Một đô la, đắt như quỷ ấy! Năm mươi xu. Giá cuối cùng đấy. Trời đất! bà này, bà có thể kiếm cây khác mà.” Bà chị tôi nhẹ nhàng đáp lại: “Tôi không nghĩ thế đâu. Chẳng bao giờ có hai cái gì y hệt nhau.”

Về đến nhà: Queenie lăn ra cạnh đồng lửa và ngủ đến tận ngày hôm sau, ngáy ầm ĩ như người.

Cái rương ở buồng kho chứa: một cái hộp giày đựng lông đuôi chồn (rời ra từ cái áo choàng của một quý bà lạ lùng đã từng thuê phòng trong ngôi nhà này), hàng cuộn dây kim tuyến tả tơi, lớp vàng đã tróc hết vì thời gian, một ngôi sao bạc, một chuỗi ngắn ngắn những bóng đèn trống như kẹo, rõ ràng là nguy hiểm vì đã hư nát. Những vật trang trí tuyệt hảo đến thế, nhưng vẫn chưa đủ, chị tôi muốn cái cây của chúng tôi phải tỏa sáng “như cửa sổ nhà Người Rửa Tội” rủ xuống những đồ trang hoàng nặng trĩu tuyết. Nhưng chúng tôi chẳng đào đâu ra tiền để có các thứ lộng lẫy nhập từ Nhật Bản ở cửa hàng Năm và Mười xu. Vì thế, chúng tôi làm như mọi khi, ngồi cả ngày ở cái bàn bếp với kéo, bút chì màu và một đồng giấy màu. Tôi vẽ còn bà chị thì cắt chúng ra: rất nhiều mèo, cá nữa (vì chúng dễ vẽ), mấy quả táo, dưa hấu, vài thiên thần có cánh chế ra từ những tấm giấy thiếc của thanh sôcôla Hershey mà chúng tôi dành dụm được. Chúng tôi dùng kim băng đính những tác phẩm đó lên cây; và cuối cùng, chúng tôi rắc lên các cành cây những chùm bông xé tơi (được nhặt từ tháng Tám để dùng vào việc này). Bà chị tôi, ngắm nghía kết quả, vỗ hai tay vào nhau: “Giờ thật lòng mà nói, Buddy. Trông nó có đẹp đến mức muốn ăn không?” Queenie thử chén một thiên thần.

Sau khi kết và thắt nơ cho những tràng hoa nhựa ruồi treo khắp các cửa sổ phía trước, công trình tiếp theo của chúng tôi là tạo kiểu cho các món quà gia đình. Khăn nhuộm màu cho phụ nữ, cho đàn ông thì là nước chanh có ga nhà làm và siro cam thảo trộn aspirin để uống “Khi có triệu chứng cảm lạnh đầu tiên và sau khi Đi Săn”. Nhưng đến khi làm quà cho nhau thì tôi và bà chị bí mật làm riêng. Tôi muốn mua tặng bà cái dao găm khảm ngọc trai, một cái radio, cả nửa cân anh đào bọc sôcôla (một lần chúng tôi được ném vài quả, và bà luôn miệng thề: “Chị có thể sống bằng nó, Buddy ạ, Chúa ơi, chị có thể - và chị không gọi tên Người một cách vô ích đâu.” Thay vào đó, tôi làm cho bà một cái điều. Bà muốn tặng tôi cái xe đạp (Bà nói thế cả vài triệu lần: “Nếu mà chị có thể, Buddy ạ. Thật tôi tệ phải sống mà không có cái mình muốn, nhưng chết tiệt, thật trêu ngươi là chị không thể tặng ai đó cái mà chị muốn họ có. Ước gì một ngày kia chị sẽ, Buddy à, tặng em cái xe đạp. Đừng hỏi làm thế nào. Ăn trộm nó, có thể thế”) Thay vào đó, tôi gài như chắc chắn là bà sẽ làm cho tôi một cái điều - y như năm ngoái và năm kia: năm trước đó thì chúng tôi tặng lẫn nhau súng cao su. Tất cả những thứ đó tôi đều thích. Vì chúng tôi là vô địch thả điều, biết đoán gió như thủy thủ; bà chị còn thiện nghệ hơn tôi, có thể khiến một con điều lên cao ngay khi không đủ gió để nâng một áng mây.

Chiều hôm Giáng sinh chúng tôi cùng vét được năm xu và đi đến hàng thịt để mua món quà truyền thống cho Queenie, một khúc xương bò thật ngon để gặm. Cái xương được bọc trong giấy gói ngộ nghĩnh, đặt cao tít trên cây gần ngôi sao bạc. Queenie biết quà ở đó. Nó ngồi chồm hổm dưới gốc cây ngược lên thềm muốn đắm đuối: đến giờ đi ngủ nó vẫn không chịu nhúc nhích. Tôi cũng háo hức y như nó. Tôi đá chân, lật gối như thể đang giữa đêm hè nóng như thiêu. Đầu đó có tiếng gà gáy: nhầm rồi, vì mặt trời vẫn còn ở phía bên kia quả đất. “Buddy, em còn thức à?” Đây là bà chị tôi, gọi từ phòng mình, ngay cạnh phòng tôi, và một lát sau, bà ngồi trên giường tôi, tay cầm ngọn nến. “Chà, chị không thể chợp mắt được,” bà tuyên bố. “Ý nghĩ chị cứ nhảy nhót như con thỏ bị săn ấy. Buddy, em có nghĩ là bà Roosevelt sẽ dọn bánh của mình ra trong bữa tối không?” Chúng tôi nằm rúc vào nhau trên giường, và bà bóp tay tôi Chị-yêu-em. “Hình như hồi trước tay em nhỏ hơn nhiều. Chị chắc là chị ghét nhìn em lớn lên. Khi nào em lớn, mình vẫn là

bạn được chứ?” Tôi đáp mãi mãi chứ. “Nhưng chị buồn quá, Buddy ạ. Chị muốn tặng em chiếc xe đạp kinh khủng. Chị đã thử bán món đồ trang sức chạm đá mà bố cho chị. Buddy-” bà ngập ngừng, như xấu hổ. “Chị đã làm cho em một cái điều nữa.” Rồi tôi thú nhận là tôi cũng làm cho bà một cái, và chúng tôi cười phá lên. Cây nến đã cháy gần đến mức không cầm nổi nữa. Rồi nó tắt, những ánh sao trời sáng lên, những ngôi sao nhấp nháy ngoài cửa sổ như tiếng riu rít bằng mắt, chậm chậm, chậm chậm hé ra ngày mới trong im lặng. Hình như chúng tôi lơ mơ ngủ, nhưng những tia sáng bình minh đầu tiên tạt vào chúng tôi như nước lạnh, hai chị em choàng tỉnh, mắt mở to, đi thò thân trong khi chờ những người khác thức dậy. Bà chị tôi gần như cố ý thả cái ấm xuống sàn bếp. Còn tôi nhảy điệu clacket trước những cánh cửa đóng kín. Từng người chủ nhà ló ra, trông như muốn giết cả hai chúng tôi, nhưng đang là Giáng sinh, vì thế họ không thể. Đầu tiên là một bữa sáng linh đình: mọi thứ mà ta có thể tưởng tượng ra - từ bánh rán và socola quay đến cháo yến mạch ngô và mật ong còn nguyên tảng. Nó làm mọi người vui vẻ chỉ trừ hai chị em tôi. Nói thật là chúng tôi quá nôn nóng chờ lúc tặng quà đến nỗi không thể ăn nổi một miếng ra hồn.

Chà, tôi đã thất vọng. Ai mà không chứ? Với tất, áo mặc đi học ngày Chủ Nhật, vài cái khăn mùi xoa, một cái áo len trông chán chết và một năm báo của nhà thờ dành cho trẻ con. Em bé chán cừ. Nó làm tôi cáu điên lên. Đúng là như thế.

Chị tôi vớ được một mẻ khá hơn. Một túi quýt Nhật không hạt là món quà quý nhất của bà. Bà tự hào nhất với tấm khăn choàng bằng len trắng mà cô em gái đã lấy chồng đan cho. Nhưng bà nói món quà bà thích nhất là cái điều tôi làm cho bà. Và nó rất đẹp, dù không đẹp bằng cái bà làm cho tôi, màu xanh da trời có điểm những ngôi sao Hạnh kiểm Tốt vàng và xanh lá, lại còn có cả tên tôi sơn trên đó, “Buddy”

“Buddy, gió đang thổi đấy.”

Gió đang thổi và chẳng có gì xảy ra đến khi chúng tôi chạy ra cánh đồng phía dưới ngôi nhà nơi Queenie đang lĩnh ra để chôn khúc xương của nó (nơi mà mùa đông năm sau Queenie cũng bị chôn). Ở đó, lao qua đám cỏ xanh tốt cao ngang thắt lưng, chúng tôi tháo cái điều, cảm thấy chúng giật giật trên dây như cá trời bơi theo gió. Mãn nguyện, ấm áp trong nắng, chúng tôi nằm ườn ra trong cỏ, bóc vỏ quýt Nhật và ngắm những cánh điều của mình vẫy vùng hân hoan. Chẳng bao lâu, tôi quên biến đi đôi tất, cái áo len đáng chán. Tôi sung sướng như thể chúng tôi vừa trúng Giải thưởng Lớn năm mươi nghìn đô trong cuộc thi đặt tên hiệu cho cà phê đó.

“Ôi trời, chị thật ngu quá!” chị tôi kêu lên, đột nhiên hoảng hốt như một bà nhớ ra quá trễ rằng mình đã bỏ bánh qui trong lò. “Em có biết chị luôn luôn nghĩ thế nào không?” bà hỏi bằng một giọng đầy khám phá, và không cười với tôi mà với một điểm tít trên cao. “Chị luôn nghĩ là người thì phải ốm và chết dần trước khi nhìn thấy Chúa. Và chị cứ tưởng tượng rằng khi Người đến thì sẽ giống như nhìn qua cửa sổ nhà Người Rửa Tội: đẹp đẽ như kính màu được nắng chiếu qua, rực sáng đến nỗi mình không biết là trời đang tối đi. Và nó rất dễ chịu khi nghĩ rằng ánh sáng đó xua đi mọi cảm giác ma quỷ. Nhưng chị cá là chuyện đó không bao giờ xảy ra. Chị cá là vào lúc lâm chung người ta nhận ra là Chúa đã hiện. Những thứ như thế kia-” tay bà chỉ một vòng bao quát hết cả những đám mây, cánh điều, cỏ và Queenie đang cào đất phủ lên khúc xương, “những thứ mà họ thường xuyên nhìn thấy; chính là nhìn thấy Người. Chị thì chị có thể rời khỏi thế giới này với ngày hôm nay trong mắt chị.”

Đấy là Giáng sinh cuối cùng chúng tôi bên nhau.

Cuộc sống đã chia rẽ chúng tôi. Những Người Thông Thái quyết định là tôi phải vào trường quân đội. Và tiếp đó là một chuỗi những nhà tù với tiếng kèn hiệu lệnh, những trại hè đầy mệnh lệnh tàn ác. Tôi cũng có một cái nhà mới. Nhưng nó không tính. Nhà là nơi chị tôi ở, và tôi không bao giờ rời khỏi nó.

Và bà còn ở đó, lẳng xẳng trong bếp. Một mình với Queenie. Rồi đơn độc. (“Buddy thương yêu,” bà viết với nét chữ xiêu vẹo khó đọc, “hôm qua con ngựa của Jim Marcy đã đá Queenie rất ác. Nhờ trời nó không còn cảm thấy đau nữa. Chị đã bọc nó trong tấm khăn trải giường vải lanh đẹp nhất và đưa nó đi trong chiếc xe đẩy xuống cánh đồng nhà Simpson nơi nó có thể ở cùng với tất cả những khúc xương của nó...”). Vài tháng Mười một sau, bà vẫn tiếp tục nướng bánh trái cây một mình, không nhiều như trước, nhưng cũng vài cái: và tất nhiên, bà luôn gửi cho tôi “cái bánh ngon nhất mẻ.” Trong mỗi lá thư, bà còn thêm vào một đồng mười xu chèn trong giấy vệ sinh: “Đi xem phim và viết thư kể chuyện cho chị nhé.” Nhưng dần dần, những bức thư sau hình như bà cứ nhầm tôi với người bạn khác của bà là Buddy đã chết năm 1880; ngày càng nhiều những hôm không phải ngày mười ba mà bà vẫn nằm trong giường: rồi đến một buổi sáng

tháng Mười một, buổi sáng mùa đông trụi lá, không chim chóc, bà không thể tự dậy để kêu lên: “Ôi chao, trời này làm bánh trái cây được rồi!”

Và khi chuyện đó xảy ra, tôi biết. Một bức thư xác nhận ngắn gọn mẩu tin mà lòng tôi đã thầm biết, cắt rời đi một phần không thể thay thế trong tôi, để nó mất đi như một cánh diều đứt dây. Đây là lí do khi bước ngang qua sân trường trong buổi sáng tháng Mười hai đặc biệt này, tôi cứ tìm kiếm mãi trên bầu trời. Như thể tôi mong được thấy, hơi giống hình trái tim, một đôi diều lạc hổi hã bay về hướng thiên đường.

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/bua-sang-o-tiffany-s>